

Phụ lục 2
NỘI DUNG, THÀNH PHẦN HỒ SƠ, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC
CẦN PHẢI SỐ HÓA; QUY TRÌNH NỘI BỘ, ĐIỆN TỬ ĐỐI VỚI
TÙNG TTHC CẤP TỈNH

*(kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 02 năm 2026 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

1. Cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - 1.014722

(1) Trình tự thực hiện:

- Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn đến Sở Công Thương một trong các hình thức sau:

- a) Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa;
- b) Thông qua dịch vụ bưu chính;
- c) Trực tuyến tại cổng dịch vụ công.

- Kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1, Điều 22 của Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ tư vấn có trách nhiệm đánh giá việc đáp ứng các điều kiện và cấp chứng chỉ tư vấn. Trường hợp không cấp chứng chỉ tư vấn, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ tư vấn phải thông báo bằng văn bản tới cá nhân và nêu rõ lý do.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:
 - + Quầy số 13 - số điện thoại 0273.3993889, Sở Công Thương tại địa chỉ số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp.
 - + Quầy số 14 - số điện thoại 02773.898958, lĩnh vực Công Thương tại địa chỉ số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công các xã, phường.
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công.
- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

(4) Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

4.1. Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn là bản gốc trong trường hợp nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính; tệp tin chụp từ bản gốc trong trường hợp nộp trực tuyến;

b) Tệp tin ảnh màu cỡ 4x6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn được chụp trong thời gian không quá 06 tháng;

c) Bản sao văn bằng có chứng thực hoặc tệp tin bản sao điện tử được chứng thực theo quy định do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với lĩnh vực, hạng chứng chỉ tư vấn đề nghị cấp; trường hợp trên văn bằng không ghi hoặc ghi không rõ chuyên ngành đào tạo thì phải nộp kèm bảng điểm hoặc phụ lục văn bằng để làm cơ sở kiểm tra, đánh giá (đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, trường hợp cá nhân là người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài phải là bản được hợp pháp hóa lãnh sự và bản dịch sang tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam; các trường hợp còn lại văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được hệ thống giáo dục Việt Nam công nhận);

d) Tài liệu chứng minh thời gian công tác tại các vị trí phù hợp là bản sao có chứng thực hoặc tệp tin bản sao điện tử được chứng thực theo quy định một hoặc một số giấy tờ sau đây: Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, tuyển dụng, luân chuyển, điều động; hợp đồng làm việc hoặc hợp đồng lao động; bảng lương hoặc giấy tờ chứng minh thời gian đóng bảo hiểm xã hội; giấy xác nhận quá trình công tác.

đ) Tài liệu chứng minh kinh nghiệm tham gia các công việc phù hợp là bản sao có chứng thực hoặc tệp tin bản sao điện tử được chứng thực theo quy định một hoặc một số giấy tờ sau đây: Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản xác nhận của đại diện hợp pháp của chủ đầu tư và chịu trách nhiệm về tính trung thực của nội dung xác nhận về các công việc mà cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai; hợp đồng kinh tế và biên bản nghiệm thu các công việc thực hiện đã kê khai.

e) Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin bản sao điện tử được chứng thực theo quy định giấy tờ về cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

4.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

(5) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc

(6) Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn Hạng A1, Hạng A2, Hạng A3 và Hạng B.

(7) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

(8) Kết quả thực hiện TTHC: Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng A1, Hạng A2, Hạng A3 và Hạng B.

(9) Phí, lệ phí: Cá nhân thực hiện nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu văn bản đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất: mẫu 01a Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ Công Thương quy định một số biện pháp thi hành Luật Hóa chất và Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

- Mẫu giấy xác nhận quá trình công tác: Mẫu 01b Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ Công Thương quy định một số biện pháp thi hành Luật Hóa chất và Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

- Mẫu bản xác nhận của đại diện hợp pháp của chủ đầu tư về các công việc mà cá nhân đã hoàn thành: Mẫu 01c Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ Công Thương quy định một số biện pháp thi hành Luật Hóa chất và Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

- Mẫu Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất: Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

* Điều kiện cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất đối với cá nhân thực hiện hoạt động tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất

1. Cá nhân hoạt động tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên ngành đào tạo về hóa học thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất

b) Đáp ứng điều kiện kinh nghiệm công tác theo quy định tại khoản 2 Điều

16 Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

2. Điều kiện kinh nghiệm công tác của cá nhân thực hiện hoạt động tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất được quy định như sau:

a) Đối với cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ Hạng A1: Có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc về công nghệ, kỹ thuật hóa học từ 07 năm trở lên; đã thực hiện các công việc liên quan đến tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với 02 dự án hóa chất có công trình cấp II trở lên;

b) Đối với cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ Hạng A2: Có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc về công nghệ, kỹ thuật hóa học từ 04 năm trở lên; đã thực hiện các công việc liên quan đến tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với 02 dự án hóa chất có công trình cấp III trở lên;

c) Đối với cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ Hạng A3: Có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc về công nghệ, kỹ thuật hóa học từ 04 năm trở lên.

* Điều kiện cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất đối với cá nhân hoạt động tư vấn an toàn, an ninh hóa chất:

1. Cá nhân hoạt động tư vấn an toàn, an ninh hóa chất được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên ngành đào tạo về hóa học thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;

b) Có thời gian kinh nghiệm công tác tại vị trí liên quan đến hoạt động an toàn hóa chất bằng tiêu chuẩn về thời gian kinh nghiệm của người huấn luyện nội dung lý thuyết chuyên ngành có trình độ từ đại học trở lên theo quy định tại pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động;

c) Đáp ứng điều kiện kinh nghiệm nghề nghiệp tương ứng với nội dung tư vấn theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

2. Điều kiện kinh nghiệm nghề nghiệp và phạm vi hoạt động đối với cá nhân thực hiện hoạt động tư vấn an toàn, an ninh hóa chất được quy định như sau:

a) Cá nhân được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng B để thực hiện các công việc tư vấn về diễn tập ứng phó sự cố hóa chất cấp quốc gia và các công việc tư vấn quy định tại điểm c, d, đ, e g, h tại khoản này khi có kinh nghiệm tham gia xây dựng tối thiểu 05 chương trình diễn tập cấp tỉnh;

b) Cá nhân được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng B để

thực hiện các công việc tư vấn về xây dựng kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất cấp quốc gia và các công việc tư vấn quy định tại điểm c, d, đ, e g, h tại khoản này khi đã tham gia xây dựng tối thiểu 02 kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh đã được phê duyệt, ban hành trong 02 năm gần nhất tính đến ngày đề nghị cấp chứng chỉ.

c) Cá nhân được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng B để thực hiện các công việc tư vấn diễn tập ứng phó sự cố hóa chất của cơ sở hóa chất khi đã tham gia xây dựng tối thiểu 02 chương trình diễn tập của cơ sở hóa chất.

d) Cá nhân được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng B để thực hiện các công việc tư vấn về diễn tập ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh và của cơ sở hóa chất khi có kinh nghiệm tham gia xây dựng tối thiểu 02 chương trình diễn tập cấp tỉnh.

đ) Cá nhân được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng B để thực hiện các công việc tư vấn về xây dựng kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất của dự án hóa chất, cơ sở hóa chất khi đã tham gia xây dựng tối thiểu 02 kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất của cơ sở hóa chất đã được phê duyệt trong 02 năm gần nhất tính đến ngày đề nghị cấp chứng chỉ.

e) Cá nhân được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng B để thực hiện các công việc tư vấn về xây dựng kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh khi đã tham gia xây dựng tối thiểu 02 kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh đã được phê duyệt trong 02 năm gần nhất tính đến ngày đề nghị cấp chứng chỉ.

g) Cá nhân được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng B để thực hiện các công việc tư vấn về huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất cho đối tượng thuộc nhóm I, II, III quy định tại khoản 3 Điều 29 của Nghị định này khi có kinh nghiệm làm người huấn luyện hoặc tham gia hỗ trợ huấn luyện tối thiểu 05 chương trình huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất trong 02 năm gần nhất tính đến ngày đề nghị cấp chứng chỉ.

h) Cá nhân chỉ đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều này được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng B để thực hiện các công việc tư vấn về xây dựng biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất; phân loại, ghi nhãn hóa chất, lập phiếu an toàn hóa chất, đăng ký hóa chất mới.

(12) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hóa chất số 69/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025.

- Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất (Điều 22).

- Thông tư số 02/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ Công Thương quy định một số biện pháp thi hành Luật Hóa chất và Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và

biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

- Quyết định số 87/QĐ-BCT ngày 18 tháng 01 năm 2026 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung và thủ tục hành chính hủy bỏ, bãi bỏ trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hóa: tại mục (4)

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hóa: tại mục (8)

(15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử TTHC:

a) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ

b) Quy trình nội bộ và điện tử: 80 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp (trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến)	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương (tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh)	04 giờ
2	Giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể) + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: xem xét, có văn bản trả lời (trong 10 ngày làm việc)	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	20 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	08 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	08 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
6	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	12 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
7	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ
9	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	08 giờ
10	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Bộ phận TN và TKQ của Sở Công Thương	Văn thư và Bộ phận TN và TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
11	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	Không tính thời gian

- Trường hợp nhận hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức chuyển đến Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương (TT PVHCC tỉnh)	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	04 giờ
2	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp thuộc Sở Công Thương	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	04 giờ
3	Giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải có văn bản thông báo cụ thể, thời hạn thông báo/yêu cầu bổ sung thực hiện theo quy định của từng thủ tục, không theo thời hạn giải quyết)</i> + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: xem xét, có văn bản trả lời (trong 10 ngày làm việc)	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp phân công chuyên viên	02 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	18 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp xem xét hồ sơ, chuyển lãnh đạo Sở	08 giờ
4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	08 giờ
5	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
6	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
7	Thẩm định hồ sơ	Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	12 giờ
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ
10	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	08 giờ
11	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Sở Công Thương (qua Bộ phận TN và TKQ của Sở)	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
12	Chuyển kết quả đến Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	02 giờ
13	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Không tính thời gian

Mẫu 01a. Mẫu văn bản đề nghị cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
.....(1)..... CHỨNG CHỈ TƯ VẤN
CHUYÊN NGÀNH HÓA CHẤT

Kính gửi:.....(2).....

1. Họ và tên:..... Nam/Nữ:.....
 2. Sinh ngày..... tháng..... năm.....
 3. Quốc tịch:.....
 4. Số CC/CCCD/Hộ chiếu:....., cấp ngày.....tháng..... năm.....
 5. Nơi thường trú:.....
 6. Nơi ở hiện nay:.....
 7. Số điện thoại:..... Email:
 8. Trình độ chuyên môn (ghi rõ ngành đào tạo):.....
Văn bằng, chứng chỉ đã được cấp (ghi rõ số ký hiệu, ngày cấp, nơi cấp):.....
 8. Trình độ chuyên môn (ghi rõ ngành đào tạo):.....
Văn bằng, chứng chỉ đã được cấp (ghi rõ số ký hiệu, ngày cấp, nơi cấp):.....
 9. Kinh nghiệm thời gian công tác:.....
Các tài liệu chứng minh kinh nghiệm công tác (liệt kê các tài liệu):.....
 10. Kinh nghiệm nghề nghiệp:.....
Các tài liệu chứng minh kinh nghiệm nghề nghiệp (liệt kê các tài liệu):.....
Đề nghị được.....(1)..... chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất
.....(3)..... với các nội dung như sau:
- Lĩnh vực hoạt động tư vấn (ghi rõ hoạt động tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất hoặc hoạt động tư vấn an toàn, an ninh hóa chất):.....(4).....
- Hạng chứng chỉ.....(5).....
- Lý do đề nghị.....(1)..... chứng chỉ hành nghề tư vấn chuyên ngành hóa chất:.....
- Tôi xin chịu trách nhiệm về nội dung trên và cam kết hoạt động tư vấn chuyên ngành hóa chất theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ
(Ký và ghi rõ họ tên)

(1) Ghi cụ thể yêu cầu cấp hoặc cấp lại hoặc cấp điều chỉnh;

(2) Tên cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ;

(3) Đối với trường hợp đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh chứng chỉ, ghi mã số, ngày cấp của chứng chỉ đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh;

(4) Ghi cụ thể phạm vi hoạt động đề nghị cấp chứng chỉ theo quy định tại khoản 3 Điều 16, khoản 2 Điều 18 của Nghị định quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

(5) Ghi rõ Hạng đề nghị cấp chứng chỉ: tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất: A1, A2, A3; tư vấn an toàn, an ninh hóa chất: B;

Mẫu 01b. Mẫu giấy xác nhận quá trình công tác**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY XÁC NHẬN QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**Kính gửi ⁽¹⁾:

1. Họ và tên:..... Nam/Nữ:.....
 2. Sinh ngày..... tháng..... năm.....
 3. Quốc tịch:.....
 4. Số CC/CCCD/Hộ chiếu:....., cấp ngày.....tháng..... năm.....
 5. Nơi thường trú:.....
 6. Nơi ở hiện nay:.....
 7. Số điện thoại:.....
 Email:.....

Kính đề nghị(1)..... xác nhận các nội dung sau:

Tôi đã (hoặc đang) làm việc tại:

Tên cơ quan/đơn vị ⁽¹⁾:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:

Ngày vào làm việc:

Ngày kết thúc (nếu có):

Vị trí công việc đảm nhận theo quá trình công tác (nếu có):

Thời gian	Chức danh /chức vụ	Công việc chính được giao	Hợp đồng, Quyết định giao nhiệm vụ (2)
Tháng/năm đến Tháng/năm			

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là chính xác, nếu có gì sai trái tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật.

Kính trình(1)..... xem xét và xác nhận./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN/ĐƠN VỊ

Xác nhận các thông tin về vị trí công việc, thời gian làm việc Ông (Bà):..... nêu trên là chính xác.

.....(1)... chịu trách nhiệm về tính trung thực của nội dung xác nhận.

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan/đơn vị xác nhận

(2) Số, ký hiệu, ngày tháng của các Hợp đồng, quyết định giao nhiệm vụ và gửi kèm theo Giấy xác nhận này bản sao của các Hợp đồng, quyết định giao nhiệm vụ.

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu 01c. Mẫu giấy xác nhận của đại diện hợp pháp của chủ đầu tư về các công việc mà cá nhân đã hoàn thành

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN THAM GIA NHIỆM VỤ ĐÃ HOÀN THÀNH

Kính gửi ⁽¹⁾:

1. Họ và tên:..... Nam/Nữ:.....
2. Sinh ngày..... tháng..... năm.....
3. Quốc tịch:.....
4. Số CC/CCCD/Hộ chiếu:....., cấp ngày.....tháng..... năm.....
5. Nơi thường trú:.....
6. Nơi ở hiện nay:.....
7. Số điện thoại:..... Email:.....

Kính đề nghị(1)..... xác nhận các nội dung sau:

Tôi đã tham gia cùng với

Tên cơ quan/đơn vị:(2).....

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:

Để thực hiện công việc:

Tên công việc(3).....

Tại dự án/cơ sở hoạt động hóa chất(4).....

Tên chủ đầu tư dự án/chủ cơ sở hoạt động hóa chất:(5).....

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:

Thời gian thực hiện từ ngày:.....đến ngày.....

Theo Hợp đồng/Quyết định giao nhiệm vụ.....(6).....

Đã được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu/xác nhận hoàn thành theo văn bản...

.....(6).....

Cụ thể nhiệm vụ được đảm nhận:.....

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là chính xác, nếu có gì sai trái tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật.

Kính trình(1)..... xem xét và xác nhận./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN/ĐƠN VỊ

Xác nhận các thông tin tham gia công việc Ông

(Bà):..... nêu trên là chính xác.

.....(1)... chịu trách nhiệm về tính trung thực của
nội dung xác nhận.

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan/đơn vị xác nhận là cơ quan/đơn vị cá nhân tham gia để thực hiện công việc hoặc chủ đầu tư dự án, chủ cơ sở hoạt động hóa chất nơi thực hiện công việc;
- (2) Tên cơ quan/đơn vị cá nhân tham gia để thực hiện công việc;
- (3) Nêu cụ thể: công việc liên quan đến tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất (kèm theo cấp công trình của dự án); hoặc làm người huấn luyện hoặc tham gia hỗ trợ huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất; xây dựng chương trình diễn tập ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh hoặc của cơ sở hóa chất; xây dựng kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh hoặc của cơ sở hóa chất;
- (4) Tên Dự án hoặc cơ sở hoạt động hóa chất nơi thực hiện công việc;
- (5) Tên chủ đầu tư dự án, chủ cơ sở hoạt động hóa chất nơi thực hiện công việc.
- (6) Số, ký hiệu, ngày tháng của các văn bản và gửi kèm theo Giấy xác nhận này bản sao của các văn bản.

Phụ lục I

MẪU CHỨNG CHỈ TƯ VẤN CHUYÊN NGÀNH HÓA CHẤT
(Kèm theo Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc CHỨNG CHỈ TƯ VẤN CHUYÊN NGÀNH HÓA CHẤT (trang 1)																																				
THÔNG TIN CÁ NHÂN Mã số chứng chỉ: Ảnh 4x6 của người được cấp chứng chỉ Họ và tên: Ngày tháng năm sinh: Số CC/CCCD/Hộ chiếu:..... cấp ngày tại Quốc tịch: Cơ sở đào tạo: Trình độ chuyên môn: (trang 2)	Phạm vi hoạt động tư vấn chuyên ngành hóa chất <table><tr><th>STT</th><th>Phạm vi hoạt động⁽¹⁾</th><th>Hạng⁽²⁾</th><th>Thời hạn⁽³⁾</th></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td>Từ đến</td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table> Tỉnh/Thành phố, ngày .../.../... THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ (Ký, họ và tên, đóng dấu) (trang 3)	STT	Phạm vi hoạt động ⁽¹⁾	Hạng ⁽²⁾	Thời hạn ⁽³⁾				Từ đến																												
STT	Phạm vi hoạt động ⁽¹⁾	Hạng ⁽²⁾	Thời hạn ⁽³⁾																																		
			Từ đến																																		

Ghi chú:
Chứng chỉ được in 2 mặt trên khổ giấy A4.
(1) Ghi cụ thể phạm vi hoạt động theo quy định tại khoản 3 Điều 16, khoản 2 Điều 18 của Nghị định này.
(2) Ghi hạng chứng chỉ A1/A2/A3/B.
(3) Ghi rõ ngày tháng năm.

2. Cấp lại Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - 1.014724

(1) Trình tự thực hiện:

1. Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ tư vấn đến Sở Công Thương bằng một trong các hình thức sau:

- a) Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa;
- b) Thông qua dịch vụ bưu chính;
- c) Trực tuyến tại cổng dịch vụ công.

2. Kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại các khoản 2, Điều 22 của Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ tư vấn có trách nhiệm đánh giá việc đáp ứng các điều kiện và cấp chứng chỉ tư vấn. Trường hợp không cấp chứng chỉ tư vấn, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ tư vấn phải thông báo bằng văn bản tới cá nhân và nêu rõ lý do.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:
 - + Quầy số 13 - số điện thoại 0273.3993889, Sở Công Thương tại địa chỉ số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp.
 - + Quầy số 14 - số điện thoại 02773.898958, lĩnh vực Công Thương tại địa chỉ số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công các xã, phường.
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công.
- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

(4) Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

- a) Thành phần hồ sơ:
 - Văn bản đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn là bản gốc trong trường hợp nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính; tệp tin chụp từ bản gốc trong trường hợp nộp trực tuyến;

- Tệp tin ảnh màu cỡ 4x6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn được chụp trong thời gian không quá 06 tháng;

- Bản gốc chứng chỉ tư vấn đề nghị cấp lại. Trong trường hợp bị mất chứng chỉ tư vấn thì phải có cam kết của người đề nghị cấp lại.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

(5) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc

(6) Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn Hạng A1, Hạng A2, Hạng A3 và Hạng B.

(7) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

(8) Kết quả thực hiện TTHC: Cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn Hạng A1, Hạng A2, Hạng A3 và Hạng B.

(9) Phí, lệ phí: Cá nhân thực hiện nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu văn bản đề nghị cấp lại chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất: mẫu 01a Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ Công Thương quy định một số biện pháp thi hành Luật Hóa chất và Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

- Mẫu Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất: Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

* Điều kiện cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất đối với cá nhân thực hiện hoạt động tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất

1. Cá nhân hoạt động tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên ngành đào tạo về hóa học thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất

b) Đáp ứng điều kiện kinh nghiệm công tác theo quy định tại khoản 2 Điều

16 Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

2. Điều kiện kinh nghiệm công tác của cá nhân thực hiện hoạt động tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất được quy định như sau:

a) Đối với cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ Hạng A1: Có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc về công nghệ, kỹ thuật hóa học từ 07 năm trở lên; đã thực hiện các công việc liên quan đến tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với 02 dự án hóa chất có công trình cấp II trở lên;

b) Đối với cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ Hạng A2: Có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc về công nghệ, kỹ thuật hóa học từ 04 năm trở lên; đã thực hiện các công việc liên quan đến tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với 02 dự án hóa chất có công trình cấp III trở lên;

c) Đối với cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ Hạng A3: Có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc về công nghệ, kỹ thuật hóa học từ 04 năm trở lên.

* Điều kiện cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất đối với cá nhân hoạt động tư vấn an toàn, an ninh hóa chất:

1. Cá nhân hoạt động tư vấn an toàn, an ninh hóa chất được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên ngành đào tạo về hóa học thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;

b) Có thời gian kinh nghiệm công tác tại vị trí liên quan đến hoạt động an toàn hóa chất bằng tiêu chuẩn về thời gian kinh nghiệm của người huấn luyện nội dung lý thuyết chuyên ngành có trình độ từ đại học trở lên theo quy định tại pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động;

c) Đáp ứng điều kiện kinh nghiệm nghề nghiệp tương ứng với nội dung tư vấn theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

2. Điều kiện kinh nghiệm nghề nghiệp và phạm vi hoạt động đối với cá nhân thực hiện hoạt động tư vấn an toàn, an ninh hóa chất được quy định như sau:

a) Cá nhân được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng B để thực hiện các công việc tư vấn về diễn tập ứng phó sự cố hóa chất cấp quốc gia và các công việc tư vấn quy định tại điểm c, d, đ, e g, h tại khoản này khi có kinh nghiệm tham gia xây dựng tối thiểu 05 chương trình diễn tập cấp tỉnh;

b) Cá nhân được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng B để

thực hiện các công việc tư vấn về xây dựng kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất cấp quốc gia và các công việc tư vấn quy định tại điểm c, d, đ, e g, h tại khoản này khi đã tham gia xây dựng tối thiểu 02 kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh đã được phê duyệt, ban hành trong 02 năm gần nhất tính đến ngày đề nghị cấp chứng chỉ.

c) Cá nhân được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng B để thực hiện các công việc tư vấn diễn tập ứng phó sự cố hóa chất của cơ sở hóa chất khi đã tham gia xây dựng tối thiểu 02 chương trình diễn tập của cơ sở hóa chất.

d) Cá nhân được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng B để thực hiện các công việc tư vấn về diễn tập ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh và của cơ sở hóa chất khi có kinh nghiệm tham gia xây dựng tối thiểu 02 chương trình diễn tập cấp tỉnh.

đ) Cá nhân được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng B để thực hiện các công việc tư vấn về xây dựng kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất của dự án hóa chất, cơ sở hóa chất khi đã tham gia xây dựng tối thiểu 02 kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất của cơ sở hóa chất đã được phê duyệt trong 02 năm gần nhất tính đến ngày đề nghị cấp chứng chỉ.

e) Cá nhân được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng B để thực hiện các công việc tư vấn về xây dựng kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh khi đã tham gia xây dựng tối thiểu 02 kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh đã được phê duyệt trong 02 năm gần nhất tính đến ngày đề nghị cấp chứng chỉ.

g) Cá nhân được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng B để thực hiện các công việc tư vấn về huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất cho đối tượng thuộc nhóm I, II, III quy định tại khoản 3 Điều 29 của Nghị định này khi có kinh nghiệm làm người huấn luyện hoặc tham gia hỗ trợ huấn luyện tối thiểu 05 chương trình huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất trong 02 năm gần nhất tính đến ngày đề nghị cấp chứng chỉ.

h) Cá nhân chỉ đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều này được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng B để thực hiện các công việc tư vấn về xây dựng biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất; phân loại, ghi nhãn hóa chất, lập phiếu an toàn hóa chất, đăng ký hóa chất mới.

(12) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hóa chất số 69/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025.

- Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

- Thông tư số 02/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ Công Thương quy định một số biện pháp thi hành Luật Hóa chất và Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát

triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

- Quyết định số 87/QĐ-BCT ngày 18 tháng 01 năm 2026 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung và thủ tục hành chính hủy bỏ, bãi bỏ trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hóa: tại mục (4)

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hóa: tại mục (8)

(15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử TTHC:

a) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ

b) Quy trình nội bộ và điện tử: 40 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp (trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến)	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương (tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh)	02 giờ
2	Giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể) + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: xem xét, có văn bản trả lời (trong 05 ngày làm việc)	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	02 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	08 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	02 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
6	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	08 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
7	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
9	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	04 giờ
10	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Bộ phận TN và TKQ của Sở Công Thương	Văn thư và Bộ phận TN và TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
11	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	Không tính thời gian

- Trường hợp nhận hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức chuyển đến Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương (TT PVHCC tỉnh)	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	02 giờ
2	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp thuộc Sở Công Thương	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	02 giờ
3	Giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải có văn bản thông báo cụ thể, thời hạn thông báo/yêu cầu bổ sung thực hiện theo quy định của từng thủ tục, không theo thời hạn giải quyết)</i> + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: xem xét, có văn bản trả lời (trong 05 ngày làm việc)	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp phân công chuyên viên	02 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	06 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp xem xét hồ sơ, chuyển lãnh đạo Sở	02 giờ
4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ
5	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
6	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
7	Thẩm định hồ sơ	Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	06 giờ
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
10	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	04 giờ
11	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Sở Công Thương (qua Bộ phận TN và TKQ của Sở)	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
12	Chuyển kết quả đến Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	02 giờ
13	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Không tính thời gian

Mẫu 01a. Mẫu văn bản đề nghị cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
.....(1)..... CHỨNG CHỈ TƯ VẤN
CHUYÊN NGÀNH HÓA CHẤT**

Kính gửi:.....(2).....

1. Họ và tên:..... Nam/Nữ:.....
 2. Sinh ngày..... tháng..... năm.....
 3. Quốc tịch:.....
 4. Số CC/CCCD/Hộ chiếu:....., cấp ngày.....tháng..... năm.....
 5. Nơi thường trú:.....
 6. Nơi ở hiện nay:.....
 7. Số điện thoại:..... Email:
 8. Trình độ chuyên môn (ghi rõ ngành đào tạo):.....
Văn bằng, chứng chỉ đã được cấp (ghi rõ số ký hiệu, ngày cấp, nơi cấp):.....
 8. Trình độ chuyên môn (ghi rõ ngành đào tạo):.....
Văn bằng, chứng chỉ đã được cấp (ghi rõ số ký hiệu, ngày cấp, nơi cấp):.....
 9. Kinh nghiệm thời gian công tác:.....
Các tài liệu chứng minh kinh nghiệm công tác (liệt kê các tài liệu):.....
 10. Kinh nghiệm nghề nghiệp:.....
Các tài liệu chứng minh kinh nghiệm nghề nghiệp (liệt kê các tài liệu):.....
Đề nghị được.....(1)..... chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất
.....(3)..... với các nội dung như sau:
- Lĩnh vực hoạt động tư vấn (ghi rõ hoạt động tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất hoặc hoạt động tư vấn an toàn, an ninh hóa chất):.....(4).....
 - Hạng chứng chỉ.....(5).....
- Lý do đề nghị.....(1)..... chứng chỉ hành nghề tư vấn chuyên ngành hóa chất:.....

Tôi xin chịu trách nhiệm về nội dung trên và cam kết hoạt động tư vấn chuyên ngành hóa chất theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ
(Ký và ghi rõ họ tên)

- (1) Ghi cụ thể yêu cầu cấp hoặc cấp lại hoặc cấp điều chỉnh;
- (2) Tên cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ;
- (3) Đối với trường hợp đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh chứng chỉ, ghi mã số, ngày cấp của chứng chỉ đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh;
- (4) Ghi cụ thể phạm vi hoạt động đề nghị cấp chứng chỉ theo quy định tại khoản 3 Điều 16, khoản 2 Điều 18 của Nghị định quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.
- (5) Ghi rõ Hạng đề nghị cấp chứng chỉ: tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất: A1, A2, A3; tư vấn an toàn, an ninh hóa chất: B;

Phụ lục I

MẪU CHỨNG CHỈ TƯ VẤN CHUYÊN NGÀNH HÓA CHẤT
(Kèm theo Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

(trang 4)	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc CHỨNG CHỈ TƯ VẤN CHUYÊN NGÀNH HÓA CHẤT (trang 1)																																				
THÔNG TIN CÁ NHÂN Mã số chứng chỉ: Ảnh 4x6 của người được cấp chứng chỉ Họ và tên: Ngày tháng năm sinh: Số CC/CCCD/Hộ chiếu:..... cấp ngày tại Quốc tịch: Cơ sở đào tạo: Trình độ chuyên môn: (trang 2)	Phạm vi hoạt động tư vấn chuyên ngành hóa chất <table><tr><th>STT</th><th>Phạm vi hoạt động⁽¹⁾</th><th>Hạng ⁽²⁾</th><th>Thời hạn⁽³⁾</th></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td>Từ đến</td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table> Tỉnh/Thành phố, ngày .../.../... THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ (Ký, họ và tên, đóng dấu) (trang 3)	STT	Phạm vi hoạt động ⁽¹⁾	Hạng ⁽²⁾	Thời hạn ⁽³⁾				Từ đến																												
STT	Phạm vi hoạt động ⁽¹⁾	Hạng ⁽²⁾	Thời hạn ⁽³⁾																																		
			Từ đến																																		

Ghi chú:
Chứng chỉ được in 2 mặt trên khổ giấy A4.
(1) Ghi cụ thể phạm vi hoạt động theo quy định tại khoản 3 Điều 16, khoản 2 Điều 18 của Nghị định này.
(2) Ghi hạng chứng chỉ A1/A2/A3/B.
(3) Ghi rõ ngày tháng năm.

3. Cấp điều chỉnh Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - 1.014726

(1) Trình tự thực hiện:

1. Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh chứng chỉ tư vấn đến Sở Công Thương bằng một trong các hình thức sau:

- a) Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa;
- b) Thông qua dịch vụ bưu chính;
- c) Trực tuyến tại cổng dịch vụ công.

2. Kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 3 Điều 22 của Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ tư vấn có trách nhiệm đánh giá việc đáp ứng các điều kiện và cấp chứng chỉ tư vấn. Trường hợp không cấp chứng chỉ tư vấn, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ tư vấn phải thông báo bằng văn bản tới cá nhân và nêu rõ lý do.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:
 - + Quầy số 13 - số điện thoại 0273.3993889, Sở Công Thương tại địa chỉ số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp.
 - + Quầy số 14 - số điện thoại 02773.898958, lĩnh vực Công Thương tại địa chỉ số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công các xã, phường.
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công.
- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

(4) Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

4.1. Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh chứng chỉ tư vấn là bản gốc trong trường hợp nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính; tệp tin chụp từ bản gốc trong trường hợp nộp trực tuyến;

b) Tập tin ảnh màu cỡ 4x6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn được chụp trong thời gian không quá 06 tháng;

c) Bản sao văn bằng có chứng thực hoặc tập tin bản sao điện tử được chứng thực theo quy định do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với lĩnh vực, hạng chứng chỉ tư vấn đề nghị cấp; trường hợp trên văn bằng không ghi hoặc ghi không rõ chuyên ngành đào tạo thì phải nộp kèm bảng điểm hoặc phụ lục văn bằng để làm cơ sở kiểm tra, đánh giá (đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, trường hợp cá nhân là người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài phải là bản được hợp pháp hóa lãnh sự và bản dịch sang tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam; các trường hợp còn lại văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được hệ thống giáo dục Việt Nam công nhận);

d) Tài liệu chứng minh thời gian công tác tại các vị trí phù hợp là bản sao có chứng thực hoặc tập tin bản sao điện tử được chứng thực theo quy định một hoặc một số giấy tờ sau đây: Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, tuyển dụng, luân chuyển, điều động; hợp đồng làm việc hoặc hợp đồng lao động; bảng lương hoặc giấy tờ chứng minh thời gian đóng bảo hiểm xã hội; giấy xác nhận quá trình công tác;

đ) Tài liệu chứng minh kinh nghiệm tham gia các công việc phù hợp là bản sao có chứng thực hoặc tập tin bản sao điện tử được chứng thực theo quy định một hoặc một số giấy tờ sau đây: Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản xác nhận của đại diện hợp pháp của chủ đầu tư và chịu trách nhiệm về tính trung thực của nội dung xác nhận về các công việc mà cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai; hợp đồng kinh tế và biên bản nghiệm thu các công việc thực hiện đã kê khai;

e) Bản sao có chứng thực hoặc tập tin bản sao điện tử được chứng thực theo quy định giấy tờ về cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài

4.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

(5) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc

(6) Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn Hạng A1, Hạng A2, Hạng A3 và Hạng B.

(7) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương.
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

(8) Kết quả thực hiện TTHC: Chứng chỉ tư vấn Hạng A1, Hạng A2, Hạng A3 và Hạng B.

(9) Phí, lệ phí: Cá nhân thực hiện nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu văn bản đề nghị cấp điều chỉnh chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất: mẫu 01a Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ Công Thương quy định một số biện pháp thi hành Luật Hóa chất và Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

- Mẫu giấy xác nhận quá trình công tác: Mẫu 01b Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ Công Thương quy định một số biện pháp thi hành Luật Hóa chất và Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

- Mẫu bản xác nhận của đại diện hợp pháp của chủ đầu tư về các công việc mà cá nhân đã hoàn thành: Mẫu 01c Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ Công Thương quy định một số biện pháp thi hành Luật Hóa chất và Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

- Mẫu Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất: Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

* Điều kiện cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất đối với cá nhân thực hiện hoạt động tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất

1. Cá nhân hoạt động tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên ngành đào tạo về hóa học thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất

b) Đáp ứng điều kiện kinh nghiệm công tác theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

2. Điều kiện kinh nghiệm công tác của cá nhân thực hiện hoạt động tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất được quy định như sau:

a) Đối với cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ Hạng A1: Có thời gian kinh nghiệm

tham gia công việc về công nghệ, kỹ thuật hóa học từ 07 năm trở lên; đã thực hiện các công việc liên quan đến tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với 02 dự án hóa chất có công trình cấp II trở lên;

b) Đối với cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ Hạng A2: Có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc về công nghệ, kỹ thuật hóa học từ 04 năm trở lên; đã thực hiện các công việc liên quan đến tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với 02 dự án hóa chất có công trình cấp III trở lên;

c) Đối với cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ Hạng A3: Có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc về công nghệ, kỹ thuật hóa học từ 04 năm trở lên.

* Điều kiện cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất đối với cá nhân hoạt động tư vấn an toàn, an ninh hóa chất:

1. Cá nhân hoạt động tư vấn an toàn, an ninh hóa chất được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên ngành đào tạo về hóa học thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;

b) Có thời gian kinh nghiệm công tác tại vị trí liên quan đến hoạt động an toàn hóa chất bằng tiêu chuẩn về thời gian kinh nghiệm của người huấn luyện nội dung lý thuyết chuyên ngành có trình độ từ đại học trở lên theo quy định tại pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động;

c) Đáp ứng điều kiện kinh nghiệm nghề nghiệp tương ứng với nội dung tư vấn theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

2. Điều kiện kinh nghiệm nghề nghiệp và phạm vi hoạt động đối với cá nhân thực hiện hoạt động tư vấn an toàn, an ninh hóa chất được quy định như sau:

a) Cá nhân được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng B để thực hiện các công việc tư vấn về diễn tập ứng phó sự cố hóa chất cấp quốc gia và các công việc tư vấn quy định tại điểm c, d, đ, e g, h tại khoản này khi có kinh nghiệm tham gia xây dựng tối thiểu 05 chương trình diễn tập cấp tỉnh;

b) Cá nhân được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng B để thực hiện các công việc tư vấn về xây dựng kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất cấp quốc gia và các công việc tư vấn quy định tại điểm c, d, đ, e g, h tại khoản này khi đã tham gia xây dựng tối thiểu 02 kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh đã được phê duyệt, ban hành trong 02 năm gần nhất tính đến ngày đề nghị cấp chứng chỉ.

c) Cá nhân được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng B để

thực hiện các công việc tư vấn diễn tập ứng phó sự cố hóa chất của cơ sở hóa chất khi đã tham gia xây dựng tối thiểu 02 chương trình diễn tập của cơ sở hóa chất.

d) Cá nhân được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng B để thực hiện các công việc tư vấn về diễn tập ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh và của cơ sở hóa chất khi có kinh nghiệm tham gia xây dựng tối thiểu 02 chương trình diễn tập cấp tỉnh.

đ) Cá nhân được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng B để thực hiện các công việc tư vấn về xây dựng kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất của dự án hóa chất, cơ sở hóa chất khi đã tham gia xây dựng tối thiểu 02 kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất của cơ sở hóa chất đã được phê duyệt trong 02 năm gần nhất tính đến ngày đề nghị cấp chứng chỉ.

e) Cá nhân được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng B để thực hiện các công việc về xây dựng kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh khi đã tham gia xây dựng tối thiểu 02 kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh đã được phê duyệt trong 02 năm gần nhất tính đến ngày đề nghị cấp chứng chỉ.

g) Cá nhân được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng B để thực hiện các công việc tư vấn về huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất cho đối tượng thuộc nhóm I, II, III quy định tại khoản 3 Điều 29 của Nghị định này khi có kinh nghiệm làm người huấn luyện hoặc tham gia hỗ trợ huấn luyện tối thiểu 05 chương trình huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất trong 02 năm gần nhất tính đến ngày đề nghị cấp chứng chỉ.

h) Cá nhân chỉ đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều này được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng B để thực hiện các công việc tư vấn về xây dựng biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất; phân loại, ghi nhãn hóa chất, lập phiếu an toàn hóa chất, đăng kí hóa chất mới.

(12) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hóa chất số 69/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025;

- Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;

- Thông tư số 02/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ Công Thương quy định một số biện pháp thi hành Luật Hóa chất và Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

- Quyết định số 87/QĐ-BCT ngày 18 tháng 01 năm 2026 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung và thủ tục hành chính hủy bỏ, bãi bỏ trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hóa: tại mục (4)

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hóa: tại mục (8)

(15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử TTHC:

a) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ

b) Quy trình nội bộ và điện tử: 80 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp (trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến)	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương (tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh)	04 giờ
2	Giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể) + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: xem xét, có văn bản trả lời (trong 10 ngày làm việc)	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	20 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	08 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	08 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
6	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	12 giờ
7	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ
9	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	08 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
10	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Bộ phận TN và TKQ của Sở Công Thương	Văn thư và Bộ phận TN và TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
11	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	Không tính thời gian

- Trường hợp nhận hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức chuyển đến Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương (TT PVHCC tỉnh)	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	04 giờ
2	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp thuộc Sở Công Thương	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	04 giờ
3	Giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải có văn bản thông báo cụ thể, thời hạn thông báo/yêu cầu bổ sung thực hiện theo quy định của từng thủ tục, không theo thời hạn giải quyết)</i> + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: xem xét, có văn bản trả lời (trong 10 ngày làm việc)	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp phân công chuyên viên	02 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	18 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp xem xét hồ sơ, chuyển lãnh đạo Sở	08 giờ
4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	08 giờ
5	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ
6	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
7	Thẩm định hồ sơ	Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	12 giờ
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ
10	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	08 giờ
11	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Sở Công Thương (qua Bộ phận TN và TKQ của Sở)	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
12	Chuyển kết quả đến Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	02 giờ
13	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Không tính thời gian

Mẫu 01a. Mẫu văn bản đề nghị cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
.....(1)..... **CHỨNG CHỈ TƯ VẤN**
CHUYÊN NGÀNH HÓA CHẤT

Kính gửi:.....(2).....

1. Họ và tên:..... Nam/Nữ:.....
 2. Sinh ngày..... tháng..... năm.....
 3. Quốc tịch:.....
 4. Số CC/CCCD/Hộ chiếu:....., cấp ngày.....tháng..... năm.....
 5. Nơi thường trú:.....
 6. Nơi ở hiện nay:.....
 7. Số điện thoại:..... Email:
 8. Trình độ chuyên môn (ghi rõ ngành đào tạo):.....
Văn bằng, chứng chỉ đã được cấp (ghi rõ số ký hiệu, ngày cấp, nơi cấp):.....
 8. Trình độ chuyên môn (ghi rõ ngành đào tạo):.....
Văn bằng, chứng chỉ đã được cấp (ghi rõ số ký hiệu, ngày cấp, nơi cấp):.....
 9. Kinh nghiệm thời gian công tác:.....
Các tài liệu chứng minh kinh nghiệm công tác (liệt kê các tài liệu):.....
 10. Kinh nghiệm nghề nghiệp:.....
Các tài liệu chứng minh kinh nghiệm nghề nghiệp (liệt kê các tài liệu):.....
Đề nghị được.....(1)..... chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất
.....(3)..... với các nội dung như sau:
- Lĩnh vực hoạt động tư vấn (ghi rõ hoạt động tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất hoặc hoạt động tư vấn an toàn, an ninh hóa chất):.....(4).....
 - Hạng chứng chỉ.....(5).....
- Lý do đề nghị.....(1)..... chứng chỉ hành nghề tư vấn chuyên ngành hóa chất:.....

Tôi xin chịu trách nhiệm về nội dung trên và cam kết hoạt động tư vấn chuyên ngành hóa chất theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ
(Ký và ghi rõ họ tên)

- (1) Ghi cụ thể yêu cầu cấp hoặc cấp lại hoặc cấp điều chỉnh;
- (2) Tên cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ;
- (3) Đối với trường hợp đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh chứng chỉ, ghi mã số, ngày cấp của chứng chỉ đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh;
- (4) Ghi cụ thể phạm vi hoạt động đề nghị cấp chứng chỉ theo quy định tại khoản 3 Điều 16, khoản 2 Điều 18 của Nghị định quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.
- (5) Ghi rõ Hạng đề nghị cấp chứng chỉ: tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất: A1, A2, A3; tư vấn an toàn, an ninh hóa chất: B;

Mẫu 01b. Mẫu giấy xác nhận quá trình công tác

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Kính gửi ⁽¹⁾:

1. Họ và tên:..... Nam/Nữ:.....
2. Sinh ngày..... tháng..... năm.....
3. Quốc tịch:.....
4. Số CC/CCCD/Hộ chiếu:....., cấp ngày.....tháng..... năm.....
5. Nơi thường trú:.....
6. Nơi ở hiện nay:.....
7. Số điện thoại:.....
- Email:.....

Kính đề nghị(1)..... xác nhận các nội dung sau:

Tôi đã (hoặc đang) làm việc tại:

Tên cơ quan/đơn vị ⁽¹⁾:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:

Ngày vào làm việc:

Ngày kết thúc (nếu có):

Vị trí công việc đảm nhận theo quá trình công tác (nếu có):

Thời gian	Chức danh /chức vụ	Công việc chính được giao	Hợp đồng, Quyết định giao nhiệm vụ (2)
Tháng/năm đến Tháng/năm			

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là chính xác, nếu có gì sai trái tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật.

Kính trình(1)..... xem xét và xác nhận./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN/ĐƠN VỊ

Xác nhận các thông tin về vị trí công việc, thời gian làm việc Ông (Bà):..... nêu trên là chính xác.

.....(1)... chịu trách nhiệm về tính trung thực của nội dung xác nhận.

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan/đơn vị xác nhận

(2) Số, ký hiệu, ngày tháng của các Hợp đồng, quyết định giao nhiệm vụ và gửi kèm theo Giấy xác nhận này bản sao của các Hợp đồng, quyết định giao nhiệm vụ.

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu 01c. Mẫu giấy xác nhận của đại diện hợp pháp của chủ đầu tư về các công việc mà cá nhân đã hoàn thành

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN THAM GIA NHIỆM VỤ ĐÃ HOÀN THÀNH

Kính gửi ⁽¹⁾:

1. Họ và tên:..... Nam/Nữ:.....
2. Sinh ngày..... tháng..... năm.....
3. Quốc tịch:.....
4. Số CC/CCCD/Hộ chiếu:....., cấp ngày.....tháng..... năm.....
5. Nơi thường trú:.....
6. Nơi ở hiện nay:.....
7. Số điện thoại:..... Email:.....

Kính đề nghị(1)..... xác nhận các nội dung sau:

Tôi đã tham gia cùng với

Tên cơ quan/đơn vị:(2).....

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:

Để thực hiện công việc:

Tên công việc(3).....

Tại dự án/cơ sở hoạt động hóa chất(4).....

Tên chủ đầu tư dự án/chủ cơ sở hoạt động hóa chất:(5).....

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:

Thời gian thực hiện từ ngày:.....đến ngày.....

Theo Hợp đồng/Quyết định giao nhiệm vụ.....(6).....

Đã được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu/xác nhận hoàn thành theo văn bản...

.....(6).....

Cụ thể nhiệm vụ được đảm nhận:.....

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là chính xác, nếu có gì sai trái tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật.

Kính trình(1)..... xem xét và xác nhận./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN/ĐƠN VỊ

Xác nhận các thông tin tham gia công việc Ông

(Bà):..... nêu trên là chính xác.

.....(1)... chịu trách nhiệm về tính trung thực của
nội dung xác nhận.

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan/đơn vị xác nhận là cơ quan/đơn vị cá nhân tham gia để thực hiện công việc hoặc chủ đầu tư dự án, chủ cơ sở hoạt động hóa chất nơi thực hiện công việc;
- (2) Tên cơ quan/đơn vị cá nhân tham gia để thực hiện công việc;
- (3) Nêu cụ thể: công việc liên quan đến tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất (kèm theo cấp công trình của dự án); hoặc làm người huấn luyện hoặc tham gia hỗ trợ huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất; xây dựng chương trình diễn tập ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh hoặc của cơ sở hóa chất; xây dựng kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh hoặc của cơ sở hóa chất;
- (4) Tên Dự án hoặc cơ sở hoạt động hóa chất nơi thực hiện công việc;
- (5) Tên chủ đầu tư dự án, chủ cơ sở hoạt động hóa chất nơi thực hiện công việc.
- (6) Số, ký hiệu, ngày tháng của các văn bản và gửi kèm theo Giấy xác nhận này bản sao của các văn bản.

Phụ lục I

MẪU CHỨNG CHỈ TƯ VẤN CHUYÊN NGÀNH HÓA CHẤT
(Kèm theo Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc CHỨNG CHỈ TƯ VẤN CHUYÊN NGÀNH HÓA CHẤT (trang 1)																																
THÔNG TIN CÁ NHÂN Mã số chứng chỉ: Ảnh 4x6 của người được cấp chứng chỉ Họ và tên: Ngày tháng năm sinh: Số CC/CCCD/Hộ chiếu:..... cấp ngày tại Quốc tịch: Cơ sở đào tạo: Trình độ chuyên môn: (trang 2)	Phạm vi hoạt động tư vấn chuyên ngành hóa chất <table><tr><th>STT</th><th>Phạm vi hoạt động⁽¹⁾</th><th>Hạng⁽²⁾</th><th>Thời hạn⁽³⁾</th></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td>Từ đến</td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table> Tỉnh/Thành phố, ngày .../.../... THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ (Ký, họ và tên, đóng dấu) (trang 3)	STT	Phạm vi hoạt động ⁽¹⁾	Hạng ⁽²⁾	Thời hạn ⁽³⁾				Từ đến																								
STT	Phạm vi hoạt động ⁽¹⁾	Hạng ⁽²⁾	Thời hạn ⁽³⁾																														
			Từ đến																														

Ghi chú:
Chứng chỉ được in 2 mặt trên khổ giấy A4.
(1) Ghi cụ thể phạm vi hoạt động theo quy định tại khoản 3 Điều 16, khoản 2 Điều 18 của Nghị định này.
(2) Ghi hạng chứng chỉ A1/A2/A3/B.
(3) Ghi rõ ngày tháng năm.

4. Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 - 1.014728

(1) Trình tự thực hiện:

1. Tổ chức đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, Giấy phép kinh doanh, Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2, lập 01 bộ hồ sơ gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Công Thương nơi tổ chức đặt trụ sở chính để tiếp nhận, xử lý.

2. Sở Công Thương nơi tổ chức đặt trụ sở chính khi tiếp nhận hồ sơ, thực hiện các quy trình sau:

a) Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương đặt trụ sở chính

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 thông báo đề tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;

Trong thời hạn 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế và cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp không cấp Giấy phép, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

b. Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm gửi bản sao hồ sơ đề nghị cấp phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 của tổ chức để lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản sao hồ sơ, Sở Công Thương nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Sở Công Thương nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất có trách nhiệm kiểm tra điều kiện thực tế đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất trên địa bàn quản lý và có ý kiến bằng văn bản về việc đáp ứng điều kiện theo quy định;

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất về việc đã đáp ứng đủ điều kiện, đồng thời gửi cho các đơn vị liên quan để phối hợp quản lý. Trường hợp không cấp Giấy phép, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

3. Sau khi cấp phép, cơ quan có thẩm quyền cấp phép cập nhật Giấy phép trên cơ sở dữ liệu chuyên ngành để phối hợp theo dõi, quản lý.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:
 - + Quầy số 13 - số điện thoại 0273.3993889, Sở Công Thương tại địa chỉ số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp.
 - + Quầy số 14 - số điện thoại 02773.898958, lĩnh vực Công Thương tại địa chỉ số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công các xã, phường.
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn

(3) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công.
- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

(4) Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.
- Các giấy tờ quy định tại các điểm b, c, đ, e, g khoản 1 Điều 9 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP gồm:
 - + Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng nhà xưởng, kho chứa, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí nhà xưởng, kho tàng, khu vực chứa hóa chất, diện tích và đường vào nhà xưởng, khu vực sản xuất và kho hóa chất; Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng nhà xưởng, kho chứa hoặc Hợp đồng thuê kho đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất.
 - + Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng (theo quy định của pháp luật về xây dựng).
 - + Bản sao Quyết định phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của cơ quan có thẩm quyền hoặc Quyết định ban hành Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của cơ sở sản xuất hóa chất.
 - + Bản sao Bằng đại học trở lên chuyên ngành hóa học của người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở sản xuất.
 - + Bản sao Quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa

chất của tổ chức, cá nhân theo quy định tại Điều 32 của Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

- Bản thuyết minh quy trình công nghệ, thao tác an toàn trong sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

- Phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cần kiểm soát đặc biệt và bản cam kết sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt cho các mục đích không bị cấm;

- Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất cần kiểm soát đặc biệt đề nghị cấp Giấy phép sản xuất.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

(5) Thời hạn giải quyết: 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

(6) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2.

(7) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

(8) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

(9) Phí, lệ phí: Tổ chức thực hiện nộp phí thẩm định theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo mẫu 06a Phụ lục VI Thông tư số 01/2026/TT-BCT.

- Phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo mẫu phụ lục VIII Thông tư số 01/2026/TT-BCT.

- Mẫu giấy phép thực hiện theo mẫu 06c Phụ lục VI Thông tư số 01/2026/TT-BCT.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

1. Tổ chức sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Nhà xưởng, kho chứa sản xuất hóa chất phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP;

b) Phải có quy trình thao tác an toàn. Quy trình phải được niêm yết tại khu

vực sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

3. Công nghệ đáp ứng quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

4. Tồn trữ, bảo quản hóa chất

a) Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

5. Năng lực chuyên môn

a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở sản xuất phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành hóa học;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

6. Có phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định (trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung: chủng loại; khối lượng; cách thức bảo quản; kế hoạch kiểm tra, giám sát).

7. Chỉ được sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt cho các mục đích không bị cấm quy định tại Điều 3 của Luật Hóa chất.

8. Tuân thủ yêu cầu đối với hoạt động sản xuất hóa chất quy định tại Điều 25, 26, 27, 28, 29 của Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

(12) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hóa chất số 69/2025/QH15.

- Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa (Khoản 1, Điều 13).

- Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.

- Quyết định số 87/QĐ-BCT ngày 18 tháng 01 năm 2026 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung và thủ tục hành chính hủy bỏ, bãi bỏ trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hóa: tại mục (4)

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hóa: tại mục (8)

(15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử TTHC:

- 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương đặt trụ sở chính.

- 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.

b) Quy trình nội bộ và điện tử:

- 128 giờ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương đặt trụ sở chính.

- 128 giờ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			128 giờ (cơ sở trên địa phương đặt trụ sở chính)	128 giờ (cơ sở trên địa phương khác địa phương đặt trụ sở chính)
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp (trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến)	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương (tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh)	04 giờ	04 giờ
2	Giải quyết hồ sơ + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế, có văn bản trả lời.	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	04 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	66 giờ	88 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	04 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	08 giờ	08 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ	02 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			128 giờ (cơ sở trên địa phương đặt trụ sở chính)	128 giờ (cơ sở trên địa phương khác địa phương đặt trụ sở chính)
5	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
6	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	16 giờ	06 giờ
7	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
9	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	08 giờ	04 giờ
10	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Bộ phận TN và TKQ của Sở Công Thương	Văn thư và Bộ phận TN và TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
11	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	Không tính thời gian	Không tính thời gian

- Trường hợp nhận hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			128 giờ (cơ sở trên địa phương đặt trụ sở chính)	128 giờ (cơ sở trên địa phương khác địa phương đặt trụ sở chính)
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức chuyển đến Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương (TT PVHCC tỉnh)	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	02 giờ	02 giờ
2	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp thuộc Sở Công Thương	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	02 giờ	02 giờ
3	Giải quyết hồ sơ + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế, có văn bản trả lời.	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	04 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	64 giờ	86 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	04 giờ
4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	08 giờ	08 giờ
5	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ	02 giờ
6	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
7	Thẩm định hồ sơ	Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	16 giờ	06 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			128 giờ (cơ sở trên địa phương đặt trụ sở chính)	128 giờ (cơ sở trên địa phương khác địa phương đặt trụ sở chính)
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
10	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	08 giờ	04 giờ
11	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Sở Công Thương (qua Bộ phận TN và TKQ của Sở)	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
12	Chuyển kết quả đến Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	02 giờ	02 giờ
13	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Không tính thời gian	Không tính thời gian

Mẫu 06a. Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

TÊN TỔ CHỨC ⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....⁽²⁾

....., ngày.... tháng.... năm.....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy phép ...⁽³⁾.. hóa chất cần kiểm soát đặc biệt, nhóm....⁽⁵⁾

Kính gửi:⁽⁴⁾.....

Tên tổ chức:..... ⁽¹⁾
Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại:
Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... do.....cấp ngày.... tháng.... năm....
Người đại diện pháp luật:.....chức vụ:.....
Người được ủy quyền ký văn bản đề nghị:....., số ủy quyền:.....
Đề nghị.....⁽⁴⁾.... xem xét, cấp Giấy phép.....⁽³⁾ hóa chất sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt đối với nhóm....⁽⁵⁾, gồm:

1. Sản xuất ^(*):

a. Địa điểm cơ sở sản xuất:.....;

b. Thông tin hóa chất đăng ký sản xuất.....;

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/tên thành phần ⁽⁵⁾				Quy mô sản xuất theo năm (kg)	Ghi chú
		Tên hóa chất	Mã CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%)		
1	VD: DEF	Natri xyanua	143-33-9	NaCN	5	200	
		Metanol	67-56-1	CH ₄ O	10		
2							
n							

2. Hóa chất kinh doanh^() :**
Địa điểm cơ sở kinh doanh, lưu trữ hóa chất:
.....

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/tên thành phần ⁽⁵⁾				Quy mô kinh doanh theo năm (kg)	Ghi chú
		Tên hóa chất	Mã CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%)		
1	VD: DEF	Natri xyanua	143-33-9	NaCN	5	400	
		Metanol	67-56-1	CH ₄ O	10		
2							
n							

.....⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất số 69/2025/QH15, Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong

sản phẩm, hàng hóa, Thông tư số /2026/TT-BCT ngày.....tháng.....năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số /2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa và các quy định pháp luật khác có liên quan. Nếu vi phạm⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

.....⁽¹⁾ gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm.....

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên tổ chức đăng ký cấp giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.
- (2) Số ký hiệu văn bản.
- (3) Tên loại giấy phép sản xuất, kinh doanh do Công ty đăng ký.
- (4) Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.
- (5) Loại nhóm (nhóm 1, nhóm 2) hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.
- (*) và (**): Tương thích với tên loại giấy phép tổ chức đăng ký.

Phụ lục VIII

MẪU PHƯƠNG ÁN KIỂM SOÁT PHÒNG, CHỐNG THẤT THOÁT HÓA CHẤT CẦN KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TÊN TỔ CHỨC XÂY DỰNG
PHƯƠNG ÁN⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/PA-KSHCĐB

....., ngày..... tháng..... năm.....

PHƯƠNG ÁN
Kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

Căn cứ Luật Hóa chất số 69/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên tổ chức:

Địa chỉ trụ sở chính:.....Điện thoại:

Địa điểm cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ, sử dụng hóa chất:

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Người đại diện theo pháp luật:

Người phụ trách an toàn hóa chất:

II. THÔNG TIN HÓA CHẤT CẦN KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT

TT	Tên thương mại	Thông tin thành phần				Khối lượng (kg)	Cách thức bảo quản	Mục đích sử dụng
		Tên hóa học/ thành phần	Mã CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%)			
1	Ví dụ: DEF	Natri xyanua	143-33-9	NaCN	98	500	Thùng nhựa 200l, Kho kín, có khóa	Sản xuất công nghiệp
n								

III. CÁC BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT CỤ THỂ

1. Kiểm soát tại khu vực lưu giữ, kho chứa
- Kết cấu kho: mô tả vật liệu xây dựng, diện tích, chiều cao, hệ thống thông gió;

- Hệ thống giám sát an ninh: (ví dụ: số lượng camera, số lượng, vị trí lắp đặt, góc quay, thời gian lưu trữ dữ liệu; Hệ thống báo động xâm nhập, báo động cháy, rò rỉ khí; Số lượng nhân viên bảo vệ, chế độ trực);

- Điều kiện bảo quản;

- Biển báo và nội quy: (khai báo việc lắp đặt biển cảnh báo, sơ đồ thoát hiểm, nội quy an toàn kho,...).

2. Kiểm soát trong quá trình sản xuất, kinh doanh và sử dụng

- Hệ thống ghi chép: (sử dụng phương thức quản lý cụ thể để theo dõi xuất - nhập - tồn từng ngày,...);

- Quy trình nội bộ: (mô tả quy trình về xuất, nhập hàng, cách kiểm tra giấy phép, hóa đơn, chứng từ; cách kiểm tra khối lượng, bao gói; quy trình kiểm kê, Phân cấp trách nhiệm: thủ kho, người xuất, người nhận, người giám sát);

- Các thông tin thực hiện các quy định trong quá trình vận chuyển.

3. Công tác đào tạo huấn luyện an toàn hóa chất, an toàn PCCC

- Nêu thông tin, số lượng người đã được đào tạo, tập huấn an toàn hóa chất;

- Chứng nhận và thẩm duyệt PCCC (cần nêu các thông tin liên quan đảm bảo công tác an toàn PCCC).

IV. CAM KẾT

.....⁽¹⁾..... cam kết thực hiện đúng phương án đã đề ra và tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan. Nếu để xảy ra thất thoát hoặc vi phạm quy định, (tên tổ chức, cá nhân) hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

.....⁽¹⁾..... cam kết cập nhật phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cần kiểm soát đặc biệt khi có sự thay đổi hoạt động, chủng loại và số lượng hóa chất./.

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT /NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Ghi chú: (1) Tổ chức xây dựng, ban hành Phương án.

Mẫu 06c. Mẫu Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

Điều kiện sử dụng Giấy phép...⁽²⁾ hóa chất cần kiểm soát đặc biệt 1. Lưu Giấy phép tại trụ sở chính và xuất trình Giấy phép khi được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu. 2. Không được tẩy xóa, sửa chữa nội dung trong Giấy phép. 3. Không được chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn, cầm cố Giấy phép. 4. Báo cáo⁽¹⁾ khi có sự thay đổi điều kiện.....⁽²⁾ của đơn vị được cấp Giấy phép (Đăng ký kinh doanh, mã số thuế, địa điểm, quy mô...). 5. Báo cáo⁽¹⁾ khi chấm dứt hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt hoặc khi bị mất, hỏng Giấy phép. 6. Nộp lại Giấy phép tại cơ quan cấp Giấy phép khi hết hạn sử dụng.	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----  ⁽¹⁾ GIẤY PHÉP.....⁽²⁾ HÓA CHẤT CẦN KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT Số: /GP-⁽³⁾ Ngày tháng năm
---	--

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP⁽¹⁾ ----- Số:...../GP- ⁽³⁾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----- Hà Nội, ngày... tháng... năm... GIẤY PHÉP...⁽²⁾ HÓA CHẤT CẦN KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT (nhóm...⁽⁴⁾) THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP <i>Căn cứ Luật Hóa chất ngày 14 tháng 6 năm 2025;</i> <i>Căn cứ Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;</i>	Được.....⁽¹⁾ hóa chất cần kiểm soát đặc biệt với chủng loại và quy mô cụ thể như sau: <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <thead> <tr> <th rowspan="2">STT</th> <th rowspan="2">Tên thương mại</th> <th colspan="4">Thông tin hóa chất/thành phần</th> <th rowspan="2">Quy mô sản xuất/kinh doanh theo năm</th> </tr> <tr> <th>Tên hóa chất</th> <th>Mã số CAS</th> <th>Công thức hóa học</th> <th>Hàm lượng (%)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr> </tbody> </table> Điều 2. ⁽⁶⁾..... phải thực hiện đúng các quy định tại các văn bản sau đây: - Luật Hóa chất số 69/2025/QH15; - Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; - Các quy định khác có liên quan. Nếu có sự thay đổi tình trạng pháp lý về tổ chức, nội dung sản xuất, kinh doanh, điều kiện kho bãi và vận chuyển, Công ty có nghĩa vụ báo cáo với.....⁽¹⁾ Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và có giá trị đến ngày...⁽¹¹⁾	STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/thành phần				Quy mô sản xuất/kinh doanh theo năm	Tên hóa chất	Mã số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%)																					
STT	Tên thương mại			Thông tin hóa chất/thành phần					Quy mô sản xuất/kinh doanh theo năm																								
		Tên hóa chất	Mã số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%)																												

<i>Căn cứ⁽⁵⁾; Xét Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép ...⁽²⁾ hóa chất cần kiểm soát đặc biệt của.....⁽⁶⁾; Theo đề nghị của.....⁽⁷⁾.</i> QUYẾT ĐỊNH: Điều 1. Cho phép:⁽⁶⁾. 1. Địa chỉ trụ sở chính:.....Điện thoại:..... 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất:.....^(*) 3. Địa chỉ cơ sở kinh doanh hóa chất:.....^(**) 4. Địa chỉ kho chứa hóa chất:..... 5. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... do..... cấp ngày... tháng... năm.... 6. Mã số doanh nghiệp/thuế:.....	Nơi nhận: - Như Điều 1; - Bộ Công Thương (Cục Hóa chất) ⁽⁸⁾; - UBND tỉnh, thành phố....⁽⁹⁾; - Lưu:.....⁽¹⁰⁾; THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP (¹²) <i>(Ký tên và đóng dấu)</i>
--	---

Ghi chú: - (1): Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;

- (2): Tên loại giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất;

- (3): Tên viết tắt của cơ quan cấp giấy phép;

- (4): Loại nhóm (nhóm 1, nhóm 2) hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;

- (5): Căn cứ pháp lý khác (nếu có);

- (6): Tên tổ chức đăng ký cấp giấy phép;

- (7): Lãnh đạo đơn vị thụ lý hồ sơ;

- (8): Gửi Cục Hóa chất trong trường hợp UBND cấp tỉnh cấp giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2;

- (9): Sau khi cấp phép, cơ quan có thẩm quyền cấp phép gửi bản sao Giấy phép đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất để phối hợp theo dõi, quản lý.

- (10): Lưu đơn vị thụ lý hồ sơ;

- (11): Ghi cụ thể thời hạn giấy phép. Trường hợp cấp lại/cấp điều chỉnh, giấy phép cũ phải được thay thế, ghi cụ thể Giấy phép này thay thế Giấy phép số.... ngày...tháng...năm....

- (12): Chức danh thủ trưởng cơ quan cấp Giấy phép.

- (*), (**): Ghi rõ địa chỉ sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức.

5. Cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 - 1.014732

(1) Trình tự thực hiện:

1. Tổ chức đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2, lập 01 bộ hồ sơ gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Công Thương nơi tổ chức đặt trụ sở chính để tiếp nhận, xử lý.

2. Sở Công Thương nơi tổ chức đặt trụ sở chính khi tiếp nhận hồ sơ, thực hiện các quy trình sau:

a) Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương đặt trụ sở chính

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 thông báo để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;

Trong thời hạn 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế và cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp không cấp Giấy phép, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

b. Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm gửi bản sao hồ sơ đề nghị cấp phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 của tổ chức để lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản sao hồ sơ, Sở Công Thương nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Sở Công Thương nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất có trách nhiệm kiểm tra điều kiện thực tế đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất trên địa bàn quản lý và có ý kiến bằng văn bản về việc đáp ứng điều kiện theo quy định;

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất về việc đã đáp ứng đủ điều kiện, đồng thời gửi cho các đơn vị liên quan để phối hợp quản lý. Trường hợp không cấp Giấy phép, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

3. Sau khi cấp phép, cơ quan có thẩm quyền cấp phép cập nhật Giấy phép trên cơ sở dữ liệu chuyên ngành để phối hợp theo dõi, quản lý.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:
 - + Quầy số 13 - số điện thoại 0273.3993889, Sở Công Thương tại địa chỉ số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp.
 - + Quầy số 14 - số điện thoại 02773.898958, lĩnh vực Công Thương tại địa chỉ số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công các xã, phường.
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn

(3) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công.
- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

(4) Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.
- Các giấy tờ quy định tại các điểm b, c, d, đ, e khoản 2 Điều 9 của Nghị định số 26/2026/NĐ-CP gồm:
 - + Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng của kho chứa hóa chất, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí kho tàng, khu vực chứa hóa chất, diện tích và đường vào khu vực kho hóa chất; Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng kho chứa hoặc Hợp đồng sử dụng dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất
 - + Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng (theo quy định của pháp luật về xây dựng).
 - + Bản sao Quyết định phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của cơ quan có thẩm quyền hoặc Quyết định ban hành Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của kho chứa hóa chất.
 - + Bản sao Bảng trung cấp trở lên chuyên ngành hóa học của người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh.
 - + Bản sao Quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa

chất của tổ chức, cá nhân theo quy định tại Điều 32 của Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

- Phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cần kiểm soát đặc biệt và bản cam kết sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt cho các mục đích không bị cấm;

- Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất cần kiểm soát đặc biệt đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

(5) Thời hạn giải quyết: 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(6) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2.

(7) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh (nơi tổ chức đặt trụ sở chính).

(8) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2.

(9) Phí, lệ phí: Tổ chức thực hiện nộp phí thẩm định theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo mẫu 06a Phụ lục VI Thông tư số 01/2026/TT-BCT.

- Phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo mẫu phụ lục VIII Thông tư số 01/2026/TT-BCT.

- Mẫu giấy phép thực hiện theo mẫu 06c Phụ lục VI Thông tư số 01/2026/TT-BCT.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

1. Tổ chức kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Thuê kho của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất phù hợp với quy mô, loại hóa chất của tổ chức thực hiện kinh doanh hoặc có kho tồn trữ hóa chất phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP;

b) Phải có quy trình thao tác an toàn. Quy trình phải được niêm yết tại khu vực lưu trữ hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

3. Tồn trữ, bảo quản hóa chất

a) Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

4. Năng lực chuyên môn

a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh phải có bằng trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa học;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

5. Có phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định (trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung: chủng loại; khối lượng; cách thức bảo quản; kế hoạch kiểm tra, giám sát).

6. Tuân thủ yêu cầu đối với hoạt động kinh doanh hóa chất quy định tại Điều 25, 26, 27, 29 của Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

(12) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hóa chất số 69/2025/QH1.

- Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa (Khoản 2, Điều 13).

- Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.

- Quyết định số 87/QĐ-BCT ngày 18 tháng 01 năm 2026 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung và thủ tục hành chính hủy bỏ, bãi bỏ trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hóa: tại mục (4)

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hóa: tại mục (8)

(15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử TTHC:

- 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương đặt trụ sở chính

- 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.

b) Quy trình nội bộ và điện tử:

- 128 giờ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương đặt trụ sở chính.

- 128 giờ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			128 giờ (cơ sở trên địa phương đặt trụ sở chính)	128 giờ (cơ sở trên địa phương khác địa phương đặt trụ sở chính)
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp (trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến)	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương (tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh)	04 giờ	04 giờ
2	Giải quyết hồ sơ + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế, có văn bản trả lời.	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	04 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	66 giờ	88 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	04 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	08 giờ	08 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			128 giờ (cơ sở trên địa phương đặt trụ sở chính)	128 giờ (cơ sở trên địa phương khác địa phương đặt trụ sở chính)
6	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	16 giờ	06 giờ
7	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
9	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	08 giờ	04 giờ
10	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Bộ phận TN và TKQ của Sở Công Thương	Văn thư và Bộ phận TN và TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
11	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	Không tính thời gian	Không tính thời gian

- Trường hợp nhận hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			128 giờ (cơ sở trên địa phương đặt trụ sở chính)	128 giờ (cơ sở trên địa phương khác địa phương đặt trụ sở chính)
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức chuyển đến Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương (TT PVHCC tỉnh)	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	02 giờ	02 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			128 giờ (cơ sở trên địa phương đặt trụ sở chính)	128 giờ (cơ sở trên địa phương khác địa phương đặt trụ sở chính)
2	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp thuộc Sở Công Thương	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	02 giờ	02 giờ
3	Giải quyết hồ sơ + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế, có văn bản trả lời.	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	04 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	64 giờ	86 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	04 giờ
4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	08 giờ	08 giờ
5	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ	02 giờ
6	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
7	Thẩm định hồ sơ	Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	16 giờ	06 giờ
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
10	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	08 giờ	04 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			128 giờ (cơ sở trên địa phương đặt trụ sở chính)	128 giờ (cơ sở trên địa phương khác địa phương đặt trụ sở chính)
11	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Sở Công Thương (qua Bộ phận TN và TKQ của Sở)	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
12	Chuyển kết quả đến Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	02 giờ	02 giờ
13	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Không tính thời gian	Không tính thời gian

Mẫu 06a. Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

TÊN TỔ CHỨC ⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....⁽²⁾

....., ngày.... tháng.... năm.....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
Cấp Giấy phép ...⁽³⁾.. hóa chất cần kiểm soát đặc biệt, nhóm....⁽⁵⁾

Kính gửi:⁽⁴⁾.....

Tên tổ chức:..... ⁽¹⁾
Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại:
Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... do.....cấp ngày.... tháng.... năm....
Người đại diện pháp luật:.....chức vụ:.....
Người được ủy quyền ký văn bản đề nghị:....., số ủy quyền:.....
Đề nghị.....⁽⁴⁾..... xem xét, cấp Giấy phép.....⁽³⁾ hóa chất sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt đối với nhóm....⁽⁵⁾, gồm:
1. Sản xuất ^(*):
a. Địa điểm cơ sở sản xuất:.....;
b. Thông tin hóa chất đăng ký sản xuất.....;

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/tên thành phần ⁽⁵⁾				Quy mô sản xuất theo năm (kg)	Ghi chú
		Tên hóa chất	Mã CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%)		
1	VD: DEF	Natri xyanua	143-33-9	NaCN	5	200	
		Metanol	67-56-1	CH ₄ O	10		
2							
n							

2. Hóa chất kinh doanh^() :**
Địa điểm cơ sở kinh doanh, lưu trữ hóa chất:
.....

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/tên thành phần ⁽⁵⁾				Quy mô kinh doanh theo năm (kg)	Ghi chú
		Tên hóa chất	Mã CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%)		
1	VD: DEF	Natri xyanua	143-33-9	NaCN	5	400	
		Metanol	67-56-1	CH ₄ O	10		
2							
n							

.....⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất số 69/2025/QH15, Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong

sản phẩm, hàng hóa, Thông tư số /2026/TT-BCT ngày.....tháng.....năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số /2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa và các quy định pháp luật khác có liên quan. Nếu vi phạm⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

.....⁽¹⁾ gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm.....

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên tổ chức đăng ký cấp giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.
- (2) Số ký hiệu văn bản.
- (3) Tên loại giấy phép sản xuất, kinh doanh do Công ty đăng ký.
- (4) Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.
- (5) Loại nhóm (nhóm 1, nhóm 2) hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.
- (*) và (**): Tương thích với tên loại giấy phép tổ chức đăng ký.

Phụ lục VIII

MẪU PHƯƠNG ÁN KIỂM SOÁT PHÒNG, CHỐNG THẮT THOẮT HÓA CHẮT
CẦN KIỂM SOẮT ĐẶC BIỆT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TÊN TỔ CHỨC XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN⁽¹⁾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/PA-KSHCĐB ngày..... tháng..... năm.....

PHƯƠNG ÁN
Kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

Căn cứ Luật Hóa chất số 69/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;
Căn cứ Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên tổ chức:
Địa chỉ trụ sở chính:.....Điện thoại:
Địa điểm cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ, sử dụng hóa chất:
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Người đại diện theo pháp luật:
Người phụ trách an toàn hóa chất:

II. THÔNG TIN HÓA CHẤT CẦN KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT

TT	Tên thương mại	Thông tin thành phần				Khối lượng (kg)	Cách thức bảo quản	Mục đích sử dụng
		Tên hóa học/ thành phần	Mã CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%)			
1	Ví dụ: DEF	Natri xyanua	143-33-9	NaCN	98	500	Thùng nhựa 200l, Kho kín, có khóa	Sản xuất công nghiệp
n								

III. CÁC BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT CỤ THỂ

1. Kiểm soát tại khu vực lưu giữ, kho chứa
- Kết cấu kho: mô tả vật liệu xây dựng, diện tích, chiều cao, hệ thống thông gió;

- Hệ thống giám sát an ninh: (ví dụ: số lượng camera, số lượng, vị trí lắp đặt, góc quay, thời gian lưu trữ dữ liệu; Hệ thống báo động xâm nhập, báo động cháy, rò rỉ khí; Số lượng nhân viên bảo vệ, chế độ trực);

- Điều kiện bảo quản;

- Biển báo và nội quy: (khai báo việc lắp đặt biển cảnh báo, sơ đồ thoát hiểm, nội quy an toàn kho,...).

2. Kiểm soát trong quá trình sản xuất, kinh doanh và sử dụng

- Hệ thống ghi chép: (sử dụng phương thức quản lý cụ thể để theo dõi xuất - nhập - tồn từng ngày,...);

- Quy trình nội bộ: (mô tả quy trình về xuất, nhập hàng, cách kiểm tra giấy phép, hóa đơn, chứng từ; cách kiểm tra khối lượng, bao gói; quy trình kiểm kê, Phân cấp trách nhiệm: thủ kho, người xuất, người nhận, người giám sát);

- Các thông tin thực hiện các quy định trong quá trình vận chuyển.

3. Công tác đào tạo huấn luyện an toàn hóa chất, an toàn PCCC

- Nêu thông tin, số lượng người đã được đào tạo, tập huấn an toàn hóa chất;

- Chứng nhận và thẩm duyệt PCCC (cần nêu các thông tin liên quan đảm bảo công tác an toàn PCCC).

IV. CAM KẾT

.....⁽¹⁾..... cam kết thực hiện đúng phương án đã đề ra và tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan. Nếu để xảy ra thất thoát hoặc vi phạm quy định, (tên tổ chức, cá nhân) hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

.....⁽¹⁾..... cam kết cập nhật phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cần kiểm soát đặc biệt khi có sự thay đổi hoạt động, chủng loại và số lượng hóa chất./.

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT /NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Ghi chú: (1) Tổ chức xây dựng, ban hành Phương án.

Mẫu 06c. Mẫu Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

Điều kiện sử dụng Giấy phép...⁽²⁾ hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

1. Lưu Giấy phép tại trụ sở chính và xuất trình Giấy phép khi được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

2. Không được tẩy xóa, sửa chữa nội dung trong Giấy phép.

3. Không được chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn, cầm cố Giấy phép.

4. Báo cáo⁽¹⁾ khi có sự thay đổi điều kiện.....⁽²⁾ của đơn vị được cấp Giấy phép (Đăng ký kinh doanh, mã số thuế, địa điểm, quy mô...).

5. Báo cáo⁽¹⁾ khi chấm dứt hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt hoặc khi bị mất, hỏng Giấy phép.

6. Nộp lại Giấy phép tại cơ quan cấp Giấy phép khi hết hạn sử dụng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



.....⁽¹⁾

GIẤY PHÉP.....⁽²⁾
HÓA CHẤT CẦN KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT

Số: /GP-⁽³⁾
Ngày tháng năm

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP⁽¹⁾

Số:...../GP-
⁽³⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội,
ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP...⁽²⁾
HÓA CHẤT CẦN KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT (nhóm...⁽⁴⁾)
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP
Căn cứ Luật Hóa chất ngày 14 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;

Được.....⁽¹⁾ hóa chất cần kiểm soát đặc biệt với chủng loại và quy mô cụ thể như sau:

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/thành phần				Quy mô sản xuất/kinh doanh theo năm
		Tên hóa chất	Mã số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%)	

Điều 2. ⁽⁶⁾..... phải thực hiện đúng các quy định tại các văn bản sau đây:

- Luật Hóa chất số 69/2025/QH15;
- Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;
- Các quy định khác có liên quan.

Nếu có sự thay đổi tình trạng pháp lý về tổ chức, nội dung sản xuất, kinh doanh, điều kiện kho bãi và vận chuyển, Công ty có nghĩa vụ báo cáo với.....⁽¹⁾

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và có giá trị đến ngày...⁽¹¹⁾

<i>Căn cứ⁽⁵⁾; Xét Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép ...⁽²⁾ hóa chất cần kiểm soát đặc biệt của.....⁽⁶⁾; Theo đề nghị của.....⁽⁷⁾.</i> QUYẾT ĐỊNH: Điều 1. Cho phép:⁽⁶⁾. 1. Địa chỉ trụ sở chính:.....Điện thoại:..... 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất:.....^(*) 3. Địa chỉ cơ sở kinh doanh hóa chất:.....^(**) 4. Địa chỉ kho chứa hóa chất:..... 5. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... do..... cấp ngày... tháng... năm.... 6. Mã số doanh nghiệp/thuế:.....	Nơi nhận: - Như Điều 1; - Bộ Công Thương (Cục Hóa chất) ⁽⁸⁾; - UBND tỉnh, thành phố....⁽⁹⁾; - Lưu:.....⁽¹⁰⁾; THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP ⁽¹²⁾ <i>(Ký tên và đóng dấu)</i>
--	---

Ghi chú: - (1): Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;

- (2): Tên loại giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất;

- (3): Tên viết tắt của cơ quan cấp giấy phép;

- (4): Loại nhóm (nhóm 1, nhóm 2) hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;

- (5): Căn cứ pháp lý khác (nếu có);

- (6): Tên tổ chức đăng ký cấp giấy phép;

- (7): Lãnh đạo đơn vị thụ lý hồ sơ;

- (8): Gửi Cục Hóa chất trong trường hợp UBND cấp tỉnh cấp giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2;

- (9): Sau khi cấp phép, cơ quan có thẩm quyền cấp phép gửi bản sao Giấy phép đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất để phối hợp theo dõi, quản lý.

- (10): Lưu đơn vị thụ lý hồ sơ;

- (11): Ghi cụ thể thời hạn giấy phép. Trường hợp cấp lại/cấp điều chỉnh, giấy phép cũ phải được thay thế, ghi cụ thể Giấy phép này thay thế Giấy phép số.... ngày...tháng...năm....

- (12): Chức danh thủ trưởng cơ quan cấp Giấy phép.

- (*), (**): Ghi rõ địa chỉ sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức.

6. Cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 - 1.014735

(1) Trình tự thực hiện:

1. Tổ chức đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, Giấy phép kinh doanh, Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2, lập 01 bộ hồ sơ gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Công Thương nơi tổ chức đặt trụ sở chính để tiếp nhận, xử lý.

2. Sở Công Thương nơi tổ chức đặt trụ sở chính khi tiếp nhận hồ sơ, thực hiện các quy trình sau:

a) Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương đặt trụ sở chính

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 thông báo đề tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;

Trong thời hạn 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế và cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp không cấp Giấy phép, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

b. Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm gửi bản sao hồ sơ đề nghị cấp phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 của tổ chức để lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản sao hồ sơ, Sở Công Thương nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Sở Công Thương nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất có trách nhiệm kiểm tra điều kiện thực tế đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất trên địa bàn quản lý và có ý kiến bằng văn bản về việc đáp ứng điều kiện theo quy định;

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất về việc đã đáp ứng đủ điều kiện, đồng thời gửi cho các đơn vị liên quan để phối hợp quản lý. Trường hợp không cấp Giấy phép, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

3. Sau khi cấp phép, cơ quan có thẩm quyền cấp phép cập nhật Giấy phép trên cơ sở dữ liệu chuyên ngành để phối hợp theo dõi, quản lý.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:
 - + Quầy số 13 - số điện thoại 0273.3993889, Sở Công Thương tại địa chỉ số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp.
 - + Quầy số 14 - số điện thoại 02773.898958, lĩnh vực Công Thương tại địa chỉ số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công các xã, phường.
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn

(3) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công.
- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

(4) Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.
- Các giấy tờ quy định tại các điểm b, c, đ, e, g khoản 3 Điều 9 của Nghị định số 26/2026/NĐ-CP gồm:
 - + Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng từng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí nhà xưởng, kho chứa, khu vực chứa hóa chất, diện tích và đường vào nhà xưởng, khu vực sản xuất, kho chứa hóa chất; Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây 12 dựng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất hoặc Hợp đồng sử dụng dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất.
 - + Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng (theo quy định của pháp luật về xây dựng).
 - + Bản sao Quyết định phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của cơ quan có thẩm quyền hoặc Quyết định ban hành Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của cơ sở sản xuất và kinh doanh hóa chất.
 - + Bản sao Bằng đại học trở lên chuyên ngành hóa học của người chịu trách

nhiệm vụ chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở sản xuất và kinh doanh.

+ Bản sao Quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân theo quy định tại Điều 32 của Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

- Bản thuyết minh quy trình công nghệ sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;

- Phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cần kiểm soát đặc biệt và bản cam kết sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt cho các mục đích không bị cấm;

- Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất cần kiểm soát đặc biệt đề nghị cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

(5) Thời hạn giải quyết: 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(6) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2.

(7) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh (nơi tổ chức đặt trụ sở chính).

(8) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2.

(9) Phí, lệ phí: Tổ chức thực hiện nộp phí thẩm định theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo mẫu 06a Phụ lục VI Thông tư số 01/2026/TT-BCT.

- Phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo mẫu phụ lục VIII Thông tư số 01/2026/TT-BCT.

- Mẫu giấy phép thực hiện theo mẫu 06c Phụ lục VI Thông tư số 01/2026/TT-BCT.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

❖ Điều kiện sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

1. Tổ chức sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Nhà xưởng, kho chứa sản xuất hóa chất phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP;

b) Phải có quy trình thao tác an toàn. Quy trình phải được niêm yết tại khu vực sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

3. Công nghệ đáp ứng quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

4. Tồn trữ, bảo quản hóa chất

a) Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

5. Năng lực chuyên môn

a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở sản xuất phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành hóa học;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

6. Có phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định (trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung: chủng loại; khối lượng; cách thức bảo quản; kế hoạch kiểm tra, giám sát).

7. Chỉ được sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt cho các mục đích không bị cấm quy định tại Điều 3 của Luật Hóa chất.

8. Tuân thủ yêu cầu đối với hoạt động sản xuất hóa chất quy định tại Điều 25, 26, 27, 28, 29 của Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

❖ Điều kiện kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

1. Tổ chức kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Thuê kho của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất phù hợp với quy mô, loại hóa chất của tổ chức thực hiện kinh doanh hoặc có kho tồn trữ hóa chất phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP;

b) Phải có quy trình thao tác an toàn. Quy trình phải được niêm yết tại khu vực lưu trữ hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

3. Tồn trữ, bảo quản hóa chất

a) Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

4. Năng lực chuyên môn

a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh phải có bằng trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa học;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

5. Có phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định (trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung: chủng loại; khối lượng; cách thức bảo quản; kế hoạch kiểm tra, giám sát).

6. Tuân thủ yêu cầu đối với hoạt động kinh doanh hóa chất quy định tại Điều 25, 26, 27, 29 của Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

(12) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hóa chất số 69/2025/QH15;

- Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa (Khoản 3, Điều 13).

- Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.

- Quyết định số 87/QĐ-BCT ngày 18 tháng 01 năm 2026 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung và thủ tục hành chính hủy bỏ, bãi bỏ trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hóa: tại mục (4)

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hóa: tại mục (8)

(15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử TTHC:

- 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương đặt trụ sở chính

- 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.

b) Quy trình nội bộ và điện tử:

- 128 giờ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương đặt trụ sở chính.

- 128 giờ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			128 giờ (cơ sở trên địa phương đặt trụ sở chính)	128 giờ (cơ sở trên địa phương khác địa phương đặt trụ sở chính)
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp (trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến)	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương (tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh)	02 giờ	02 giờ
2	Giải quyết hồ sơ + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế, có văn bản trả lời.	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	04 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	66 giờ	88 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	04 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	08 giờ	08 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
6	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	16 giờ	06 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			128 giờ (cơ sở trên địa phương đặt trụ sở chính)	128 giờ (cơ sở trên địa phương khác địa phương đặt trụ sở chính)
7	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
9	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	08 giờ	04 giờ
10	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Bộ phận TN và TKQ của Sở Công Thương	Văn thư và Bộ phận TN và TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
11	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	Không tính thời gian	Không tính thời gian

- Trường hợp nhận hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			128 giờ (cơ sở trên địa phương đặt trụ sở chính)	128 giờ (cơ sở trên địa phương khác địa phương đặt trụ sở chính)
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức chuyển đến Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương (TT PVHCC tỉnh)	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	02 giờ	02 giờ
2	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp thuộc Sở Công Thương	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	02 giờ	02 giờ
3	Giải quyết hồ sơ + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời,	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	04 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			128 giờ (cơ sở trên địa phương đặt trụ sở chính)	128 giờ (cơ sở trên địa phương khác địa phương đặt trụ sở chính)
	yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế, có văn bản trả lời.	Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	64 giờ	86 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	04 giờ
4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	08 giờ	08 giờ
5	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ	02 giờ
6	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
7	Thẩm định hồ sơ	Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	16 giờ	06 giờ
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
10	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	08 giờ	04 giờ
11	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Sở Công Thương (qua Bộ phận TN và TKQ của Sở)	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
12	Chuyển kết quả đến Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	02 giờ	02 giờ
13	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Không tính thời gian	Không tính thời gian

Mẫu 06a. Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

TÊN TỔ CHỨC ⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....⁽²⁾

....., ngày.... tháng.... năm.....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
Cấp Giấy phép ...⁽³⁾.. hóa chất cần kiểm soát đặc biệt, nhóm....⁽⁵⁾

Kính gửi:⁽⁴⁾.....

Tên tổ chức:..... ⁽¹⁾
Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại:
Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... do.....cấp ngày.... tháng.... năm....
Người đại diện pháp luật:.....chức vụ:.....
Người được ủy quyền ký văn bản đề nghị:....., số ủy quyền:.....
Đề nghị.....⁽⁴⁾..... xem xét, cấp Giấy phép.....⁽³⁾ hóa chất sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt đối với nhóm....⁽⁵⁾, gồm:

1. Sản xuất (*):
a. Địa điểm cơ sở sản xuất:.....;
b. Thông tin hóa chất đăng ký sản xuất.....;

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/tên thành phần ⁽⁵⁾				Quy mô sản xuất theo năm (kg)	Ghi chú
		Tên hóa chất	Mã CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%)		
1	VD: DEF	Natri xyanua	143-33-9	NaCN	5	200	
		Metanol	67-56-1	CH ₄ O	10		
2							
n							

2. Hóa chất kinh doanh(**) :
Địa điểm cơ sở kinh doanh, lưu trữ hóa chất:
.....

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/tên thành phần ⁽⁵⁾				Quy mô kinh doanh theo năm (kg)	Ghi chú
		Tên hóa chất	Mã CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%)		
1	VD: DEF	Natri xyanua	143-33-9	NaCN	5	400	
		Metanol	67-56-1	CH ₄ O	10		
2							
n							

.....⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất số 69/2025/QH15, Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong

sản phẩm, hàng hóa, Thông tư số /2026/TT-BCT ngày.....tháng.....năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số /2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa và các quy định pháp luật khác có liên quan. Nếu vi phạm⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

.....⁽¹⁾ gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm.....

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên tổ chức đăng ký cấp giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.
- (2) Số ký hiệu văn bản.
- (3) Tên loại giấy phép sản xuất, kinh doanh do Công ty đăng ký.
- (4) Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.
- (5) Loại nhóm (nhóm 1, nhóm 2) hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.
- (*) và (**): Tương thích với tên loại giấy phép tổ chức đăng ký.

Phụ lục VIII

MẪU PHƯƠNG ÁN KIỂM SOÁT PHÒNG, CHỐNG THẤT THOÁT HÓA CHẤT CẦN KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TÊN TỔ CHỨC XÂY DỰNG
PHƯƠNG ÁN⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/PA-KSHCDB

....., ngày..... tháng..... năm.....

PHƯƠNG ÁN

Kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

Căn cứ Luật Hóa chất số 69/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên tổ chức:

Địa chỉ trụ sở chính:.....Điện thoại:

Địa điểm cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ, sử dụng hóa chất:

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Người đại diện theo pháp luật:

Người phụ trách an toàn hóa chất:

II. THÔNG TIN HÓA CHẤT CẦN KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT

TT	Tên thương mại	Thông tin thành phần				Khối lượng (kg)	Cách thức bảo quản	Mục đích sử dụng
		Tên hóa học/ thành phần	Mã CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%)			
1	Ví dụ: DEF	Natri xyanua	143-33-9	NaCN	98	500	Thùng nhựa 200l, Kho kín, có khóa	Sản xuất công nghiệp
n								

III. CÁC BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT CỤ THỂ

1. Kiểm soát tại khu vực lưu giữ, kho chứa

- Kết cấu kho: mô tả vật liệu xây dựng, diện tích, chiều cao, hệ thống thông gió;
- Hệ thống giám sát an ninh: (ví dụ: số lượng camera, số lượng, vị trí lắp đặt, góc quay, thời gian lưu trữ dữ liệu; Hệ thống báo động xâm nhập, báo động cháy, rò rỉ khí; Số lượng nhân viên bảo vệ, chế độ trực);
- Điều kiện bảo quản;
- Biển báo và nội quy: (khai báo việc lắp đặt biển cảnh báo, sơ đồ thoát hiểm, nội quy an toàn kho,...).

2. Kiểm soát trong quá trình sản xuất, kinh doanh và sử dụng

- Hệ thống ghi chép: (sử dụng phương thức quản lý cụ thể để theo dõi xuất - nhập - tồn từng ngày,...);
- Quy trình nội bộ: (mô tả quy trình về xuất, nhập hàng, cách kiểm tra giấy phép, hóa đơn, chứng từ; cách kiểm tra khối lượng, bao gói; quy trình kiểm kê, Phân cấp trách nhiệm: thủ kho, người xuất, người nhận, người giám sát);
- Các thông tin thực hiện các quy định trong quá trình vận chuyển.

3. Công tác đào tạo huấn luyện an toàn hóa chất, an toàn PCCC

- Nêu thông tin, số lượng người đã được đào tạo, tập huấn an toàn hóa chất;
- Chứng nhận và thẩm duyệt PCCC (cần nêu các thông tin liên quan đảm bảo công tác an toàn PCCC).

IV. CAM KẾT

.....⁽¹⁾..... cam kết thực hiện đúng phương án đã đề ra và tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan. Nếu để xảy ra thất thoát hoặc vi phạm quy định, (tên tổ chức, cá nhân) hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

.....⁽¹⁾..... cam kết cập nhật phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cần kiểm soát đặc biệt khi có sự thay đổi hoạt động, chủng loại và số lượng hóa chất./.

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT /NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Ghi chú: (1) Tổ chức xây dựng, ban hành Phương án.

Mẫu 06c. Mẫu Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

Điều kiện sử dụng Giấy phép...⁽²⁾ hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

1. Lưu Giấy phép tại trụ sở chính và xuất trình Giấy phép khi được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

2. Không được tẩy xóa, sửa chữa nội dung trong Giấy phép.

3. Không được chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn, cầm cố Giấy phép.

4. Báo cáo⁽¹⁾ khi có sự thay đổi điều kiện.....⁽²⁾ của đơn vị được cấp Giấy phép (Đăng ký kinh doanh, mã số thuế, địa điểm, quy mô...).

5. Báo cáo⁽¹⁾ khi chấm dứt hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt hoặc khi bị mất, hỏng Giấy phép.

6. Nộp lại Giấy phép tại cơ quan cấp Giấy phép khi hết hạn sử dụng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



.....⁽¹⁾

GIẤY PHÉP.....⁽²⁾
HÓA CHẤT CẦN KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT

Số: /GP-⁽³⁾
Ngày tháng năm

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP⁽¹⁾

Số:...../GP-⁽³⁾
Hà Nội,
ngày... tháng... năm...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP...⁽²⁾
HÓA CHẤT CẦN KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT (nhóm...⁽⁴⁾)
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP
Căn cứ Luật Hóa chất ngày 14 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;

Được.....⁽¹⁾ hóa chất cần kiểm soát đặc biệt với chủng loại và quy mô cụ thể như sau:

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/thành phần			Quy mô sản xuất/kinh doanh theo năm
		Tên hóa chất	Mã số CAS	Công thức hóa học	

Điều 2. ⁽⁶⁾..... phải thực hiện đúng các quy định tại các văn bản sau đây:

- Luật Hóa chất số 69/2025/QH15;
- Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;
- Các quy định khác có liên quan.

Nếu có sự thay đổi tình trạng pháp lý về tổ chức, nội dung sản xuất, kinh doanh, điều kiện kho bãi và vận chuyển, Công ty có nghĩa vụ báo cáo với.....⁽¹⁾

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và có giá trị đến ngày...⁽¹¹⁾

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Bộ Công Thương (Cục Hóa chất) ⁽⁸⁾;

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP
⁽¹²⁾

<i>Căn cứ⁽⁵⁾; Xét Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép ...⁽²⁾ hóa chất cần kiểm soát đặc biệt của.....⁽⁶⁾; Theo đề nghị của.....⁽⁷⁾.</i> QUYẾT ĐỊNH: Điều 1. Cho phép:⁽⁶⁾. 1. Địa chỉ trụ sở chính:.....Điện thoại:..... 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất:.....^(*) 3. Địa chỉ cơ sở kinh doanh hóa chất:.....^(**) 4. Địa chỉ kho chứa hóa chất:..... 5. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... do..... cấp ngày... tháng... năm.... 6. Mã số doanh nghiệp/thuế:.....	- UBND tỉnh, thành phố....⁽⁹⁾; <i>(Ký tên và đóng dấu)</i> - Lưu:.....⁽¹⁰⁾;
--	--

Ghi chú: - (1): Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;
- (2): Tên loại giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất;
- (3): Tên viết tắt của cơ quan cấp giấy phép;
- (4): Loại nhóm (nhóm 1, nhóm 2) hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;
- (5): Căn cứ pháp lý khác (nếu có);
- (6): Tên tổ chức đăng ký cấp giấy phép;
- (7): Lãnh đạo đơn vị thụ lý hồ sơ;
- (8): Gửi Cục Hóa chất trong trường hợp UBND cấp tỉnh cấp giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2;
- (9): Sau khi cấp phép, cơ quan có thẩm quyền cấp phép gửi bản sao Giấy phép đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất để phối hợp theo dõi, quản lý.
- (10): Lưu đơn vị thụ lý hồ sơ;
- (11): Ghi cụ thể thời hạn giấy phép. Trường hợp cấp lại/cấp điều chỉnh, giấy phép cũ phải được thay thế, ghi cụ thể Giấy phép này thay thế Giấy phép số.... ngày...tháng...năm....
- (12): Chức danh thủ trưởng cơ quan cấp Giấy phép.
- (*), (**): Ghi rõ địa chỉ sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức.

7. Cấp lại Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất kiểm soát đặc biệt nhóm 2 - 1.014734

(1) Trình tự thực hiện:

Trường hợp Giấy phép bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép và gửi Sở Công Thương qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, cấp lại Giấy phép cho tổ chức đồng thời gửi cho các đơn vị liên quan. Trường hợp không cấp lại Giấy phép, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

Thời hạn của Giấy phép cấp lại bằng thời hạn còn lại của Giấy phép đã cấp.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:
 - + Quầy số 13 - số điện thoại 0273.3993889, Sở Công Thương tại địa chỉ số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp.
 - + Quầy số 14 - số điện thoại 02773.898958, lĩnh vực Công Thương tại địa chỉ số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công các xã, phường.
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn

(3) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công.
- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

(4) Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép.
- Giấy tờ, tài liệu chứng minh trong trường hợp thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

(5) Thời hạn giải quyết: 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(6) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2.

(7) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương.
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

(8) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

(9) Phí, lệ phí: Tổ chức thực hiện nộp phí thẩm định theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép theo mẫu 06b Phụ lục số VI Thông tư số 01/2026/TT-BCT.
- Mẫu giấy phép thực hiện theo mẫu 06c Phụ lục VI Thông tư số 01/2026/TT-BCT.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Trường hợp Giấy phép bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức.

(12) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hóa chất số 69/2025/QH15;
- Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa (khoản 6, Điều 13).
- Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.
- Quyết định số 87/QĐ-BCT ngày 18 tháng 01 năm 2026 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung và thủ tục hành chính hủy bỏ, bãi bỏ trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hóa: tại mục (4)

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hóa: tại mục (8)

(15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử TTHC:

a) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ

b) Quy trình nội bộ và điện tử: 40 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp (trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến)	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương (tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh)	02 giờ
2	Giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể) + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: xem xét, có văn bản trả lời (trong 05 ngày làm việc)	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	02 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	08 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	02 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
6	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	08 giờ
7	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
9	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	04 giờ
10	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Bộ phận TN và TKQ của Sở Công Thương	Văn thư và Bộ phận TN và TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
11	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	Không tính thời gian

- Trường hợp nhận hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức chuyển đến Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương (TT PVHCC tỉnh)	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	02 giờ
2	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp thuộc Sở Công Thương	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	02 giờ
3	Giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải có văn bản thông báo cụ thể, thời hạn thông báo/yêu cầu bổ sung thực hiện theo quy định của từng thủ tục, không theo thời hạn giải quyết)</i> + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: xem xét, có văn bản trả lời (trong 05 ngày làm việc)	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp phân công chuyên viên	02 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	06 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp xem xét hồ sơ, chuyển lãnh đạo Sở	02 giờ
4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ
5	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ
6	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
7	Thẩm định hồ sơ	Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	06 giờ
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
10	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	04 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
11	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Sở Công Thương (qua Bộ phận TN và TKQ của Sở)	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
12	Chuyển kết quả đến Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	02 giờ
13	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Không tính thời gian

Mẫu 06b. Văn bản đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

TÊN TỔ CHỨC ⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... ⁽²⁾

....., ngày.... tháng.... năm.....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

Cấp lại/Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm...⁽⁴⁾

Kính gửi: ...⁽³⁾.....

Tên tổ chức:⁽¹⁾

Địa chỉ trụ sở chính:..... Điện thoại:

Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.....do..... cấp ngày... tháng.... năm....

Người đại diện pháp luật:.....chức vụ:

Người được ủy quyền ký văn bản đề nghị:....., số ủy quyền:.....

Đề nghị xem xét cấp lại/cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm...⁽⁴⁾...số ngày.... tháng.... năm.....

- Lý do đề nghị cấp lại/cấp điều chỉnh:

- Thông tin đề nghị cấp lại/cấp điều chỉnh:.....

.....⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất số 69/2025/QH15, Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa, Thông tư số /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số /2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa và các quy định pháp luật khác có liên quan. Nếu vi phạm⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

.....⁽¹⁾ gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm:

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên tổ chức đăng ký cấp lại/cấp điều chỉnh giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;
- (2): Số ký hiệu văn bản;
- (3): Cơ quan có thẩm quyền cấp lại/cấp điều chỉnh giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;
- (4): Loại nhóm (nhóm 1, nhóm 2) hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

Mẫu 06c. Mẫu Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

Điều kiện sử dụng Giấy phép...⁽²⁾ hóa chất cần kiểm soát đặc biệt 1. Lưu Giấy phép tại trụ sở chính và xuất trình Giấy phép khi được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu. 2. Không được tẩy xóa, sửa chữa nội dung trong Giấy phép. 3. Không được chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn, cầm cố Giấy phép. 4. Báo cáo⁽¹⁾ khi có sự thay đổi điều kiện.....⁽²⁾ của đơn vị được cấp Giấy phép (Đăng ký kinh doanh, mã số thuế, địa điểm, quy mô...). 5. Báo cáo⁽¹⁾ khi chấm dứt hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt hoặc khi bị mất, hỏng Giấy phép. 6. Nộp lại Giấy phép tại cơ quan cấp Giấy phép khi hết hạn sử dụng.	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----  ⁽¹⁾ GIẤY PHÉP.....⁽²⁾ HÓA CHẤT CẦN KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT Số: /GP-⁽³⁾ Ngày tháng năm
--	--

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP⁽¹⁾ ----- Số:...../GP-⁽³⁾ (3) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----- Hà Nội, ngày... tháng... năm... GIẤY PHÉP...⁽²⁾ HÓA CHẤT CẦN KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT (nhóm...⁽⁴⁾) THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP Căn cứ Luật Hóa chất ngày 14 tháng 6 năm 2025; Căn cứ Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; Thông tư số 26/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số /2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;	Được.....⁽¹⁾ hóa chất cần kiểm soát đặc biệt với chủng loại và quy mô cụ thể như sau: <table border="1"><thead><tr><th rowspan="2">STT</th><th rowspan="2">Tên thương mại</th><th colspan="3">Thông tin hóa chất/thành phần</th><th rowspan="2">Quy mô sản xuất/kinh doanh theo năm</th></tr><tr><th>Tên hóa chất</th><th>Mã số CAS</th><th>Công thức hóa học</th></tr></thead><tbody><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></tbody></table> Điều 2. ⁽⁶⁾..... phải thực hiện đúng các quy định tại các văn bản sau đây: - Luật Hóa chất số 69/2025/QH15; - Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; - Các quy định khác có liên quan. Nếu có sự thay đổi tình trạng pháp lý về tổ chức, nội dung sản xuất, kinh doanh, điều kiện kho bãi và vận chuyển, Công ty có nghĩa vụ báo cáo với.....⁽¹⁾ Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và có giá trị đến ngày...⁽¹¹⁾ Nơi nhận: - Như Điều 1; - Bộ Công Thương (Cục Hóa chất) ⁽⁸⁾; THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP (12)	STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/thành phần			Quy mô sản xuất/kinh doanh theo năm	Tên hóa chất	Mã số CAS	Công thức hóa học																		
STT	Tên thương mại			Thông tin hóa chất/thành phần				Quy mô sản xuất/kinh doanh theo năm																				
		Tên hóa chất	Mã số CAS	Công thức hóa học																								

<i>Căn cứ⁽⁵⁾; Xét Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép ...⁽²⁾ hóa chất cần kiểm soát đặc biệt của.....⁽⁶⁾; Theo đề nghị của.....⁽⁷⁾.</i> QUYẾT ĐỊNH: Điều 1. Cho phép:⁽⁶⁾. 1. Địa chỉ trụ sở chính:.....Điện thoại:..... 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất:.....^(*) 3. Địa chỉ cơ sở kinh doanh hóa chất:.....^(**) 4. Địa chỉ kho chứa hóa chất:..... 5. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... do..... cấp ngày... tháng... năm.... 6. Mã số doanh nghiệp/thuế:.....	- UBND tỉnh, thành phố....⁽⁹⁾; <i>(Ký tên và đóng dấu)</i> - Lưu:.....⁽¹⁰⁾;
--	--

Ghi chú: - (1): Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;
- (2): Tên loại giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất;
- (3): Tên viết tắt của cơ quan cấp giấy phép;
- (4): Loại nhóm (nhóm 1, nhóm 2) hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;
- (5): Căn cứ pháp lý khác (nếu có);
- (6): Tên tổ chức đăng ký cấp giấy phép;
- (7): Lãnh đạo đơn vị thụ lý hồ sơ;
- (8): Gửi Cục Hóa chất trong trường hợp UBND cấp tỉnh cấp giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2;
- (9): Sau khi cấp phép, cơ quan có thẩm quyền cấp phép gửi bản sao Giấy phép đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất để phối hợp theo dõi, quản lý.
- (10): Lưu đơn vị thụ lý hồ sơ;
- (11): Ghi cụ thể thời hạn giấy phép. Trường hợp cấp lại/cấp điều chỉnh, giấy phép cũ phải được thay thế, ghi cụ thể Giấy phép này thay thế Giấy phép số.... ngày...tháng...năm....
- (12): Chức danh thủ trưởng cơ quan cấp Giấy phép.
- (*), (**): Ghi rõ địa chỉ sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức.

8. Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 - 1.014733

(1) Trình tự thực hiện:

Trường hợp có thay đổi về địa điểm của cơ sở sản xuất, kinh doanh, tồn trữ hóa chất; quy mô, chủng loại hóa chất sản xuất, kinh doanh, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép và gửi Sở Công Thương qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thẩm định các nội dung điều chỉnh và thực hiện cấp Giấy phép theo trình tự, thủ tục như cấp mới Giấy phép;

Thời hạn Giấy phép cấp điều chỉnh thực hiện như cấp mới Giấy phép.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 13 - số điện thoại 0273.3993889, Sở Công Thương tại địa chỉ số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp.

+ Quầy số 14 - số điện thoại 02773.898958, lĩnh vực Công Thương tại địa chỉ số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trung tâm Phục vụ Hành chính công các xã, phường.

- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn

(3) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công.

- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

(4) Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy phép;

- Giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng được điều kiện sản xuất, kinh doanh đối với các nội dung điều chỉnh.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

(5) Thời hạn giải quyết: 16 (mười sáu) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(6) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2.

(7) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương.
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

(8) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2.

(9) Phí, lệ phí: Tổ chức thực hiện nộp phí thẩm định theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép theo mẫu 06b Phụ lục số VI Thông tư số 01/2026/TT-BCT.
- Mẫu giấy phép thực hiện theo mẫu 06c Phụ lục VI Thông tư số 01/2026/TT-BCT.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Trường hợp có thay đổi về địa điểm của cơ sở sản xuất, kinh doanh, tồn trữ hóa chất; quy mô, chủng loại hóa chất sản xuất, kinh doanh

(12) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hóa chất số 69/2025/QH15.
- Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa (khoản 7, Điều 13).
- Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.
- Quyết định số 87/QĐ-BCT ngày 18 tháng 01 năm 2026 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung và thủ tục hành chính hủy bỏ, bãi bỏ trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hóa: tại mục (4)**(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hóa:** tại mục (8)**(15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử TTHC:**

- 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương đặt trụ sở chính
- 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.

b) Quy trình nội bộ và điện tử:

- 128 giờ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương đặt trụ sở chính.

- 128 giờ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			128 giờ (cơ sở trên địa phương đặt trụ sở chính)	128 giờ (cơ sở trên địa phương khác địa phương đặt trụ sở chính)
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp (trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến)	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương (tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh)	02 giờ	02 giờ
2	Giải quyết hồ sơ + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế, có văn bản trả lời.	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	04 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	66 giờ	88 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	04 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	08 giờ	08 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
6	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	16 giờ	06 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			128 giờ (cơ sở trên địa phương đặt trụ sở chính)	128 giờ (cơ sở trên địa phương khác địa phương đặt trụ sở chính)
7	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
9	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	08 giờ	04 giờ
10	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Bộ phận TN và TKQ của Sở Công Thương	Văn thư và Bộ phận TN và TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
11	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	Không tính thời gian	Không tính thời gian

- Trường hợp nhận hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			128 giờ (cơ sở trên địa phương đặt trụ sở chính)	128 giờ (cơ sở trên địa phương khác địa phương đặt trụ sở chính)
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức chuyển đến Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương (TT PVHCC tỉnh)	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	02 giờ	02 giờ
2	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp thuộc Sở Công Thương	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	02 giờ	02 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			128 giờ (cơ sở trên địa phương đặt trụ sở chính)	128 giờ (cơ sở trên địa phương khác địa phương đặt trụ sở chính)
3	Giải quyết hồ sơ + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế, có văn bản trả lời.	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	04 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	64 giờ	86 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	04 giờ
4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	08 giờ	08 giờ
5	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ	02 giờ
6	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
7	Thẩm định hồ sơ	Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	16 giờ	06 giờ
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
10	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	08 giờ	04 giờ
11	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Sở Công Thương (qua Bộ phận TN và TKQ của Sở)	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			128 giờ (cơ sở trên địa phương đặt trụ sở chính)	128 giờ (cơ sở trên địa phương khác địa phương đặt trụ sở chính)
12	Chuyển kết quả đến Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	02 giờ	02 giờ
13	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Không tính thời gian	Không tính thời gian

Mẫu 06b. Văn bản đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

TÊN TỔ CHỨC ⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... ⁽²⁾

....., ngày.... tháng.... năm.....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

Cấp lại/Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm...⁽⁴⁾

Kính gửi: ...⁽³⁾.....

Tên tổ chức:⁽¹⁾

Địa chỉ trụ sở chính:..... Điện thoại:

Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.....do..... cấp ngày... tháng.... năm....

Người đại diện pháp luật:.....chức vụ:

Người được ủy quyền ký văn bản đề nghị:....., số ủy quyền:.....

Đề nghị xem xét cấp lại/cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm...⁽⁴⁾...số ngày.... tháng.... năm.....

- Lý do đề nghị cấp lại/cấp điều chỉnh:

- Thông tin đề nghị cấp lại/cấp điều chỉnh:.....

.....⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất số 69/2025/QH15, Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa, Thông tư số /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số /2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa và các quy định pháp luật khác có liên quan. Nếu vi phạm⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

.....⁽¹⁾ gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm:

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên tổ chức đăng ký cấp lại/cấp điều chỉnh giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;
- (2): Số ký hiệu văn bản;
- (3): Cơ quan có thẩm quyền cấp lại/cấp điều chỉnh giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;
- (4): Loại nhóm (nhóm 1, nhóm 2) hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

Mẫu 06c. Mẫu Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

Điều kiện sử dụng Giấy phép...⁽²⁾ hóa chất cần kiểm soát đặc biệt 1. Lưu Giấy phép tại trụ sở chính và xuất trình Giấy phép khi được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu. 2. Không được tẩy xóa, sửa chữa nội dung trong Giấy phép. 3. Không được chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn, cầm cố Giấy phép. 4. Báo cáo⁽¹⁾ khi có sự thay đổi điều kiện.....⁽²⁾ của đơn vị được cấp Giấy phép (Đăng ký kinh doanh, mã số thuế, địa điểm, quy mô...). 5. Báo cáo⁽¹⁾ khi chấm dứt hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt hoặc khi bị mất, hỏng Giấy phép. 6. Nộp lại Giấy phép tại cơ quan cấp Giấy phép khi hết hạn sử dụng.	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----  ⁽¹⁾ GIẤY PHÉP.....⁽²⁾ HÓA CHẤT CẦN KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT Số: /GP-⁽³⁾ Ngày tháng năm
---	---

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP⁽¹⁾ ----- Số:...../GP- (3)	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----- Hà Nội, ngày... tháng... năm...
GIẤY PHÉP...⁽²⁾ HÓA CHẤT CẦN KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT (nhóm...⁽⁴⁾) THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP <i>Căn cứ Luật Hóa chất ngày 14 tháng 6 năm 2025;</i> <i>Căn cứ Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số /2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;</i> <i>Căn cứ⁽⁵⁾;</i> <i>Xét Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép ...⁽²⁾ hóa</i>	

Được.....⁽¹⁾ hóa chất cần kiểm soát đặc biệt với chủng loại và quy mô cụ thể như sau:

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/thành phần			Quy mô sản xuất/kinh doanh theo năm
		Tên hóa chất	Mã số CAS	Công thức hóa học	

Điều 2. ⁽⁶⁾..... phải thực hiện đúng các quy định tại các văn bản sau đây:

- Luật Hóa chất số 69/2025/QH15;
- Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;
- Các quy định khác có liên quan.

Nếu có sự thay đổi tình trạng pháp lý về tổ chức, nội dung sản xuất, kinh doanh, điều kiện kho bãi và vận chuyển, Công ty có nghĩa vụ báo cáo với.....⁽¹⁾

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và có giá trị đến ngày...⁽¹¹⁾

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Bộ Công Thương (Cục Hóa chất) ⁽⁸⁾;
- UBND tỉnh, thành phố....⁽⁹⁾;

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP
(12)
(Ký tên và đóng dấu)

chất cần kiểm soát đặc biệt của.....⁽⁶⁾; Theo đề nghị của.....⁽⁷⁾. QUYẾT ĐỊNH: Điều 1. Cho phép:⁽⁶⁾. 1. Địa chỉ trụ sở chính:.....Điện thoại:..... 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất:.....^(*) 3. Địa chỉ cơ sở kinh doanh hóa chất:.....^(**) 4. Địa chỉ kho chứa hóa chất:..... 5. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... do..... cấp ngày... tháng... năm.... 6. Mã số doanh nghiệp/thuê:.....	- Lưu:.....⁽¹⁰⁾;
---	------------------------------------

- Ghi chú:* - (1): Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;
- (2): Tên loại giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất;
- (3): Tên viết tắt của cơ quan cấp giấy phép;
- (4): Loại nhóm (nhóm 1, nhóm 2) hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;
- (5): Căn cứ pháp lý khác (nếu có);
- (6): Tên tổ chức đăng ký cấp giấy phép;
- (7): Lãnh đạo đơn vị thụ lý hồ sơ;
- (8): Gửi Cục Hóa chất trong trường hợp UBND cấp tỉnh cấp giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2;
- (9): Sau khi cấp phép, cơ quan có thẩm quyền cấp phép gửi bản sao Giấy phép đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất để phối hợp theo dõi, quản lý.
- (10): Lưu đơn vị thụ lý hồ sơ;
- (11): Ghi cụ thể thời hạn giấy phép. Trường hợp cấp lại/cấp điều chỉnh, giấy phép cũ phải được thay thế, ghi cụ thể Giấy phép này thay thế Giấy phép số.... ngày...tháng...năm....
- (12): Chức danh thủ trưởng cơ quan cấp Giấy phép.
- (*), (**): Ghi rõ địa chỉ sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức.

9. Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 -1.014731

(1) Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt lập 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 6 Điều 14 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP gửi qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan có thẩm quyền cấp phép quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 14 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép thông báo để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không tính vào thời gian cấp phép quy định tại điểm c khoản 6 Điều 14 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép kiểm tra hồ sơ và cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt. Trường hợp không cấp Giấy phép, cơ quan có thẩm quyền cấp phép từ chối cấp phép và nêu rõ lý do;

d) Trường hợp xuất khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt là tiền chất công nghiệp thuộc Phụ lục III của Nghị định quy định các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất từ Việt Nam sang nước ngoài phải có văn bản chấp thuận của Bộ Công an.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép kiểm tra hồ sơ và gửi Bộ Công an những thông tin về tên, địa chỉ tổ chức đề nghị cấp phép xuất khẩu; tên gọi, hàm lượng, số lượng tiền chất; tên, địa chỉ tổ chức nhập khẩu; tên cửa khẩu có hàng xuất khẩu đi qua để ra thông báo tiền xuất khẩu đối với lô hàng cho cơ quan chức năng của nước nhập khẩu. Trường hợp Bộ Công an không thông qua yêu cầu thông báo tiền xuất khẩu thì cơ quan cấp phép từ chối cấp phép và nêu rõ lý do;

đ) Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt có thời hạn 06 tháng kể từ ngày cấp.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 13 - số điện thoại 0273.3993889, Sở Công Thương tại địa chỉ số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp.

+ Quầy số 14 - số điện thoại 02773.898958, lĩnh vực Công Thương tại địa chỉ số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trung tâm Phục vụ Hành chính công các xã, phường.

- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn

(3) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công.
- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

(4) Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

4.1. Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;

b) Hóa đơn thương mại bản gốc và bản dịch tiếng Việt có xác thực của tổ chức trong trường hợp hóa đơn thương mại được phát hành bằng tiếng nước ngoài;

c) Phiếu an toàn hóa chất;

d) Báo cáo về tình hình xuất khẩu, nhập khẩu, mua bán và sử dụng, tồn trữ hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1 theo các Giấy phép đã được cấp;

đ) Giấy phép sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt đối với trường hợp tổ chức sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt xuất khẩu hóa chất do chính tổ chức đó sản xuất;

e) Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt đối với trường hợp tổ chức kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt xuất khẩu, nhập khẩu để phục vụ mục đích kinh doanh;

g) Trường hợp xuất khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt là hóa chất Bảng 3 thuộc Phụ lục III của Nghị định quy định các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất phải có bản sao Giấy chứng nhận sử dụng cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu không phải là Quốc gia thành viên của Công ước Cấm vũ khí hóa học.

4.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

(5) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(6) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2.

(7) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương.
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính.

(8) Kết quả thực hiện TTHC:

Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2.

(9) Phí, lệ phí: Không.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo mẫu 07a Phụ lục VII Thông tư số 01/2026/TT-BCT.

- Mẫu giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo mẫu 07c Phụ lục VII Thông tư số 01/2026/TT-BCT.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

(12) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hóa chất số 69/2025/QH15.

- Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa (khoản 5, Điều 14).

- Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.

- Quyết định số 87/QĐ-BCT ngày 18 tháng 01 năm 2026 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung và thủ tục hành chính hủy bỏ, bãi bỏ trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hóa: tại mục (4)

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hóa: tại mục (8)

(15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử TTHC:

a) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ

b) Quy trình nội bộ và điện tử: 56 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp (trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến)	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương (tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh)	02 giờ
2	Giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
	<i>đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i> + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: xem xét, có văn bản trả lời (trong 07 ngày làm việc)	Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	16 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
6	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	08 giờ
7	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ
9	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	04 giờ
10	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Bộ phận TN và TKQ của Sở Công Thương	Văn thư và Bộ phận TN và TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
11	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	Không tính thời gian

- Trường hợp nhận hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức chuyển đến Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương (TT PVHCC tỉnh)	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	02 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
2	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp thuộc Sở Công Thương	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	02 giờ
3	Giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải có văn bản thông báo cụ thể, thời hạn thông báo/yêu cầu bổ sung thực hiện theo quy định của từng thủ tục, không theo thời hạn giải quyết)</i> + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: xem xét, có văn bản trả lời (trong 07 ngày làm việc)	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp phân công chuyên viên	02 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	16 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp xem xét hồ sơ, chuyển lãnh đạo Sở	04 giờ
4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ
5	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ
6	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
7	Thẩm định hồ sơ	Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	08 giờ
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ
10	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	04 giờ
11	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Sở Công Thương (qua Bộ phận TN và TKQ của Sở)	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
12	Chuyển kết quả đến Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	02 giờ
13	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Không tính thời gian

Mẫu 07a. Văn bản đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN⁽¹⁾

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....⁽²⁾

....., ngày.... tháng.... năm.....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

**Cấp Giấy phép nhập khẩu/xuất khẩu
hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm....**

Kính gửi:⁽³⁾

Tên tổ chức, cá nhân:.....⁽¹⁾

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:... do...⁽⁴⁾.. cấp ngày... tháng... năm...

Mã định danh của tổ chức, cá nhân:

Người đại diện pháp luật:.....chức vụ:

Người được ủy quyền ký văn bản:

Đề nghị⁽³⁾ xem xét cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt, nhóm....., cụ thể như sau:

TT	Tên thương mại/hỗn hợp chất chứa hóa chất cần kiểm soát đặc biệt ⁽⁵⁾	Thông tin thành phần				Khối lượng (lít/kg)	Khối lượng quy đổi ⁽⁴⁾ (kg)		Mô tả hàng hóa	Tên công ty gia nhập khẩu/xuất khẩu nước ngoài	Quốc gia
		Tên hóa chất cần kiểm soát đặc biệt	Mã số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%)		Thành phần hóa chất cần kiểm soát đặc biệt	Hỗn hợp chứa hóa chất cần kiểm soát đặc biệt (trong trường hợp hỗn hợp là lít)			
1									Nhập khẩu theo hóa đơn số... ngày...tháng...năm.... Thông tin chi tiết hóa chất theo MSDS đính kèm.		

2									Xuất khẩu sang quốc gia... để bán cho Công ty... theo hóa đơn số...ngày...th áng...năm.... Công ty nhận hàng cuối cùng:.... Thông tin chi tiết hóa chất theo MSDS đính kèm.		
---	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

n

- Tên cửa khẩu nhập khẩu/xuất khẩu:.....;
- Nơi làm thủ tục Hải quan:.....;
- Mục đích nhập khẩu/xuất khẩu (nêu cụ thể mục đích):.....;
- Địa chỉ cơ sở sử dụng:

.....⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất số 69/2025/QH15, Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa, Thông tư số /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số /2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa và các quy định pháp luật khác có liên quan. Nếu vi phạm⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

.....⁽¹⁾ gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm:.....

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT /NGƯỜI

ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên tổ chức, cá nhân đăng ký cấp giấy phép;
- (2): Ký hiệu số văn bản;
- (3): Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xuất, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt. Đối với nhóm 1 là Cục Hóa chất; đối với nhóm 2 là UBND cấp tỉnh nơi tổ chức, cá nhân có trụ sở chính.
- (4): Ghi rõ khối lượng của hỗn hợp và khối lượng thành phần hóa chất cần kiểm soát đặc biệt được quy đổi trong hỗn hợp.

Mẫu 07c. Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt**CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP⁽¹⁾**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-...⁽²⁾

....., ngày tháng năm 20

GIẤY PHÉP (XUẤT KHẨU/NHẬP KHẨU)**Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt****THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP***Căn cứ Luật hóa chất số 69/2025/QH15;*

Căn cứ Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; Thông tư số /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số /2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ⁽³⁾;

Xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép (xuất khẩu/nhập khẩu) Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt tại văn bản số... ngày... tháng... năm... của.....⁽⁴⁾;

*Theo đề nghị của⁽⁵⁾.***QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Cho phép...⁽⁴⁾; trụ sở... , điện thoại, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số... do...⁽⁶⁾ cấp ngày... tháng... năm.... được:

1. (Xuất khẩu/nhập khẩu)⁽⁷⁾ theo hóa đơn... số ngày... tháng... năm... ký với... như đề nghị của...⁽⁴⁾ (trường hợp từ 02 chất trở lên phải lập bảng).

2. Mục đích (xuất khẩu/nhập khẩu):

3. Cửa khẩu (xuất khẩu/nhập khẩu):

Điều 2....⁽⁴⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số../.../2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có giá trị đến hết ngày...tháng... năm 20....⁽⁸⁾/.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP*(Ký tên và đóng dấu)***Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Bộ Công An (Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy)⁽⁹⁾;
- Bộ Công Thương (Cục Hóa chất)*;
- Cục Hải quan, Bộ Tài chính;
- Chi cục Hải quan cửa khẩu;
- Lưu: VT,

Ghi chú:

- (1): Tên cơ quan cấp Giấy phép;
- (2): Tên viết tắt của cơ quan cấp Giấy phép;
- (3): Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp Giấy phép và các văn bản liên quan;
- (4): Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép;
- (5): Người đứng đầu đơn vị thụ lý hồ sơ;
- (6): Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư;
- (7): Ghi rõ thông tin hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;
- (8): Ghi cụ thể thời hạn giấy phép. Trường hợp cấp lại/cấp điều chỉnh, giấy phép cũ phải được thay thế, ghi cụ thể Giấy phép này thay thế Giấy phép số.... ngày...tháng...năm.....;
- (9): Giấy phép gửi Cục cảnh sát điều tra về tội phạm ma túy trong trường hợp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt là tiền chất công nghiệp;
- *: Trong trường hợp UBND cấp tỉnh cấp giấy phép xuất nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2.

Phụ lục

DANH MỤC HÓA CHẤT

(Kèm theo Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu số:.... ngày... tháng.... năm....)

[illegible]

10. Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 - 1.014730

(1) Trình tự thực hiện:

a) Trường hợp Giấy phép bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân, tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép và gửi Sở Công Thương qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép bao gồm: Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép; giấy tờ, tài liệu chứng minh trong trường hợp thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép kiểm tra, cấp lại Giấy phép cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp không cấp lại Giấy phép, cơ quan có thẩm quyền cấp phép từ chối cấp phép và nêu rõ lý do;

d) Thời hạn của Giấy phép cấp lại bằng thời hạn còn lại của Giấy phép đã cấp.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 13 - số điện thoại 0273.3993889, Sở Công Thương tại địa chỉ số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp.

+ Quầy số 14 - số điện thoại 02773.898958, lĩnh vực Công Thương tại địa chỉ số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trung tâm Phục vụ Hành chính công các xã, phường.

- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công.

- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

(4) Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép;

- Giấy tờ, tài liệu chứng minh trong trường hợp thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

(5) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(6) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2.

(7) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính.

(8) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2.

(9) Phí, lệ phí: không.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo mẫu 07b Phụ lục VII Thông tư số 01/2026/TT-BCT.

- Mẫu giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo mẫu 07c Phụ lục VII Thông tư số 01/2026/TT-BCT.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: không.

(12) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hóa chất số 69/2025/QH15;

- Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa (khoản 7, Điều 14).

- Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.

- Quyết định số 87/QĐ-BCT ngày 18 tháng 01 năm 2026 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung và thủ tục hành chính hủy bỏ, bãi bỏ trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hóa: tại mục (4)

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hóa: tại mục (8)

(15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử TTHC:

a) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ

và hợp lệ.

b) Quy trình nội bộ và điện tử: 40 giờ.

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp (trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến)	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương (tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh)	02 giờ
2	Giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể) + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: xem xét, có văn bản trả lời (trong 05 ngày làm việc)	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	02 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	08 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	02 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
6	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	08 giờ
7	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
9	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	04 giờ
10	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Bộ phận TN và TKQ của Sở Công Thương	Văn thư và Bộ phận TN và TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
11	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	Không tính thời gian

- Trường hợp nhận hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức chuyển đến Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương (TT PVHCC tỉnh)	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	02 giờ
2	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp thuộc Sở Công Thương	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	02 giờ
3	Giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải có văn bản thông báo cụ thể, thời hạn thông báo/yêu cầu bổ sung thực hiện theo quy định của từng thủ tục, không theo thời hạn giải quyết) + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: xem xét, có văn bản trả lời (trong 05 ngày làm việc)	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp phân công chuyên viên	02 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	06 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp xem xét hồ sơ, chuyển lãnh đạo Sở	02 giờ
4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ
5	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ
6	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
7	Thẩm định hồ sơ	Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	06 giờ
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
10	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	04 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
11	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Sở Công Thương (qua Bộ phận TN và TKQ của Sở)	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
12	Chuyển kết quả đến Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	02 giờ
13	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Không tính thời gian

Mẫu 07b. Văn bản đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ
NHÂN ⁽¹⁾**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....⁽²⁾

....., ngày.... tháng.... năm.....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

**Cấp lại/cấp điều chỉnh/gia hạn Giấy phép nhập khẩu/ xuất khẩu
hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm....**

Kính gửi:⁽³⁾

Tên tổ chức/cá nhân:..... ⁽¹⁾

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:... do...⁽⁴⁾.. cấp ngày... tháng... năm...

Mã định danh của tổ chức/cá nhân:

Người đại diện pháp luật:.....chức vụ:.....

Người được ủy quyền ký văn bản:

Đề nghị....⁽³⁾.. xem xét cấp lại/cấp điều chỉnh/gia hạn Giấy phép xuất khẩu/nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt số⁽⁴⁾ ngày.... tháng.... năm.....

- Lý do đề nghị cấp lại/cấp điều chỉnh/gia hạn:

- Thông tin đề nghị cấp lại/cấp điều chỉnh/gia hạn:

..... ⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất số 69/2007/QH12, Nghị định số 120/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa, Thông tư số 12/2007/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 120/2007/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa và các quy định pháp luật khác có liên quan. Nếu vi phạm ⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

.....⁽¹⁾ gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm:

**ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT/NGƯỜI ĐƯỢC
ỦY QUYỀN**

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: - (1): Tên tổ chức, cá nhân đăng ký cấp lại/cấp điều chỉnh giấy phép;

- (2): Ký hiệu số văn bản.

- (3): Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xuất, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt: đối với nhóm 1 là Cục Hóa chất; đối với nhóm 2 là UBND cấp tỉnh nơi tổ chức, cá nhân có trụ sở chính.

Mẫu 07c. Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt**CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP⁽¹⁾**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-...⁽²⁾

....., ngày tháng năm 20

GIẤY PHÉP (XUẤT KHẨU/NHẬP KHẨU)**Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt****THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP***Căn cứ Luật hóa chất số 69/2025/QH15;*

Căn cứ Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; Thông tư số /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số /2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ⁽³⁾;

Xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép (xuất khẩu/nhập khẩu) Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt tại văn bản số... ngày... tháng... năm... của.....⁽⁴⁾;

*Theo đề nghị của⁽⁵⁾.***QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Cho phép...⁽⁴⁾; trụ sở... , điện thoại, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số... do...⁽⁶⁾ cấp ngày... tháng... năm.... được:

1. (Xuất khẩu/nhập khẩu)⁽⁷⁾ theo hóa đơn... số ngày... tháng... năm... ký với... như đề nghị của...⁽⁴⁾ (trường hợp từ 02 chất trở lên phải lập bảng).

2. Mục đích (xuất khẩu/nhập khẩu):

3. Cửa khẩu (xuất khẩu/nhập khẩu):

Điều 2....⁽⁴⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số../.../2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có giá trị đến hết ngày...tháng... năm 20....⁽⁸⁾/.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP*(Ký tên và đóng dấu)***Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Bộ Công An (Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy)⁽⁹⁾;
- Bộ Công Thương (Cục Hóa chất)*;
- Cục Hải quan, Bộ Tài chính;
- Chi cục Hải quan cửa khẩu;
- Lưu: VT,

Ghi chú:

- (1): Tên cơ quan cấp Giấy phép;
- (2): Tên viết tắt của cơ quan cấp Giấy phép;
- (3): Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp Giấy phép và các văn bản liên quan;
- (4): Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép;
- (5): Người đứng đầu đơn vị thụ lý hồ sơ;
- (6): Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư;
- (7): Ghi rõ thông tin hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;
- (8): Ghi cụ thể thời hạn giấy phép. Trường hợp cấp lại/cấp điều chỉnh, giấy phép cũ phải được thay thế, ghi cụ thể Giấy phép này thay thế Giấy phép số.... ngày...tháng...năm.....;
- (9): Giấy phép gửi Cục cảnh sát điều tra về tội phạm ma túy trong trường hợp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt là tiền chất công nghiệp;
- *: Trong trường hợp UBND cấp tỉnh cấp giấy phép xuất nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2.

(Kèm theo Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu số:... ngày... tháng.... năm....)

[illegible]

11. Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 - 1.014729

(1) Trình tự thực hiện:

a) Trường hợp thay đổi nội dung hóa đơn, tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép và gửi Sở Công Thương qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

b) Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép bao gồm: Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy phép; giấy tờ, tài liệu xác nhận đối với các nội dung điều chỉnh;

c) Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thẩm định các nội dung điều chỉnh và thực hiện cấp Giấy phép theo trình tự, thủ tục như cấp mới Giấy phép;

d) Thời hạn Giấy phép cấp điều chỉnh thực hiện như cấp mới Giấy phép.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 13 - số điện thoại 0273.3993889, Sở Công Thương tại địa chỉ số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp.

+ Quầy số 14 - số điện thoại 02773.898958, lĩnh vực Công Thương tại địa chỉ số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trung tâm Phục vụ Hành chính công các xã, phường.

- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công.

- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

(4) Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy phép;

- Giấy tờ, tài liệu xác nhận đối với các nội dung điều chỉnh.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

(5) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(6) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

(7) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương.
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính.

(8) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2.

(9) Phí, lệ phí: không.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo mẫu 07b Phụ lục VII Thông tư số 01/2026/TT-BCT.

- Mẫu giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo mẫu 07c Phụ lục VII Thông tư số 01/2026/TT-BCT.

(12) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hóa chất số 69/2025/QH15.
- Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa (khoản 8, Điều 14).
- Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.
- Quyết định số 87/QĐ-BCT ngày 18 tháng 01 năm 2026 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung và thủ tục hành chính hủy bỏ, bãi bỏ trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hóa:

Tất cả thành phần hồ sơ tại mục (4)

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hóa: tại mục (8)

(15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử TTHC:

a) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ

b) Quy trình nội bộ và điện tử: 56 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp (trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến)	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương (tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh)	02 giờ
2	Giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể) + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: xem xét, có văn bản trả lời (trong 07 ngày làm việc)	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	16 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
6	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	08 giờ
7	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ
9	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	04 giờ
10	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Bộ phận TN và TKQ của Sở Công Thương	Văn thư và Bộ phận TN và TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
11	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	Không tính thời gian

- Trường hợp nhận hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức chuyển đến Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương (TT PVHCC tỉnh)	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	02 giờ
2	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp thuộc Sở Công Thương	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	02 giờ
3	Giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải có văn bản thông báo cụ thể, thời hạn thông báo/yêu cầu bổ sung thực hiện theo quy định của từng thủ tục, không theo thời hạn giải quyết)</i> + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: xem xét, có văn bản trả lời (trong 07 ngày làm việc)	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp phân công chuyên viên	02 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	16 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp xem xét hồ sơ, chuyển lãnh đạo Sở	04 giờ
4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ
5	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ
6	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
7	Thẩm định hồ sơ	Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	08 giờ
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ
10	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	04 giờ
11	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Sở Công Thương (qua Bộ phận TN và TKQ của Sở)	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
12	Chuyển kết quả đến Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	02 giờ
13	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Không tính thời gian

Mẫu 07b. Văn bản đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....⁽²⁾

....., ngày.... tháng.... năm.....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
Cấp lại/cấp điều chỉnh/gia hạn Giấy phép nhập khẩu/ xuất khẩu
hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm....

Kính gửi:⁽³⁾

Tên tổ chức/cá nhân:.....⁽¹⁾

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:... do...⁽⁴⁾.. cấp ngày... tháng... năm...

Mã định danh của tổ chức/cá nhân:

Người đại diện pháp luật:.....chức vụ:.....

Người được ủy quyền ký văn bản:

Đề nghị....⁽³⁾.. xem xét cấp lại/cấp điều chỉnh/gia hạn Giấy phép xuất khẩu/nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt số⁽⁴⁾ ngày.... tháng.... năm.....

- Lý do đề nghị cấp lại/cấp điều chỉnh/gia hạn:

- Thông tin đề nghị cấp lại/cấp điều chỉnh/gia hạn:

.....⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất số 69/2025/QH15, Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa, Thông tư số /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số /2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa và các quy định pháp luật khác có liên quan. Nếu vi phạm⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

.....⁽¹⁾ gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm:

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT/NGƯỜI ĐƯỢC
ỦY QUYỀN
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: - (1): Tên tổ chức, cá nhân đăng ký cấp lại/cấp điều chỉnh giấy phép;

- (2): Ký hiệu số văn bản.

- (3): Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xuất, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt: đối với nhóm 1 là Cục Hóa chất; đối với nhóm 2 là UBND cấp tỉnh nơi tổ chức, cá nhân có trụ sở chính.

Mẫu 07c. Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt**CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP⁽¹⁾**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-...⁽²⁾

....., ngày tháng năm 20

GIẤY PHÉP (XUẤT KHẨU/NHẬP KHẨU)**Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt****THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP***Căn cứ Luật hóa chất số 69/2025/QH15;*

Căn cứ Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; Thông tư số /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số /2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ⁽³⁾;

Xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép (xuất khẩu/nhập khẩu) Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt tại văn bản số... ngày... tháng... năm... của.....⁽⁴⁾;

*Theo đề nghị của⁽⁵⁾.***QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Cho phép...⁽⁴⁾; trụ sở... , điện thoại, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số... do...⁽⁶⁾ cấp ngày... tháng... năm.... được:

1. (Xuất khẩu/nhập khẩu)⁽⁷⁾ theo hóa đơn... số ngày... tháng... năm... ký với... như đề nghị của...⁽⁴⁾ (trường hợp từ 02 chất trở lên phải lập bảng).

2. Mục đích (xuất khẩu/nhập khẩu):

3. Cửa khẩu (xuất khẩu/nhập khẩu):

Điều 2....⁽⁴⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số../.../2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có giá trị đến hết ngày...tháng... năm 20....⁽⁸⁾/.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP*(Ký tên và đóng dấu)***Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Bộ Công An (Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy)⁽⁹⁾;
- Bộ Công Thương (Cục Hóa chất)*;
- Cục Hải quan, Bộ Tài chính;
- Chi cục Hải quan cửa khẩu;
- Lưu: VT,

Ghi chú:

- (1): Tên cơ quan cấp Giấy phép;
- (2): Tên viết tắt của cơ quan cấp Giấy phép;
- (3): Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp Giấy phép và các văn bản liên quan;
- (4): Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép;
- (5): Người đứng đầu đơn vị thụ lý hồ sơ;
- (6): Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư;
- (7): Ghi rõ thông tin hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;
- (8): Ghi cụ thể thời hạn giấy phép. Trường hợp cấp lại/cấp điều chỉnh, giấy phép cũ phải được thay thế, ghi cụ thể Giấy phép này thay thế Giấy phép số.... ngày...tháng...năm.....;
- (9): Giấy phép gửi Cục cảnh sát điều tra về tội phạm ma túy trong trường hợp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt là tiền chất công nghiệp;
- *: Trong trường hợp UBND cấp tỉnh cấp giấy phép xuất nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2.

Phụ lục

DANH MỤC HÓA CHẤT

(Kèm theo Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu số: ... ngày... tháng.... năm....)

[illegible]

12. Cấp gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 - 2.002836

(1) Trình tự thực hiện:

a) Giấy phép được gia hạn trong trường hợp hết thời hạn ghi trong Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại điểm đ khoản 7 Điều 14 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP nhưng việc xuất khẩu, nhập khẩu chưa thực hiện được hoặc thực hiện chưa xong. Giấy phép chỉ được gia hạn 01 lần;

b) Trước khi Giấy phép hết hạn tối thiểu 05 ngày làm việc, tổ chức, cá nhân có nhu cầu gia hạn Giấy phép phải lập 01 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép gửi Sở Công Thương qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

c) Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép bao gồm: Văn bản đề nghị gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép kiểm tra, gia hạn Giấy phép cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp không gia hạn Giấy phép, cơ quan có thẩm quyền cấp phép từ chối gia hạn trên hệ thống Cổng thông tin một cửa quốc gia và nêu rõ lý do;

đ) Giấy phép được gia hạn không quá 06 tháng kể từ ngày cấp phép gia hạn.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 13 - số điện thoại 0273.3993889, Sở Công Thương tại địa chỉ số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp.

+ Quầy số 14 - số điện thoại 02773.898958, lĩnh vực Công Thương tại địa chỉ số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trung tâm Phục vụ Hành chính công các xã, phường.

- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công.

- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

(4) Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Văn bản đề nghị gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

(5) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(6) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2.

(7) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính.

(8) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2.

(9) Phí, lệ phí: không.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo mẫu 07b Phụ lục VII Thông tư số 01/2026/TT-BCT.

- Mẫu giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo mẫu 07c Phụ lục VII Thông tư số 01/2026/TT-BCT.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: không.

(12) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hóa chất số 69/2025/QH15;

- Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa (khoản 9, Điều).

- Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.

- Quyết định số 87/QĐ-BCT ngày 18 tháng 01 năm 2026 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung và thủ tục hành chính hủy bỏ, bãi bỏ trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hóa: tại mục (4)

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hóa: tại mục (8)

(15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử TTHC:

a) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ

và hợp lệ.

b) Quy trình nội bộ và điện tử: 40 giờ.

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp (trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến)	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương (tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh)	02 giờ
2	Giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể) + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: xem xét, có văn bản trả lời (trong 05 ngày làm việc)	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	02 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	08 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	02 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
6	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	08 giờ
7	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
9	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	04 giờ
10	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Bộ phận TN và TKQ của Sở Công Thương	Văn thư và Bộ phận TN và TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
11	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	Không tính thời gian

- Trường hợp nhận hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức chuyển đến Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương (TT PVHCC tỉnh)	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	02 giờ
2	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp thuộc Sở Công Thương	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	02 giờ
3	Giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải có văn bản thông báo cụ thể, thời hạn thông báo/yêu cầu bổ sung thực hiện theo quy định của từng thủ tục, không theo thời hạn giải quyết)</i> + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: xem xét, có văn bản trả lời (trong 05 ngày làm việc)	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp phân công chuyên viên	02 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	06 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp xem xét hồ sơ, chuyển lãnh đạo Sở	02 giờ
4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ
5	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ
6	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
7	Thẩm định hồ sơ	Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	06 giờ
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
10	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	04 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
11	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Sở Công Thương (qua Bộ phận TN và TKQ của Sở)	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
12	Chuyển kết quả đến Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	02 giờ
13	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Không tính thời gian

Mẫu 07b. Văn bản đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ
NHÂN ⁽¹⁾**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....⁽²⁾

....., ngày.... tháng.... năm.....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

**Cấp lại/cấp điều chỉnh/gia hạn Giấy phép nhập khẩu/ xuất khẩu
hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm....**

Kính gửi:⁽³⁾

Tên tổ chức/cá nhân:..... ⁽¹⁾

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:... do...⁽⁴⁾.. cấp ngày... tháng... năm...

Mã định danh của tổ chức/cá nhân:

Người đại diện pháp luật:.....chức vụ:.....

Người được ủy quyền ký văn bản:

Đề nghị....⁽³⁾.. xem xét cấp lại/cấp điều chỉnh/gia hạn Giấy phép xuất khẩu/nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt số⁽⁴⁾ ngày.... tháng.... năm.....

- Lý do đề nghị cấp lại/cấp điều chỉnh/gia hạn:

- Thông tin đề nghị cấp lại/cấp điều chỉnh/gia hạn:

..... ⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất số 69/2025/QH15, Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa, Thông tư số /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số /2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa và các quy định pháp luật khác có liên quan. Nếu vi phạm ⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

.....⁽¹⁾ gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm:

**ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT/NGƯỜI ĐƯỢC
ỦY QUYỀN**

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: - (1): Tên tổ chức, cá nhân đăng ký cấp lại/cấp điều chỉnh giấy phép;

- (2): Ký hiệu số văn bản.

- (3): Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xuất, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt: đối với nhóm 1 là Cục Hóa chất; đối với nhóm 2 là UBND cấp tỉnh nơi tổ chức, cá nhân có trụ sở chính.

Mẫu 07c. Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt**CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP⁽¹⁾**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-...⁽²⁾

....., ngày tháng năm 20

GIẤY PHÉP (XUẤT KHẨU/NHẬP KHẨU)**Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt****THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP***Căn cứ Luật hóa chất số 69/2025/QH15;**Căn cứ Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;**Căn cứ⁽³⁾;**Xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép (xuất khẩu/nhập khẩu) Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt tại văn bản số... ngày... tháng... năm... của.....⁽⁴⁾;**Theo đề nghị của⁽⁵⁾.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Cho phép...⁽⁴⁾; trụ sở... , điện thoại, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số... do...⁽⁶⁾ cấp ngày... tháng... năm.... được:1. (Xuất khẩu/nhập khẩu)⁽⁷⁾ theo hóa đơn... số ngày... tháng... năm... ký với... như đề nghị của...⁽⁴⁾ (trường hợp từ 02 chất trở lên phải lập bảng).

2. Mục đích (xuất khẩu/nhập khẩu):

3. Cửa khẩu (xuất khẩu/nhập khẩu):

Điều 2....⁽⁴⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số../.../2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa và những quy định của pháp luật liên quan.**Điều 3.** Giấy phép này có giá trị đến hết ngày...tháng... năm 20....⁽⁸⁾/.**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP***(Ký tên và đóng dấu)***Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Bộ Công An (Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy)⁽⁹⁾;
- Bộ Công Thương (Cục Hóa chất)*;
- Cục Hải quan, Bộ Tài chính;
- Chi cục Hải quan cửa khẩu;
- Lưu: VT,

Ghi chú:

- (1): Tên cơ quan cấp Giấy phép;
- (2): Tên viết tắt của cơ quan cấp Giấy phép;
- (3): Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp Giấy phép và các văn bản liên quan;
- (4): Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép;
- (5): Người đứng đầu đơn vị thụ lý hồ sơ;
- (6): Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư;
- (7): Ghi rõ thông tin hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;
- (8): Ghi cụ thể thời hạn giấy phép. Trường hợp cấp lại/cấp điều chỉnh, giấy phép cũ phải được thay thế, ghi cụ thể Giấy phép này thay thế Giấy phép số.... ngày...tháng...năm.....;
- (9): Giấy phép gửi Cục cảnh sát điều tra về tội phạm ma túy trong trường hợp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt là tiền chất công nghiệp;
- *: Trong trường hợp UBND cấp tỉnh cấp giấy phép xuất nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2.

Phụ lục

DANH MỤC HÓA CHẤT

(Kèm theo Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu số:.... ngày... tháng.... năm....)

[illegible]

13. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc UBND cấp tỉnh - 1.014727

(1) Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất lập 01 bộ hồ sơ gửi qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan có thẩm quyền cấp phép quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận thông báo để tổ chức bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không tính vào thời gian cấp Giấy chứng nhận quy định tại điểm c, điểm d khoản này;

c) Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với cơ sở tồn trữ thuộc đối tượng phải xây dựng Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất hoặc Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất do Sở Công Thương, Ủy Ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định:

Trường hợp kho tồn trữ hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính, trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP, Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế và cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, cơ quan có thẩm quyền phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

Trường hợp kho tồn trữ hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm gửi bản sao hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận của tổ chức để lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt kho tồn trữ hóa chất để lấy ý kiến. Trong thời hạn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản sao hồ sơ, Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt kho tồn trữ hóa chất có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế đối với các kho tồn trữ hóa chất trên địa bàn quản lý và có ý kiến bằng văn bản về việc đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP;

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản về việc đã đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, cơ quan có thẩm quyền phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

Cơ quan có thẩm quyền cấp gửi bản sao Giấy chứng nhận đến Bộ Công Thương (Cục Hóa chất) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở tồn trữ hóa chất để phối hợp

theo dõi, quản lý;

d) Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 13 - số điện thoại 0273.3993889, Sở Công Thương tại địa chỉ số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp.

+ Quầy số 14 - số điện thoại 02773.898958, lĩnh vực Công Thương tại địa chỉ số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trung tâm Phục vụ Hành chính công các xã, phường.

- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công.

- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

(4) Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

4.1. Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất;

b) Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng của kho tồn trữ hóa chất, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí kho, diện tích và đường vào khu vực kho hóa chất; Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng kho tồn trữ hóa chất;

c) Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng (theo quy định của pháp luật về xây dựng);

d) Bản sao Quyết định phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của cơ quan có thẩm quyền hoặc Quyết định ban hành Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của kho tồn trữ hóa chất;

đ) Bản sao Bằng trung cấp trở lên chuyên ngành hóa học của người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của kho tồn trữ hóa chất;

e) Bản sao Quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất của tổ chức theo quy định tại Điều 32 của Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất

về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;

g) Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất nguy hiểm theo đơn đề nghị cấp phép.

4.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

(5) Thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(6) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức hoạt động kinh doanh dịch vụ tồn trữ hóa chất.

(7) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương.
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Tỉnh.

(8) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép kinh doanh hoạt động tồn trữ hóa chất.

(9) Phí, lệ phí: Tổ chức thực hiện nộp phí thẩm định theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất theo mẫu 11a Phụ lục XI Thông tư số 01/2026/TT-BCT.
- Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất theo mẫu 11c Phụ lục XI Thông tư số 01/2026/TT-BCT.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Tổ chức thực hiện dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với hóa chất có điều kiện, hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Tổ chức thực hiện dịch vụ tồn trữ hóa chất là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Kho tồn trữ hóa chất phải đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

3. Tồn trữ, bảo quản hóa chất

a) Hóa chất phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

4. Năng lực chuyên môn

a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của kho tồn trữ hóa chất phải có bằng trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa học;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

5. Tuân thủ yêu cầu về bảo đảm an toàn trong hoạt động tồn trữ hóa chất quy định tại điều 33, 35, 36, 37, 38, 39, 40 và 41 của Luật Hóa chất.

6. Chỉ được tồn trữ theo đúng quy mô, loại hóa chất theo Giấy chứng nhận đã được cơ quan có thẩm quyền cấp.

(12) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hóa chất số 69/2025/QH15;

- Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa (khoản 1, Điều 20).

- Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.

- Quyết định số 87/QĐ-BCT ngày 18 tháng 01 năm 2026 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung và thủ tục hành chính hủy bỏ, bãi bỏ trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hóa: tại mục (4)

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hóa: tại mục (8)

(15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử TTHC:

a) Thời hạn giải quyết:

- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp kho tồn trữ hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính

- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp kho tồn trữ hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính

b) Quy trình nội bộ và điện tử:

- 96 giờ đối với trường hợp kho tồn trữ hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính

- 96 giờ đối với trường hợp kho tồn trữ hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			96 giờ (kho của tổ chức được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính)	96 giờ (kho của tổ chức được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp (trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến)	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương (tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh)	04 giờ	04 giờ
2	Giải quyết hồ sơ + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế, có văn bản trả lời.	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	04 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	38 giờ	60 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	04 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ	04 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
6	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	16 giờ	06 giờ
7	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			96 giờ (kho của tổ chức được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính)	96 giờ (kho của tổ chức được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)
9	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	08 giờ	04 giờ
10	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Bộ phận TN và TKQ của Sở Công Thương	Văn thư và Bộ phận TN và TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
11	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	Không tính thời gian	Không tính thời gian

- Trường hợp nhận hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			96 giờ (kho của tổ chức được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính)	96 giờ (kho của tổ chức được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức chuyển đến Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương (TT PVHCC tỉnh)	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	02 giờ	02 giờ
2	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp thuộc Sở Công Thương	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	02 giờ	02 giờ
3	Giải quyết hồ sơ + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời,	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	04 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			96 giờ (kho của tổ chức được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính)	96 giờ (kho của tổ chức được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)
	yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế, có văn bản trả lời.	Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	36 giờ	58 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	04 giờ
4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ	04 giờ
5	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ	02 giờ
6	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
7	Thẩm định hồ sơ	Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	16 giờ	06 giờ
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
10	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	08 giờ	04 giờ
11	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Sở Công Thương (qua Bộ phận TN và TKQ của Sở)	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
12	Chuyển kết quả đến Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	02 giờ	02 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			96 giờ (kho của tổ chức được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính)	96 giờ (kho của tổ chức được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)
13	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Không tính thời gian	Không tính thời gian

Mẫu 11a. Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất

TÊN TỔ CHỨC ⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽²⁾

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất
Kính gửi:.....⁽³⁾.....

Tên tổ chức:⁽¹⁾

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:... do..... cấp ngày... tháng... năm...

Đại diện pháp luật:

Người được ủy quyền:.....

Loại hình: Sản xuất ☒ Kinh doanh ☒ Tồn trữ ☒

Đề nghị ...⁽³⁾..... xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với kho chứa hóa chất cụ thể như sau:

1. Địa điểm kho tồn trữ hóa chất:

- Địa chỉ:

- Quy mô kho bãi:

2. Danh mục hóa chất đăng ký tồn trữ

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/tên thành phần				Khối lượng tồn trữ	Ghi chú
		Tên hóa chất	Mã CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%)		
1	VD: 01	Axeton	67-64-1	C ₃ H ₆ O	30%	100 tấn	
		Toluen	108-88-3	C ₇ H ₈	20%		
2							
n							

.....⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất số 69/2025/QH15, Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa, Thông tư số /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số /2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa và các quy định pháp luật khác có liên quan. Nếu vi phạm.....⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật....⁽¹⁾ gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm:.....

**ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT/NGƯỜI ĐƯỢC
ỦY QUYỀN**

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất.
- (2): Ký hiệu số văn bản.
- (3): Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất.

Mẫu 11c. Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất

Điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất 1. Lưu Giấy phép tại trụ sở chính và xuất trình Giấy phép khi được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu. 2. Không được tẩy xóa, sửa chữa nội dung trong Giấy phép. 3. Không được chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn, cầm cố Giấy phép. 4. Báo cáo⁽¹⁾ khi có sự thay đổi điều kiện của đơn vị được cấp Giấy chứng nhận (Đăng ký kinh doanh, mã số thuế, địa điểm, quy mô...). 5. Báo cáo⁽²⁾ khi chấm dứt hoạt động. 7. Chỉ được phép hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất với quy mô tồn trữ, diện tích tồn trữ đã được cấp giấy chứng nhận. 7. Nộp lại Giấy phép tại cơ quan cấp Giấy phép khi hết hạn sử dụng.	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----  ⁽¹⁾ GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ TỒN TRỮ HÓA CHẤT Số: /GCN-⁽²⁾ Ngày tháng năm
--	---

TÊN CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN⁽¹⁾ ----- Số:...../GP-⁽²⁾ Hà Nội, ngày... tháng... năm... GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ TỒN TRỮ HÓA CHẤT THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP⁽³⁾ <i>Căn cứ Luật Hóa chất ngày 14 tháng 6 năm 2025; Căn cứ Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; Căn cứ⁽⁴⁾;</i> <i>Xét Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất của...; Theo đề nghị của.....⁽⁵⁾.</i> QUYẾT ĐỊNH: Điều 1. Cho phép:⁽⁵⁾;	Được phép hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất với chủng loại, quy mô cụ thể như sau: <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <thead> <tr> <th rowspan="2">STT</th> <th rowspan="2">tên thương mại</th> <th colspan="4">Thông tin hóa chất/thành phần</th> <th rowspan="2">Khối lượng tồn trữ theo năm</th> </tr> <tr> <th>Tên hóa chất</th> <th>Mã số CAS</th> <th>Công thức hóa học</th> <th>Hàm lượng (%)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>n</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> Điều 2. ⁽⁴⁾..... phải thực hiện đúng các quy định tại các văn bản sau đây: - Luật Hóa chất số 69/2025/QH15; - Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; - Các quy định khác có liên quan. Nếu có sự thay đổi tình trạng pháp lý về tổ chức, quy mô, điều kiện kho bãi,⁽⁵⁾ có nghĩa vụ báo cáo với.....⁽¹⁾ Điều 3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và có giá trị đến ngày.....⁽⁶⁾	STT	tên thương mại	Thông tin hóa chất/thành phần				Khối lượng tồn trữ theo năm	Tên hóa chất	Mã số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%)	1							2							n						
STT	tên thương mại			Thông tin hóa chất/thành phần					Khối lượng tồn trữ theo năm																								
		Tên hóa chất	Mã số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%)																												
1																																	
2																																	
n																																	

1. Địa chỉ trụ sở chính:Điện thoại:.....; 2. Địa chỉ kho tồn trữ hóa chất:..... 3. Diện tích kho tồn trữ hóa chất :..... 4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:... do..... cấp ngày... tháng... năm.. 5. Mã số doanh nghiệp/thuế:.....	Nơi nhận: - Như Điều 1; - Bộ Công Thương (Cục Hóa chất) ⁽⁷⁾ ; - UBND cấp tỉnh ⁽⁸⁾ ; - Lưu:.....;	THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP (3) <i>(Ký tên và đóng dấu)</i>
--	---	--

Ghi chú:

- (1): Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất;
- (2): Ký hiệu văn bản Giấy phép;
- (3): Chức danh người có thẩm quyền cấp Giấy phép;
- (4): Căn cứ pháp lý khác liên quan (nếu có);
- (5): Thông tin chức danh cơ quan thụ lý hồ sơ cấp Giấy phép;
- (6): Ghi cụ thể thời hạn giấy phép. Trường hợp cấp lại/cấp điều chỉnh, giấy phép cũ phải được thay thế, ghi cụ thể Giấy phép này thay thế Giấy phép số.... ngày...tháng...năm.... ;
- (7): Gửi Cục Hóa chất - Bộ Công Thương trong trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ do UBND cấp tỉnh cấp.

14. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc UBND cấp tỉnh - 1.014725

(1) Trình tự thực hiện:

a) Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận và gửi Sở Công Thương qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận bao gồm: Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận; giấy tờ, tài liệu chứng minh trong trường hợp thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, cấp lại Giấy chứng nhận cho tổ chức đồng thời gửi cho các đơn vị liên quan để phối hợp quản lý. Trường hợp không cấp lại Giấy chứng nhận, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

d) Thời hạn của Giấy chứng nhận cấp lại bằng thời hạn còn lại của Giấy chứng nhận đã cấp.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 13 - số điện thoại 0273.3993889, Sở Công Thương tại địa chỉ số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp.

+ Quầy số 14 - số điện thoại 02773.898958, lĩnh vực Công Thương tại địa chỉ số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trung tâm Phục vụ Hành chính công các xã, phường.

- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công.

- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

(4) Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận;

- Giấy tờ, tài liệu chứng minh trong trường hợp thay đổi về thông tin đăng

ký thành lập của tổ chức.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

(5) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(6) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức hoạt động kinh doanh dịch vụ tồn trữ hóa chất.

(7) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

(8) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép kinh doanh hoạt động tồn trữ hóa chất.

(9) Phí, lệ phí: Tổ chức thực hiện nộp phí thẩm định theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất theo mẫu 11b Phụ lục XI Thông tư số 01/2026/TT-BCT.

- Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất theo mẫu 11c Phụ lục XI Thông tư số 01/2026/TT-BCT.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Tổ chức thực hiện dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với hóa chất có điều kiện, hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Tổ chức thực hiện dịch vụ tồn trữ hóa chất là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Kho tồn trữ hóa chất phải đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

3. Tồn trữ, bảo quản hóa chất

a) Hóa chất phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

4. Năng lực chuyên môn

a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của kho tồn trữ hóa chất phải có bằng trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa học;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

5. Tuân thủ yêu cầu về bảo đảm an toàn trong hoạt động tồn trữ hóa chất quy

định tại điều 33, 35, 36, 37, 38, 39, 40 và 41 của Luật Hóa chất.

6. Chỉ được tồn trữ theo đúng quy mô, loại hóa chất theo Giấy chứng nhận đã được cơ quan có thẩm quyền cấp.

(12) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hóa chất số 69/2025/QH15;

- Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa (khoản 5, Điều 20).

- Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.

- Quyết định số 87/QĐ-BCT ngày 18 tháng 01 năm 2026 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung và thủ tục hành chính hủy bỏ, bãi bỏ trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hóa: tại mục (4)

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hóa: tại mục (8)

(15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử TTHC:

a) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ

b) Quy trình nội bộ và điện tử: 40 giờ.

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp (trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến)	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương (tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh)	02 giờ
2	Giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể) + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: xem xét, có văn bản trả lời (trong 05	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	02 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	08 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	02 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
	ngày làm việc)		
3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
6	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	08 giờ
7	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
9	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	04 giờ
10	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Bộ phận TN và TKQ của Sở Công Thương	Văn thư và Bộ phận TN và TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
11	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	Không tính thời gian

- Trường hợp nhận hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức chuyển đến Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương (TT PVHCC tỉnh)	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	02 giờ
2	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp thuộc Sở Công Thương	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	02 giờ
3	Giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải có văn bản thông báo cụ thể, thời hạn thông báo/yêu cầu bổ sung thực hiện theo quy định của từng thủ tục, không</i>	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp phân công chuyên viên Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	02 giờ 06 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
	<i>theo thời hạn giải quyết</i> + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: xem xét, có văn bản trả lời (trong 05 ngày làm việc)	Lãnh đạo Phòng Phòng Quản lý công nghiệp xem xét hồ sơ, chuyển lãnh đạo Sở	02 giờ
4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ
5	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ
6	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
7	Thẩm định hồ sơ	Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	06 giờ
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
10	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	04 giờ
11	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Sở Công Thương (qua Bộ phận TN và TKQ của Sở)	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
12	Chuyển kết quả đến Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	02 giờ
13	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Không tính thời gian

Mẫu 11b. Văn bản đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất

TÊN TỔ CHỨC ⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽²⁾

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
Cấp lại/cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện
hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất

Kính gửi:.....⁽³⁾.....

Tên tổ chức:..... ⁽¹⁾

Địa chỉ trụ sở chính:, Điện thoại:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:... do..... cấp ngày... tháng... năm...

Đại diện pháp luật:

Người được ủy quyền:

Loại hình: Sản xuất ☒ Kinh doanh ☒ Tồn trữ ☒

....⁽¹⁾ đã được⁽³⁾ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất số.... ngày.... tháng.... năm

Đề nghị ...⁽³⁾..... xem xét, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....⁽⁴⁾ hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với kho chứa hóa chất cụ thể như sau:

- Lý do đề nghị cấp lại/cấp điều chỉnh:

- Thông tin đề nghị cấp lại/cấp điều chỉnh:

.....⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất số 69/2025/QH15, Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa, Thông tư số /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số /2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa và các quy định pháp luật khác có liên quan. Nếu vi phạm..... ⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.... ⁽¹⁾ gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm:.....

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT/NGƯỜI ĐƯỢC
ỦY QUYỀN

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú: - (1): Tên tổ chức đề nghị cấp lại/cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất;

- (2): Ký hiệu số văn bản.

- (3): Cơ quan có thẩm quyền cấp lại/cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất.

Mẫu 11c. Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất

Điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất 1. Lưu Giấy phép tại trụ sở chính và xuất trình Giấy phép khi được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu. 2. Không được tẩy xóa, sửa chữa nội dung trong Giấy phép. 3. Không được chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn, cầm cố Giấy phép. 4. Báo cáo⁽¹⁾ khi có sự thay đổi điều kiện của đơn vị được cấp Giấy chứng nhận (Đăng ký kinh doanh, mã số thuế, địa điểm, quy mô...). 5. Báo cáo⁽²⁾ khi chấm dứt hoạt động. 7. Chỉ được phép hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất với quy mô tồn trữ, diện tích tồn trữ đã được cấp giấy chứng nhận. 7. Nộp lại Giấy phép tại cơ quan cấp Giấy phép khi hết hạn sử dụng.	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----  ⁽¹⁾ GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ TỒN TRỮ HÓA CHẤT Số: /GCN-⁽²⁾ Ngày tháng năm
--	---

TÊN CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN⁽¹⁾ ----- Số:...../GP-⁽²⁾ Hà Nội, ngày... tháng... năm... GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ TỒN TRỮ HÓA CHẤT THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP⁽³⁾ <i>Căn cứ Luật Hóa chất ngày 14 tháng 6 năm 2025; Căn cứ Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; Căn cứ⁽⁴⁾;</i> <i>Xét Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất của...; Theo đề nghị của.....⁽⁵⁾.</i> QUYẾT ĐỊNH: Điều 1. Cho phép:⁽⁵⁾; 1. Địa chỉ trụ sở chính:Điện thoại:.....;	Được phép hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất với chủng loại, quy mô cụ thể như sau: <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <thead> <tr> <th rowspan="2">STT</th> <th rowspan="2">tên thương mại</th> <th colspan="4">Thông tin hóa chất/thành phần</th> <th rowspan="2">Khối lượng tồn trữ theo năm</th> </tr> <tr> <th>Tên hóa chất</th> <th>Mã số CAS</th> <th>Công thức hóa học</th> <th>Hàm lượng (%)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>n</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> Điều 2. ⁽⁴⁾..... phải thực hiện đúng các quy định tại các văn bản sau đây: - Luật Hóa chất số 69/2025/QH15; - Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; - Các quy định khác có liên quan. Nếu có sự thay đổi tình trạng pháp lý về tổ chức, quy mô, điều kiện kho bãi,⁽⁵⁾ có nghĩa vụ báo cáo với.....⁽¹⁾ Điều 3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và có giá trị đến ngày.....⁽⁶⁾	STT	tên thương mại	Thông tin hóa chất/thành phần				Khối lượng tồn trữ theo năm	Tên hóa chất	Mã số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%)	1							2							n						
STT	tên thương mại			Thông tin hóa chất/thành phần					Khối lượng tồn trữ theo năm																								
		Tên hóa chất	Mã số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%)																												
1																																	
2																																	
n																																	

2. Địa chỉ kho tồn trữ hóa chất:..... 3. Diện tích kho tồn trữ hóa chất :..... 4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:... do..... cấp ngày... tháng... năm.. 5. Mã số doanh nghiệp/thuế:.....	Nơi nhận: - Như Điều 1; - Bộ Công Thương (Cục Hóa chất) ⁽⁷⁾; - UBND cấp tỉnh ⁽⁸⁾; - Lưu:.....; THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP (3) <i>(Ký tên và đóng dấu)</i>
---	--

Ghi chú:

- (1): Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất;
- (2): Ký hiệu văn bản Giấy phép;
- (3): Chức danh người có thẩm quyền cấp Giấy phép;
- (4): Căn cứ pháp lý khác liên quan (nếu có);
- (5): Thông tin chức danh cơ quan thụ lý hồ sơ cấp Giấy phép;
- (6): Ghi cụ thể thời hạn giấy phép. Trường hợp cấp lại/cấp điều chỉnh, giấy phép cũ phải được thay thế, ghi cụ thể Giấy phép này thay thế Giấy phép số.... ngày...tháng...năm.... ;
- (7): Gửi Cục Hóa chất - Bộ Công Thương trong trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ do UBND cấp tỉnh cấp.

15. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc UBND cấp tỉnh - 1.014723

(1) Trình tự thực hiện:

a) Trường hợp có thay đổi về địa điểm của kho tồn trữ hóa chất; quy mô, hóa chất tồn trữ, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận và gửi Sở Công Thương qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

b) Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận bao gồm: Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận; giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng được điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với các nội dung điều chỉnh;

c) Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thẩm định các nội dung điều chỉnh và thực hiện cấp Giấy chứng nhận theo trình tự, thủ tục, thời hạn như cấp mới Giấy chứng nhận.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 13 - số điện thoại 0273.3993889, Sở Công Thương tại địa chỉ số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp.

+ Quầy số 14 - số điện thoại 02773.898958, lĩnh vực Công Thương tại địa chỉ số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trung tâm Phục vụ Hành chính công các xã, phường.

- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công.

- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

(4) Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận;

- Giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng được điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với các nội dung điều chỉnh.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

(5) Thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(6) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức hoạt động kinh doanh dịch vụ tồn trữ hóa chất.

(7) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương.
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

(8) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép kinh doanh hoạt động tồn trữ hóa chất.

(9) Phí, lệ phí: Tổ chức thực hiện nộp phí thẩm định theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất theo mẫu 11b Phụ lục XI Thông tư số 01/2026/TT-BCT.
- Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất theo mẫu 11c Phụ lục XI Thông tư số 01/2026/TT-BCT.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Tổ chức thực hiện dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với hóa chất có điều kiện, hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Tổ chức thực hiện dịch vụ tồn trữ hóa chất là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Kho tồn trữ hóa chất phải đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

3. Tồn trữ, bảo quản hóa chất

a) Hóa chất phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

4. Năng lực chuyên môn

a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của kho tồn trữ hóa chất phải có bằng trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa học;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

5. Tuân thủ yêu cầu về bảo đảm an toàn trong hoạt động tồn trữ hóa chất quy định tại điều 33, 35, 36, 37, 38, 39, 40 và 41 của Luật Hóa chất.

6. Chỉ được tồn trữ theo đúng quy mô, loại hóa chất theo Giấy chứng nhận đã được cơ quan có thẩm quyền cấp.

(12) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hóa chất số 69/2025/QH15.

- Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa (khoản 6, Điều 20).

- Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.

- Quyết định số 87/QĐ-BCT ngày 18 tháng 01 năm 2026 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung và thủ tục hành chính hủy bỏ, bãi bỏ trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hóa: tại mục (4)

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hóa: tại mục (8)

(15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử TTHC:

- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp kho tồn trữ hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính

- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp kho tồn trữ hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính

b) Quy trình nội bộ và điện tử:

- 96 giờ đối với trường hợp kho tồn trữ hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính

- 96 giờ đối với trường hợp kho tồn trữ hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			96 giờ (kho của tổ chức được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)	96 giờ (kho của tổ chức được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp (trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến)	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương (tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh)	04 giờ	04 giờ
2	Giải quyết hồ sơ + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế, có văn bản trả lời.	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	04 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	38 giờ	60 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	04 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ	04 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
6	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	16 giờ	06 giờ
7	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
9	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	08 giờ	04 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			96 giờ (kho của tổ chức được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính)	96 giờ (kho của tổ chức được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)
10	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Bộ phận TN và TKQ của Sở Công Thương	Văn thư và Bộ phận TN và TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
11	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	Không tính thời gian	Không tính thời gian

- Trường hợp nhận hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			96 giờ (kho của tổ chức được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính)	96 giờ (kho của tổ chức được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức chuyển đến Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương (TT PVHCC tỉnh)	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	02 giờ	02 giờ
2	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp thuộc Sở Công Thương	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	02 giờ	02 giờ
3	Giải quyết hồ sơ + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	04 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	36 giờ	58 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			96 giờ (kho của tổ chức được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính)	96 giờ (kho của tổ chức được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)
	hợp lệ: xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế, có văn bản trả lời.	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	04 giờ
4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ	04 giờ
5	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ	02 giờ
6	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
7	Thẩm định hồ sơ	Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	16 giờ	06 giờ
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
10	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	08 giờ	04 giờ
11	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Sở Công Thương (qua Bộ phận TN và TKQ của Sở)	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
12	Chuyển kết quả đến Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	02 giờ	02 giờ
13	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Không tính thời gian	Không tính thời gian

Mẫu 11b. Văn bản đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất

TÊN TỔ CHỨC ⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽²⁾

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

**Cấp lại/cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện
hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất**

Kính gửi:.....⁽³⁾.....

Tên tổ chức:..... ⁽¹⁾

Địa chỉ trụ sở chính:, Điện thoại:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:... do..... cấp ngày... tháng... năm...

Đại diện pháp luật:

Người được ủy quyền:

Loại hình: Sản xuất ☒ Kinh doanh ☒ Tồn trữ ☒

....⁽¹⁾ đã được⁽³⁾ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất số.... ngày.... tháng.... năm

Đề nghị ...⁽³⁾..... xem xét, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....⁽⁴⁾ hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với kho chứa hóa chất cụ thể như sau:

- Lý do đề nghị cấp lại/cấp điều chỉnh:

- Thông tin đề nghị cấp lại/cấp điều chỉnh:

.....⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất số 69/2025/QH15, Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa, Thông tư số /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số /2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa và các quy định pháp luật khác có liên quan. Nếu vi phạm..... ⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.... ⁽¹⁾ gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm:.....

**ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT/NGƯỜI ĐƯỢC
ỦY QUYỀN**

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú: - (1): Tên tổ chức đề nghị cấp lại/cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất;

- (2): Ký hiệu số văn bản.

- (3): Cơ quan có thẩm quyền cấp lại/cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất.

Mẫu 11c. Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất

Điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất 1. Lưu Giấy phép tại trụ sở chính và xuất trình Giấy phép khi được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu. 2. Không được tẩy xóa, sửa chữa nội dung trong Giấy phép. 3. Không được chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn, cầm cố Giấy phép. 4. Báo cáo⁽¹⁾ khi có sự thay đổi điều kiện của đơn vị được cấp Giấy chứng nhận (Đăng ký kinh doanh, mã số thuế, địa điểm, quy mô...). 5. Báo cáo⁽²⁾ khi chấm dứt hoạt động. 7. Chỉ được phép hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất với quy mô tồn trữ, diện tích tồn trữ đã được cấp giấy chứng nhận. 7. Nộp lại Giấy phép tại cơ quan cấp Giấy phép khi hết hạn sử dụng.	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----  ⁽¹⁾ GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ TỒN TRỮ HÓA CHẤT Số: /GCN-⁽²⁾ Ngày tháng năm
--	---

TÊN CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN⁽¹⁾ ----- Số:...../GP-⁽²⁾ Hà Nội, ngày... tháng... năm... GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ TỒN TRỮ HÓA CHẤT THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP⁽³⁾ <i>Căn cứ Luật Hóa chất ngày 14 tháng 6 năm 2025; Căn cứ Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; Căn cứ⁽⁴⁾;</i> <i>Xét Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất của...; Theo đề nghị của.....⁽⁵⁾.</i> QUYẾT ĐỊNH: Điều 1. Cho phép:⁽⁵⁾; 1. Địa chỉ trụ sở chính:Điện thoại:.....;	Được phép hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất với chủng loại, quy mô cụ thể như sau: <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <thead> <tr> <th rowspan="2">STT</th> <th rowspan="2">tên thương mại</th> <th colspan="4">Thông tin hóa chất/thành phần</th> <th rowspan="2">Khối lượng tồn trữ theo năm</th> </tr> <tr> <th>Tên hóa chất</th> <th>Mã số CAS</th> <th>Công thức hóa học</th> <th>Hàm lượng (%)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>n</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> Điều 2. ⁽⁴⁾..... phải thực hiện đúng các quy định tại các văn bản sau đây: - Luật Hóa chất số 69/2025/QH15; - Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; - Các quy định khác có liên quan. Nếu có sự thay đổi tình trạng pháp lý về tổ chức, quy mô, điều kiện kho bãi,⁽⁵⁾ có nghĩa vụ báo cáo với.....⁽¹⁾ Điều 3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và có giá trị đến ngày.....⁽⁶⁾	STT	tên thương mại	Thông tin hóa chất/thành phần				Khối lượng tồn trữ theo năm	Tên hóa chất	Mã số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%)	1							2							n						
STT	tên thương mại			Thông tin hóa chất/thành phần					Khối lượng tồn trữ theo năm																								
		Tên hóa chất	Mã số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%)																												
1																																	
2																																	
n																																	

2. Địa chỉ kho tồn trữ hóa chất:..... 3. Diện tích kho tồn trữ hóa chất :..... 4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:... do..... cấp ngày... tháng... năm.. 5. Mã số doanh nghiệp/thuế:.....	Nơi nhận: - Như Điều 1; - Bộ Công Thương (Cục Hóa chất)⁽⁷⁾; - UBND cấp tỉnh⁽⁸⁾; - Lưu:.....; THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP (3) <i>(Ký tên và đóng dấu)</i>
---	--

Ghi chú:

- (1): Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất;
- (2): Ký hiệu văn bản Giấy phép;
- (3): Chức danh người có thẩm quyền cấp Giấy phép;
- (4): Căn cứ pháp lý khác liên quan (nếu có);
- (5): Thông tin chức danh cơ quan thụ lý hồ sơ cấp Giấy phép;
- (6): Ghi cụ thể thời hạn giấy phép. Trường hợp cấp lại/cấp điều chỉnh, giấy phép cũ phải được thay thế, ghi cụ thể Giấy phép này thay thế Giấy phép số.... ngày...tháng...năm.... ;
- (7): Gửi Cục Hóa chất - Bộ Công Thương trong trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ do UBND cấp tỉnh cấp.

16. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện - 1.014721

(1) Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện lập 01 bộ hồ sơ gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Công Thương nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Sở Công Thương nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ thông báo để tổ chức bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không được tính vào thời gian cấp Giấy chứng nhận quy định tại điểm c, điểm d khoản này;

c) Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính, trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP, Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm gửi bản sao hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận của tổ chức để lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất. Trong thời hạn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản sao hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất trên địa bàn quản lý và có ý kiến bằng văn bản về việc đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Nghị định số 26/2026/NĐ-CP;

Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất về việc đã đáp ứng đủ điều kiện, đồng thời gửi cho các đơn vị liên quan để phối hợp quản lý. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

d) Trường hợp tổ chức thuê dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đặt tại địa phương đặt trụ sở chính, Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân

cấp tỉnh xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra hợp đồng sử dụng dịch vụ tồn trữ, đánh giá sự phù hợp về quy mô, chủng loại, vị trí lưu chứa hóa chất để cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh;

Trường hợp tổ chức thuê dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm gửi bản sao hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận của tổ chức để lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức thuê dịch vụ tồn trữ. Trong thời hạn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản sao hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc nơi thuê dịch vụ tồn trữ có trách nhiệm kiểm tra hợp đồng sử dụng dịch vụ tồn trữ, đánh giá sự phù hợp về quy mô, chủng loại, điều kiện kho chứa hóa chất và có ý kiến bằng văn bản về việc đáp ứng điều kiện;

đ) Sau khi cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gửi bản sao Giấy chứng nhận đến Bộ Công Thương (Cục Hóa chất) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất để phối hợp theo dõi, quản lý;

e) Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:
 - + Quầy số 13 - số điện thoại 0273.3993889, Sở Công Thương tại địa chỉ số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp.
 - + Quầy số 14 - số điện thoại 02773.898958, lĩnh vực Công Thương tại địa chỉ số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công các xã, phường.
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn

(3) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công.
- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

(4) Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

4.1. Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện;

b) Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng nhà xưởng, kho chứa, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí nhà xưởng, kho tàng, khu vực chứa hóa chất, diện tích và đường vào nhà xưởng, khu vực sản xuất và kho hóa chất; Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng nhà xưởng, kho chứa hoặc Hợp đồng thuê kho đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất;

c) Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng (theo quy định của pháp luật về xây dựng);

d) Bản thuyết minh quy trình công nghệ, thao tác an toàn trong sản xuất hóa chất có điều kiện;

đ) Bản sao Quyết định phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của cơ quan có thẩm quyền hoặc Quyết định ban hành Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của cơ sở sản xuất hóa chất;

e) Bản sao Bằng đại học trở lên chuyên ngành hóa học của người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở sản xuất;

g) Bản sao Quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân theo quy định tại Điều 32 của Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;

h) Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất có điều kiện đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất.

4.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

(5) Thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(6) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức sản xuất hóa chất có điều kiện.

(7) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

(8) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện.

(9) Phí, lệ phí: Tổ chức thực hiện nộp phí thẩm định theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện theo mẫu 10 a Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT.

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện theo mẫu 10c Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

1. Tổ chức sản xuất hóa chất có điều kiện là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Nhà xưởng, kho chứa sản xuất hóa chất phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP;

b) Phải có quy trình thao tác an toàn. Quy trình phải được niêm yết tại khu vực sản xuất hóa chất có điều kiện.

3. Công nghệ, đáp ứng quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

4. Tồn trữ, bảo quản hóa chất

a) Hóa chất có điều kiện phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

5. Năng lực chuyên môn

a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở sản xuất phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành hóa học;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

6. Tuân thủ yêu cầu đối với hoạt động sản xuất hóa chất quy định tại Điều 25, 26, 27, 28, 29 của Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

(12) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hóa chất số 69/2025/QH15.

- Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa (khoản 1, Điều 9).

- Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.

- Quyết định số 87/QĐ-BCT ngày 18 tháng 01 năm 2026 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung và thủ tục hành chính hủy bỏ, bãi bỏ trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hóa: tại mục (4)

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hóa: tại mục (8)

(15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử TTHC:

a) Thời hạn giải quyết:

- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính

- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính

b) Quy trình nội bộ và điện tử:

- 96 giờ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính

- 96 giờ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			96 giờ (cơ sở được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính)	96 giờ (cơ sở được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp (trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến)	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương (tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh)	04 giờ	04 giờ
2	Giải quyết hồ sơ + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế, có văn bản trả lời.	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	04 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	38 giờ	60 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	04 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ	04 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			96 giờ (cơ sở được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính)	96 giờ (cơ sở được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)
4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
6	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	16 giờ	06 giờ
7	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
9	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	08 giờ	04 giờ
10	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Bộ phận TN và TKQ của Sở Công Thương	Văn thư và Bộ phận TN và TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
11	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	Không tính thời gian	Không tính thời gian

- Trường hợp nhận hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			96 giờ (cơ sở được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính)	96 giờ (cơ sở được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức chuyển đến Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương (TT PVHCC tỉnh)	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	02 giờ	02 giờ
2	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp thuộc Sở Công Thương	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	02 giờ	02 giờ
3	Giải quyết hồ sơ + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế, có văn bản trả lời.	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	04 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	36 giờ	58 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	04 giờ
4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ	04 giờ
5	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ	02 giờ
6	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
7	Thẩm định hồ sơ	Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	16 giờ	06 giờ
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			96 giờ (cơ sở được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính)	96 giờ (cơ sở được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)
10	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	08 giờ	04 giờ
11	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Sở Công Thương (qua Bộ phận TN và TKQ của Sở)	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
12	Chuyển kết quả đến Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	02 giờ	02 giờ
13	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Không tính thời gian	Không tính thời gian

Mẫu 10a. Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện

TÊN TỔ CHỨC ⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....⁽²⁾

....., ngày.... tháng.... năm.....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ...⁽³⁾...hóa chất có điều kiện

Kính gửi:⁽⁴⁾.....

Tên tổ chức:.....⁽¹⁾

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại:

Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số..... do.....cấp ngày.... tháng.... năm....

Người đại diện pháp luật:.....chức vụ:

Người được ủy quyền ký văn bản đề nghị:....., số Ủy quyền:.....

Đề nghị.....⁽⁴⁾..... xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện⁽³⁾ hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện, gồm:

1. Sản xuất (*)

a. Địa điểm cơ sở sản xuất:

b. Thông tin hóa chất đăng ký sản xuất.

STT	Tên thương mại	Thông tin thành phần				Ghi chú
		Tên hóa chất	Mã CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%)	
1						
n						

2. Hóa chất kinh doanh():**

a) Địa điểm cơ sở kinh doanh, lưu trữ hóa chất:

b) Thông tin hóa chất đăng ký kinh doanh

STT	Tên thương mại	Thông tin thành phần				Ghi chú
		Tên hóa chất	Mã CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%)	
1						
n						

.....⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất số 69/2025/QH15, Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa, Thông tư số /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số /2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số

điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa và các quy định pháp luật khác có liên quan. Nếu vi phạm⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

.....⁽¹⁾ gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm.....

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên tổ chức đăng ký cấp giấy chứng nhận sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện;
- (2): Ký hiệu số văn bản của tổ chức đăng ký cấp giấy chứng nhận sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện;
- (3): Loại thủ tục sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện;
- (4): Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện;
- (*) và (**): Tùy theo loại thủ tục cấp giấy chứng nhận sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện tại đơn đăng ký đề hoàn thành tương ứng.

Mẫu 10c. Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện**TÊN CƠ QUAN CẤP GCN ⁽¹⁾**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:../GCN-.....⁽²⁾

....., ngày.... tháng.... năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN**Đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh có điều kiện⁽¹⁾(cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh)***Căn cứ Luật Hóa chất số 69/2025/QH15;**Căn cứ Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;**Căn cứ Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;**Căn cứ⁽³⁾;**Xét hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất/kinh doanh/sản xuất và kinh doanh hóa chất có điều kiện của⁽⁴⁾;**Theo đề nghị của***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất/kinh doanh/sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện cho⁽⁴⁾

1. Địa chỉ trụ sở chính:

2. Điện thoại:

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số..... do.....cấp ngày.... tháng.... năm....

Người đại diện pháp luật:.....chức vụ:.....

Đủ điều kiện để sản xuất hóa chất có điều kiện, kinh doanh hóa chất có điều kiện với các nội dung sau đây:

a. Sản xuất

- Địa điểm cơ sở sản xuất:.....,

- Thông tin hóa chất đăng ký sản xuất.....

STT	Tên thương mại	Thông tin thành phần				Ghi chú
		Tên hóa chất	Mã CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng	
1						
n						

b. Kinh doanh hóa chất

-. Địa điểm cơ sở kinh doanh, lưu trữ hóa chất:

- Thông tin hóa chất đăng ký kinh doanh

STT	Tên hóa chất	Mã CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%)	Ghi chú
1					
n					

Điều 2:⁽⁴⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất số 69/2025/QH15, Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Giấy chứng nhận này có giá trị kể từ ngày⁽⁵⁾.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN (6)

Nơi nhận:

(Ký tên và đóng dấu)

- Như Điều 2;
- Cục Hóa chất (Bộ Công Thương);
- UBND tỉnh, thành phố...⁽⁷⁾;
- Lưu: VT,

Ghi chú:

- (1): Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện;
- (2): Ký hiệu viết tắt của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện;
- (3): Văn bản ý kiến trả lời của UBND cấp tỉnh trong trường hợp lấy ý kiến;
- (4): Tên tổ chức, được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện;
- (5): Ghi cụ thể thời hạn giấy phép. Trường hợp cấp lại/cấp điều chỉnh, giấy phép cũ phải được thay thế, ghi cụ thể Giấy phép này thay thế Giấy phép số.... ngày...tháng...năm.... ;
- (6): Chức danh người có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện;
- (7): Sau khi cấp phép, cơ quan có thẩm quyền cấp phép gửi bản sao Giấy phép đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất để phối hợp theo dõi, quản lý.

17. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện - 1.014720

(1) Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện lập 01 bộ hồ sơ gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Công Thương nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Sở Công Thương nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ thông báo để tổ chức bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không được tính vào thời gian cấp Giấy chứng nhận quy định tại điểm c, điểm d khoản này;

c) Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính, trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP, Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm gửi bản sao hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận của tổ chức để lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất. Trong thời hạn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản sao hồ sơ, Sở Công Thương nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Sở Công Thương nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất trên địa bàn quản lý và có ý kiến bằng văn bản về việc đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Nghị định số 26/2026/NĐ-CP;

Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất về việc đã đáp ứng đủ điều kiện, đồng thời gửi cho các đơn vị liên quan để phối hợp quản lý. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

d) Trường hợp tổ chức thuê dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đặt tại địa phương đặt trụ sở chính, Sở Công Thương xem xét, thẩm định

hồ sơ, kiểm tra hợp đồng sử dụng dịch vụ tồn trữ, đánh giá sự phù hợp về quy mô, chủng loại, vị trí lưu chứa hóa chất để cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh;

Trường hợp tổ chức thuê dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm gửi bản sao hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận của tổ chức để lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức thuê dịch vụ tồn trữ. Trong thời hạn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản sao hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc nơi thuê dịch vụ tồn trữ có trách nhiệm kiểm tra hợp đồng sử dụng dịch vụ tồn trữ, đánh giá sự phù hợp về quy mô, chủng loại, điều kiện kho chứa hóa chất và có ý kiến bằng văn bản về việc đáp ứng điều kiện;

đ) Sau khi cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gửi bản sao Giấy chứng nhận đến Bộ Công Thương (Cục Hóa chất) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất để phối hợp theo dõi, quản lý;

e) Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:
 - + Quầy số 13 - số điện thoại 0273.3993889, Sở Công Thương tại địa chỉ số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp.
 - + Quầy số 14 - số điện thoại 02773.898958, lĩnh vực Công Thương tại địa chỉ số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công các xã, phường.
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn

(3) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công.
- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

(4) Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

4.1. Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện;

b) Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng của kho chứa hóa chất, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí kho tàng, khu vực chứa hóa chất, diện tích và đường vào khu vực kho hóa chất; Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng kho chứa hoặc Hợp đồng sử dụng dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất;

c) Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng (theo quy định của pháp luật về xây dựng);

d) Bản sao Quyết định phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của cơ quan có thẩm quyền hoặc Quyết định ban hành Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của kho chứa hóa chất;

đ) Bản sao Bảng trung cấp trở lên chuyên ngành hóa học của người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh;

e) Bản sao Quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân theo quy định tại Điều 32 của Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;

g) Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất có điều kiện đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

4.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

(5) Thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(6) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức kinh doanh hóa chất có điều kiện.

(7) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

(8) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện.

(9) Phí, lệ phí: Tổ chức thực hiện nộp phí thẩm định theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện theo mẫu 10a Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT.

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện theo mẫu 10c Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

1. Tổ chức kinh doanh hóa chất có điều kiện là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Thuê kho của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất phù hợp với quy mô, loại hóa chất của tổ chức thực hiện kinh doanh hoặc có kho tồn trữ hóa chất phải đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

3. Tồn trữ, bảo quản hóa chất

a) Hóa chất có điều kiện phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

4. Năng lực chuyên môn

a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh phải có bằng trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa học;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

5. Tuân thủ yêu cầu đối với hoạt động kinh doanh hóa chất quy định tại Điều 25, 26, 27, 29 của Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

(12) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hóa chất số 69/2025/QH15.

- Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa (khoản 2, Điều 9).

- Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.

- Quyết định số 87/QĐ-BCT ngày 18 tháng 01 năm 2026 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung và thủ tục hành chính hủy bỏ, bãi bỏ trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hóa: tại mục (4)

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hóa: tại mục (8)

(15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử TTHC:

a) Thời hạn giải quyết:

- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính.

- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.

b) Quy trình nội bộ và điện tử:

- 96 giờ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính

- 96 giờ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			96 giờ (cơ sở được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính)	96 giờ (cơ sở được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp (trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến)	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương (tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh)	04 giờ	04 giờ
2	Giải quyết hồ sơ + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế, có văn bản trả lời.	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	04 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	38 giờ	60 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	04 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ	04 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			96 giờ (cơ sở được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính)	96 giờ (cơ sở được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)
6	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	16 giờ	06 giờ
7	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
9	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	08 giờ	04 giờ
10	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Bộ phận TN và TKQ của Sở Công Thương	Văn thư và Bộ phận TN và TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
11	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	Không tính thời gian	Không tính thời gian

- Trường hợp nhận hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			96 giờ (cơ sở được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính)	96 giờ (cơ sở được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức chuyển đến Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương (TT PVHCC tỉnh)	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	02 giờ	02 giờ
2	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp thuộc Sở Công Thương	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	02 giờ	02 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			96 giờ (cơ sở được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính)	96 giờ (cơ sở được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)
3	Giải quyết hồ sơ + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế, có văn bản trả lời.	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	04 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	36 giờ	58 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	04 giờ
4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ	04 giờ
5	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ	02 giờ
6	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
7	Thẩm định hồ sơ	Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	16 giờ	06 giờ
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
10	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	08 giờ	04 giờ
11	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Sở Công Thương (qua Bộ phận TN và TKQ của Sở)	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
12	Chuyển kết quả đến Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	02 giờ	02 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			96 giờ (cơ sở được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính)	96 giờ (cơ sở được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)
13	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Không tính thời gian	Không tính thời gian

Mẫu 10a. Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện

TÊN TỔ CHỨC ⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....⁽²⁾

....., ngày.... tháng.... năm.....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ...⁽³⁾...hóa chất có điều kiện

Kính gửi:⁽⁴⁾.....

Tên tổ chức:..... ⁽¹⁾

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại:

Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số..... do.....cấp ngày.... tháng.... năm....

Người đại diện pháp luật:.....chức vụ:

Người được ủy quyền ký văn bản đề nghị:....., số Ủy quyền:.....

Đề nghị.....⁽⁴⁾..... xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện⁽³⁾ hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện, gồm:

1. Sản xuất (*)

a. Địa điểm cơ sở sản xuất:

b. Thông tin hóa chất đăng ký sản xuất.

STT	Tên thương mại	Thông tin thành phần				Ghi chú
		Tên hóa chất	Mã CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%)	
1						
n						

2. Hóa chất kinh doanh():**

a) Địa điểm cơ sở kinh doanh, lưu trữ hóa chất:

b) Thông tin hóa chất đăng ký kinh doanh

STT	Tên thương mại	Thông tin thành phần				Ghi chú
		Tên hóa chất	Mã CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%)	
1						
n						

.....⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất số 69/2025/QH15, Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa, Thông tư số /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số /2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số

điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa và các quy định pháp luật khác có liên quan. Nếu vi phạm⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

.....⁽¹⁾ gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm.....

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên tổ chức đăng ký cấp giấy chứng nhận sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện;
- (2): Ký hiệu số văn bản của tổ chức đăng ký cấp giấy chứng nhận sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện;
- (3): Loại thủ tục sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện;
- (4): Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện;
- (*) và (**): Tùy theo loại thủ tục cấp giấy chứng nhận sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện tại đơn đăng ký đề hoàn thành tương ứng.

Mẫu 10c. Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện**TÊN CƠ QUAN CẤP GCN ⁽¹⁾**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:../GCN-.....⁽²⁾

....., ngày.... tháng.... năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN**Đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh có điều kiện⁽¹⁾(cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh)***Căn cứ Luật Hóa chất số 69/2025/QH15;**Căn cứ Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;**Căn cứ Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;**Căn cứ⁽³⁾;**Xét hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất/kinh doanh/sản xuất và kinh doanh hóa chất có điều kiện của⁽⁴⁾;**Theo đề nghị của***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất/kinh doanh/sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện cho⁽⁴⁾

1. Địa chỉ trụ sở chính:

2. Điện thoại:

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số..... do.....cấp ngày.... tháng.... năm....

Người đại diện pháp luật:.....chức vụ:.....

Đủ điều kiện để sản xuất hóa chất có điều kiện, kinh doanh hóa chất có điều kiện với các nội dung sau đây:

a. Sản xuất

- Địa điểm cơ sở sản xuất:.....,

- Thông tin hóa chất đăng ký sản xuất.....

STT	Tên thương mại	Thông tin thành phần				Ghi chú
		Tên hóa chất	Mã CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng	
1						
n						

b. Kinh doanh hóa chất

-. Địa điểm cơ sở kinh doanh, lưu trữ hóa chất:

- Thông tin hóa chất đăng ký kinh doanh

STT	Tên hóa chất	Mã CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%)	Ghi chú
1					
n					

Điều 2:⁽⁴⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất số 69/2025/QH15, Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Giấy chứng nhận này có giá trị kể từ ngày⁽⁵⁾.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN (6)

Nơi nhận:

(Ký tên và đóng dấu)

- Như Điều 2;
- Cục Hóa chất (Bộ Công Thương);
- UBND tỉnh, thành phố...⁽⁷⁾;
- Lưu: VT,

Ghi chú:

- (1): Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện;
- (2): Ký hiệu viết tắt của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện;
- (3): Văn bản ý kiến trả lời của UBND cấp tỉnh trong trường hợp lấy ý kiến;
- (4): Tên tổ chức, được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện;
- (5): Ghi cụ thể thời hạn giấy phép. Trường hợp cấp lại/cấp điều chỉnh, giấy phép cũ phải được thay thế, ghi cụ thể Giấy phép này thay thế Giấy phép số.... ngày...tháng...năm.... ;
- (6): Chức danh người có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện;
- (7): Sau khi cấp phép, cơ quan có thẩm quyền cấp phép gửi bản sao Giấy phép đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất để phối hợp theo dõi, quản lý.

18. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất có điều kiện - 1.014714

(1) Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện lập 01 bộ hồ sơ gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Công Thương nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Sở Công Thương nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ thông báo để tổ chức bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không được tính vào thời gian cấp Giấy chứng nhận quy định tại điểm c, điểm d khoản này;

c) Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính, trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP, Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm gửi bản sao hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận của tổ chức để lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất. Trong thời hạn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản sao hồ sơ, Sở Công Thương nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Sở Công Thương nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất trên địa bàn quản lý và có ý kiến bằng văn bản về việc đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Nghị định số 26/2026/NĐ-CP;

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất về việc đã đáp ứng đủ điều kiện, đồng thời gửi cho các đơn vị liên quan để phối hợp quản lý. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

d) Trường hợp tổ chức thuê dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đặt tại địa phương đặt trụ sở chính, Sở Công Thương xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra hợp đồng sử dụng dịch vụ tồn trữ, đánh giá sự phù hợp về quy mô,

chủng loại, vị trí lưu chứa hóa chất để cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh;

Trường hợp tổ chức thuê dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm gửi bản sao hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận của tổ chức để lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức thuê dịch vụ tồn trữ. Trong thời hạn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản sao hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc nơi thuê dịch vụ tồn trữ có trách nhiệm kiểm tra hợp đồng sử dụng dịch vụ tồn trữ, đánh giá sự phù hợp về quy mô, chủng loại, điều kiện kho chứa hóa chất và có ý kiến bằng văn bản về việc đáp ứng điều kiện;

đ) Sau khi cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gửi bản sao Giấy chứng nhận đến Bộ Công Thương (Cục Hóa chất) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất để phối hợp theo dõi, quản lý;

e) Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:
 - + Quầy số 13 - số điện thoại 0273.3993889, Sở Công Thương tại địa chỉ số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp.
 - + Quầy số 14 - số điện thoại 02773.898958, lĩnh vực Công Thương tại địa chỉ số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công các xã, phường.
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn

(3) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công.
- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

(4) Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

4.1. Thành phần hồ sơ:

- a) Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh

hóa chất có điều kiện;

b) Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng từng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí nhà xưởng, kho chứa, khu vực chứa hóa chất, diện tích và đường vào nhà xưởng, khu vực sản xuất, kho chứa hóa chất; Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất hoặc Hợp đồng sử dụng dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất;

c) Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng (theo quy định của pháp luật về xây dựng);

d) Bản thuyết minh quy trình công nghệ, thao tác an toàn trong sản xuất hóa chất có điều kiện;

đ) Bản sao Quyết định phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của cơ quan có thẩm quyền hoặc Quyết định ban hành Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của cơ sở sản xuất và kinh doanh hóa chất;

e) Bản sao Bằng đại học trở lên chuyên ngành hóa học của người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở sản xuất và kinh doanh;

g) Bản sao Quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân theo quy định tại Điều 32 của Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;

h) Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất có điều kiện đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh.

4.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

(5) Thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(6) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức sản xuất và kinh doanh hóa chất có điều kiện.

(7) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương.
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

(8) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất có điều kiện.

(9) Phí, lệ phí: Tổ chức thực hiện nộp phí thẩm định theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất có điều kiện theo mẫu 10a Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số

01/2026/TT-BCT.

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện theo mẫu 10c Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

*** Điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện**

1. Tổ chức sản xuất hóa chất có điều kiện là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Nhà xưởng, kho chứa sản xuất hóa chất phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP;

b) Phải có quy trình thao tác an toàn. Quy trình phải được niêm yết tại khu vực sản xuất hóa chất có điều kiện.

3. Công nghệ, đáp ứng quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

4. Tồn trữ, bảo quản hóa chất

a) Hóa chất có điều kiện phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

5. Năng lực chuyên môn

a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở sản xuất phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành hóa học;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

6. Tuân thủ yêu cầu đối với hoạt động sản xuất hóa chất quy định tại Điều 25, 26, 27, 28, 29 của Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

*** Điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện**

1. Tổ chức kinh doanh hóa chất có điều kiện là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Thuê kho của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất phù hợp với quy mô, loại hóa chất của tổ chức thực hiện kinh doanh hoặc có kho tồn trữ hóa chất phải đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

3. Tồn trữ, bảo quản hóa chất

a) Hóa chất có điều kiện phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng

loại hóa chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

4. Năng lực chuyên môn

a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh phải có bằng trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa học;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

5. Tuân thủ yêu cầu đối với hoạt động kinh doanh hóa chất quy định tại Điều 25, 26, 27, 29 của Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

(12) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hóa chất số 69/2025/QH15.

- Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa (khoản 3, Điều 9);

- Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.

- Quyết định số 87/QĐ-BCT ngày 18 tháng 01 năm 2026 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung và thủ tục hành chính hủy bỏ, bãi bỏ trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hóa: tại mục (4)

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hóa: tại mục (8)

(15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử TTHC:

a) Thời hạn giải quyết:

- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính.

- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.

b) Quy trình nội bộ và điện tử:

- 96 giờ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức

được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính

- 96 giờ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			96 giờ (cơ sở được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính)	96 giờ (cơ sở được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp (trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến)	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương (tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh)	04 giờ	04 giờ
2	Giải quyết hồ sơ + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế, có văn bản trả lời.	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	04 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	38 giờ	60 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	04 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ	04 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
6	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	16 giờ	06 giờ
7	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			96 giờ (cơ sở được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính)	96 giờ (cơ sở được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
9	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	08 giờ	04 giờ
10	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Bộ phận TN và TKQ của Sở Công Thương	Văn thư và Bộ phận TN và TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
11	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	Không tính thời gian	Không tính thời gian

- Trường hợp nhận hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			96 giờ (cơ sở được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính)	96 giờ (cơ sở được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức chuyển đến Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương (TT PVHCC tỉnh)	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	02 giờ	02 giờ
2	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp thuộc Sở Công Thương	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	02 giờ	02 giờ
3	Giải quyết hồ sơ + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	04 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	36 giờ	58 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			96 giờ (cơ sở được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính)	96 giờ (cơ sở được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)
	hợp lệ: xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế, có văn bản trả lời.	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	04 giờ
4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ	04 giờ
5	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ	02 giờ
6	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
7	Thẩm định hồ sơ	Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	16 giờ	06 giờ
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
10	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	08 giờ	04 giờ
11	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Sở Công Thương (qua Bộ phận TN và TKQ của Sở)	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
12	Chuyển kết quả đến Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	02 giờ	02 giờ
13	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Không tính thời gian	Không tính thời gian

Mẫu 10a. Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện

TÊN TỔ CHỨC ⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....⁽²⁾

....., ngày.... tháng.... năm.....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ...⁽³⁾...hóa chất có điều kiện

Kính gửi:⁽⁴⁾.....

Tên tổ chức:.....⁽¹⁾

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại:

Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số..... do.....cấp ngày.... tháng.... năm....

Người đại diện pháp luật:.....chức vụ:

Người được ủy quyền ký văn bản đề nghị:....., số Ủy quyền:.....

Đề nghị.....⁽⁴⁾..... xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện⁽³⁾ hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện, gồm:

1. Sản xuất (*)

a. Địa điểm cơ sở sản xuất:

b. Thông tin hóa chất đăng ký sản xuất.

STT	Tên thương mại	Thông tin thành phần				Ghi chú
		Tên hóa chất	Mã CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%)	
1						
n						

2. Hóa chất kinh doanh():**

a) Địa điểm cơ sở kinh doanh, lưu trữ hóa chất:

b) Thông tin hóa chất đăng ký kinh doanh

STT	Tên thương mại	Thông tin thành phần				Ghi chú
		Tên hóa chất	Mã CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%)	
1						
n						

.....⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất số 69/2025/QH15, Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa, Thông tư số /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số /2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số

điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa và các quy định pháp luật khác có liên quan. Nếu vi phạm⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

.....⁽¹⁾ gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm.....

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên tổ chức đăng ký cấp giấy chứng nhận sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện;
- (2): Ký hiệu số văn bản của tổ chức đăng ký cấp giấy chứng nhận sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện;
- (3): Loại thủ tục sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện;
- (4): Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện;
- (*) và (**): Tùy theo loại thủ tục cấp giấy chứng nhận sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện tại đơn đăng ký đề hoàn thành tương ứng.

Mẫu 10c. Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện**TÊN CƠ QUAN CẤP GCN ⁽¹⁾**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:../GCN-.....⁽²⁾

....., ngày.... tháng.... năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN**Đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh có điều kiện⁽¹⁾(cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh)***Căn cứ Luật Hóa chất số 69/2025/QH15;**Căn cứ Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;**Căn cứ Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;**Căn cứ⁽³⁾;**Xét hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất/kinh doanh/sản xuất và kinh doanh hóa chất có điều kiện của⁽⁴⁾;**Theo đề nghị của***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất/kinh doanh/sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện cho⁽⁴⁾

1. Địa chỉ trụ sở chính:

2. Điện thoại:

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số..... do.....cấp ngày.... tháng.... năm....

Người đại diện pháp luật:.....chức vụ:.....

Đủ điều kiện để sản xuất hóa chất có điều kiện, kinh doanh hóa chất có điều kiện với các nội dung sau đây:

a. Sản xuất

- Địa điểm cơ sở sản xuất:.....,

- Thông tin hóa chất đăng ký sản xuất.....

STT	Tên thương mại	Thông tin thành phần				Ghi chú
		Tên hóa chất	Mã CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng	
1						
n						

b. Kinh doanh hóa chất

-. Địa điểm cơ sở kinh doanh, lưu trữ hóa chất:

- Thông tin hóa chất đăng ký kinh doanh

STT	Tên hóa chất	Mã CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%)	Ghi chú
1					
n					

Điều 2:⁽⁴⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất số 69/2025/QH15, Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Giấy chứng nhận này có giá trị kể từ ngày⁽⁵⁾.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN (6)

(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cục Hóa chất (Bộ Công Thương);
- UBND tỉnh, thành phố...⁽⁷⁾;
- Lưu: VT,

Ghi chú:

- (1): Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện;
- (2): Ký hiệu viết tắt của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện;
- (3): Văn bản ý kiến trả lời của UBND cấp tỉnh trong trường hợp lấy ý kiến;
- (4): Tên tổ chức, được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện;
- (5): Ghi cụ thể thời hạn giấy phép. Trường hợp cấp lại/cấp điều chỉnh, giấy phép cũ phải được thay thế, ghi cụ thể Giấy phép này thay thế Giấy phép số.... ngày...tháng...năm.... ;
- (6): Chức danh người có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện;
- (7): Sau khi cấp phép, cơ quan có thẩm quyền cấp phép gửi bản sao Giấy phép đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất để phối hợp theo dõi, quản lý.

19. cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện - 2.002834

(1) Trình tự thực hiện:

a) Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận và gửi Sở Công Thương qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm tra, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức đồng thời gửi cho các đơn vị liên quan. Trường hợp không cấp lại Giấy chứng nhận, cơ quan cấp Giấy chứng nhận phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:
 - + Quầy số 13 - số điện thoại 0273.3993889, Sở Công Thương tại địa chỉ số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp.
 - + Quầy số 14 - số điện thoại 02773.898958, lĩnh vực Công Thương tại địa chỉ số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công các xã, phường.
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công.
- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

(4) Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận;
- Giấy tờ, tài liệu chứng minh trong trường hợp thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

(5) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(6) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện

(7) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương.
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

(8) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện.

(9) Phí, lệ phí: Tổ chức thực hiện nộp phí thẩm định theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất có điều kiện theo mẫu 10 b Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT.

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện theo mẫu 10c Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

* Điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện

1. Tổ chức sản xuất hóa chất có điều kiện là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Nhà xưởng, kho chứa sản xuất hóa chất phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP;

b) Phải có quy trình thao tác an toàn. Quy trình phải được niêm yết tại khu vực sản xuất hóa chất có điều kiện.

3. Công nghệ, đáp ứng quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

4. Tồn trữ, bảo quản hóa chất

a) Hóa chất có điều kiện phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

5. Năng lực chuyên môn

a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở sản xuất phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành hóa học;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

6. Tuân thủ yêu cầu đối với hoạt động sản xuất hóa chất quy định tại Điều 25, 26, 27, 28, 29 của Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ

chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

* Điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện

1. Tổ chức kinh doanh hóa chất có điều kiện là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Thuê kho của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất phù hợp với quy mô, loại hóa chất của tổ chức thực hiện kinh doanh hoặc có kho tồn trữ hóa chất phải đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

3. Tồn trữ, bảo quản hóa chất

a) Hóa chất có điều kiện phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

4. Năng lực chuyên môn

a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh phải có bằng trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa học;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

5. Tuân thủ yêu cầu đối với hoạt động kinh doanh hóa chất quy định tại Điều 25, 26, 27, 29 của Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

(12) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hóa chất số 69/2025/QH15.

- Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa (Khoản 6, Điều 9).

- Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.

- Quyết định số 87/QĐ-BCT ngày 18 tháng 01 năm 2026 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung và thủ tục hành chính hủy bỏ, bãi bỏ trong lĩnh vực hóa

chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hóa:

Tất cả thành phần hồ sơ tại mục (4)

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hóa: tại mục (8)

(15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử TTHC:

a) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

b) Quy trình nội bộ và điện tử: 40 giờ.

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp (trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến)	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương (tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh)	02 giờ
2	Giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể) + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: xem xét, có văn bản trả lời (trong 05 ngày làm việc)	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	02 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	08 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	02 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
6	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	08 giờ
7	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
9	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	04 giờ
10	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Bộ phận TN và TKQ của Sở Công Thương	Văn thư và Bộ phận TN và TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
11	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	Không tính thời gian

- Trường hợp nhận hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức chuyển đến Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương (TT PVHCC tỉnh)	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	02 giờ
2	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp thuộc Sở Công Thương	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	02 giờ
3	Giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải có văn bản thông báo cụ thể, thời hạn thông báo/yêu cầu bổ sung thực hiện theo quy định của từng thủ tục, không theo thời hạn giải quyết) + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: xem xét, có văn bản trả lời (trong 05 ngày làm việc)	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp phân công chuyên viên	02 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	06 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp xem xét hồ sơ, chuyển lãnh đạo Sở	02 giờ
4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ
5	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ
6	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
7	Thẩm định hồ sơ	Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	06 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
10	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	04 giờ
11	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Sở Công Thương (qua Bộ phận TN và TKQ của Sở)	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
12	Chuyển kết quả đến Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	02 giờ
13	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Không tính thời gian

Mẫu 10b. Văn bản đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện

TÊN TỔ CHỨC ⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... ⁽²⁾

....., ngày.... tháng.... năm.....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

Cấp lại/ Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện ...⁽³⁾..hóa chất có điều kiện

Kính gửi: ... ⁽⁴⁾.....

Tên tổ chức:.....⁽¹⁾.

Địa chỉ trụ sở chính:..... Điện thoại:

Địa chỉ sản xuất, kinh doanh:..... Điện thoại:..... Fax:.....

Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số..... do cấp ngày.... tháng.... năm....

Người đại diện pháp luật:.....chức vụ:

Người được ủy quyền:

.....

Đề nghị⁽⁴⁾ xem xét cấp lại/cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện số⁽⁵⁾ ngày.... tháng.... năm.....

- Lý do đề nghị cấp lại/cấp điều chỉnh:

- Thông tin đề nghị cấp lại/cấp điều chỉnh:.....

.....⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất số 69/2025/QH15, Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa, Thông tư số /2026/TT-BCT ngày tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số /2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa và các quy định pháp luật khác có liên quan. Nếu vi phạm,⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

.....⁽¹⁾ gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm:

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: (1) Tên tổ chức đăng ký cấp lại/cấp điều chỉnh giấy chứng nhận sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện.

(2) Ký hiệu số văn bản của tổ chức đăng ký cấp lại/cấp điều chỉnh giấy chứng nhận sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện.

(3) Loại thủ tục sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện.

(4) Cơ quan có thẩm quyền cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

Mẫu 10c. Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện**TÊN CƠ QUAN CẤP GCN ⁽¹⁾**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:../GCN-.....⁽²⁾

....., ngày.... tháng.... năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN**Đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh có điều kiện⁽¹⁾(cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh)***Căn cứ Luật Hóa chất số 69/2025/QH15;**Căn cứ Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;**Căn cứ Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;**Căn cứ⁽³⁾;**Xét hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất/kinh doanh/sản xuất và kinh doanh hóa chất có điều kiện của⁽⁴⁾;**Theo đề nghị của***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất/kinh doanh/sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện cho⁽⁴⁾

1. Địa chỉ trụ sở chính:

2. Điện thoại:

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số..... do.....cấp ngày.... tháng.... năm....

Người đại diện pháp luật:.....chức vụ:.....

Đủ điều kiện để sản xuất hóa chất có điều kiện, kinh doanh hóa chất có điều kiện với các nội dung sau đây:

a. Sản xuất

- Địa điểm cơ sở sản xuất:.....,

- Thông tin hóa chất đăng ký sản xuất.....

STT	Tên thương mại	Thông tin thành phần				Ghi chú
		Tên hóa chất	Mã CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng	
1						

n						
---	--	--	--	--	--	--

b. Kinh doanh hóa chất

- Địa điểm cơ sở kinh doanh, lưu trữ hóa chất:

- Thông tin hóa chất đăng ký kinh doanh

STT	Tên hóa chất	Mã CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%)	Ghi chú
1					
n					

Điều 2:⁽⁴⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất số 69/2025/QH15, Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Giấy chứng nhận này có giá trị kể từ ngày⁽⁵⁾.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cục Hóa chất (Bộ Công Thương);
- UBND tỉnh, thành phố...⁽⁷⁾;
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN (6)

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện;
- (2): Ký hiệu viết tắt của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện;
- (3): Văn bản ý kiến trả lời của UBND cấp tỉnh trong trường hợp lấy ý kiến;
- (4): Tên tổ chức, được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện;
- (5): Ghi cụ thể thời hạn giấy phép. Trường hợp cấp lại/cấp điều chỉnh, giấy phép cũ phải được thay thế, ghi cụ thể Giấy phép này thay thế Giấy phép số.... ngày...tháng...năm.... ;
- (6): Chức danh người có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện;
- (7): Sau khi cấp phép, cơ quan có thẩm quyền cấp phép gửi bản sao Giấy phép đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất để phối hợp theo dõi, quản lý.

20. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện - 1.014710

(1) Trình tự thực hiện:

a) Trường hợp có thay đổi về địa điểm của cơ sở sản xuất, kinh doanh, tồn trữ hóa chất; chủng loại, hàm lượng hóa chất sản xuất, kinh doanh, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Sở Công Thương qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

b) Cơ quan cấp Giấy chứng nhận thẩm định các nội dung điều chỉnh và thực hiện cấp Giấy chứng nhận theo trình tự, thủ tục như cấp mới Giấy chứng nhận.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 13 - số điện thoại 0273.3993889, Sở Công Thương tại địa chỉ số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp.

+ Quầy số 14 - số điện thoại 02773.898958, lĩnh vực Công Thương tại địa chỉ số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trung tâm Phục vụ Hành chính công các xã, phường.

- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công.

- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

(4) Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

- Giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng được điều kiện sản xuất, kinh doanh đối với các nội dung điều chỉnh.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

(5) Thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(6) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện

(7) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương.
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

(8) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện.

(9) Phí, lệ phí: Tổ chức thực hiện nộp phí thẩm định theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất có điều kiện theo mẫu 10 b Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT.

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện theo mẫu 10c Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

* Điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện

1. Tổ chức sản xuất hóa chất có điều kiện là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Nhà xưởng, kho chứa sản xuất hóa chất phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP;

b) Phải có quy trình thao tác an toàn. Quy trình phải được niêm yết tại khu vực sản xuất hóa chất có điều kiện.

3. Công nghệ, đáp ứng quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

4. Tồn trữ, bảo quản hóa chất

a) Hóa chất có điều kiện phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

5. Năng lực chuyên môn

a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở sản xuất phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành hóa học;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

6. Tuân thủ yêu cầu đối với hoạt động sản xuất hóa chất quy định tại Điều 25, 26, 27, 28, 29 của Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp

hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

* Điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện

1. Tổ chức kinh doanh hóa chất có điều kiện là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Thuê kho của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất phù hợp với quy mô, loại hóa chất của tổ chức thực hiện kinh doanh hoặc có kho tồn trữ hóa chất phải đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

3. Tồn trữ, bảo quản hóa chất

a) Hóa chất có điều kiện phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

4. Năng lực chuyên môn

a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh phải có bằng trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa học;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

5. Tuân thủ yêu cầu đối với hoạt động kinh doanh hóa chất quy định tại Điều 25, 26, 27, 29 của Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

(12) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hóa chất số 69/2025/QH15.

- Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.

- Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.

- Quyết định số 87/QĐ-BCT ngày 18 tháng 01 năm 2026 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung và thủ tục hành chính hủy bỏ, bãi bỏ trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hóa: tại mục (4)

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hóa: tại mục (8)

(15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử TTHC:**a) Thời hạn giải quyết:**

- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính.

- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.

b) Quy trình nội bộ và điện tử:

- 96 giờ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính

- 96 giờ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			96 giờ (cơ sở được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính)	96 giờ (cơ sở được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp (trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến)	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương (tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh)	04 giờ	04 giờ
2	Giải quyết hồ sơ + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế, có văn bản trả lời.	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	04 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	38 giờ	60 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	04 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ	04 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			96 giờ (cơ sở được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính)	96 giờ (cơ sở được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)
	UBND tỉnh			
6	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	16 giờ	06 giờ
7	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
9	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	08 giờ	04 giờ
10	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Bộ phận TN và TKQ của Sở Công Thương	Văn thư và Bộ phận TN và TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
11	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	Không tính thời gian	Không tính thời gian

- Trường hợp nhận hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			96 giờ (cơ sở được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính)	96 giờ (cơ sở được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức chuyển đến Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương (TT PVHCC tỉnh)	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	02 giờ	02 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			96 giờ (cơ sở được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính)	96 giờ (cơ sở được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)
2	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp thuộc Sở Công Thương	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	02 giờ	02 giờ
3	Giải quyết hồ sơ + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế, có văn bản trả lời.	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	04 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	36 giờ	58 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	04 giờ
4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ	04 giờ
5	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ	02 giờ
6	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
7	Thẩm định hồ sơ	Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	16 giờ	06 giờ
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ
10	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	08 giờ	04 giờ
11	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Sở Công Thương (qua Bộ phận TN và TKQ của Sở)	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	02 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
			96 giờ (cơ sở được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính)	96 giờ (cơ sở được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)
12	Chuyển kết quả đến Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	02 giờ	02 giờ
13	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Không tính thời gian	Không tính thời gian

Mẫu 10b. Văn bản đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện

TÊN TỔ CHỨC ⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... ⁽²⁾

....., ngày.... tháng.... năm.....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

Cấp lại/ Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện ...⁽³⁾..hóa chất có điều kiện

Kính gửi: ... ⁽⁴⁾.....

Tên tổ chức:.....⁽¹⁾.

Địa chỉ trụ sở chính:..... Điện thoại:

Địa chỉ sản xuất, kinh doanh:..... Điện thoại:..... Fax:.....

Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số..... do cấp ngày.... tháng.... năm....

Người đại diện pháp luật:.....chức vụ:

Người được ủy quyền:

.....

.....

Đề nghị⁽⁴⁾ xem xét cấp lại/cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện số⁽⁵⁾ ngày.... tháng.... năm.....

- Lý do đề nghị cấp lại/cấp điều chỉnh:

- Thông tin đề nghị cấp lại/cấp điều chỉnh:

.....⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất số 69/2025/QH15, Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa, Thông tư số /2026/TT-BCT ngày tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số /2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa và các quy định pháp luật khác có liên quan. Nếu vi phạm,⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

.....⁽¹⁾ gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm:

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: (1) Tên tổ chức đăng ký cấp lại/cấp điều chỉnh giấy chứng nhận sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện.

(2) Ký hiệu số văn bản của tổ chức đăng ký cấp lại/cấp điều chỉnh giấy chứng nhận sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện.

(3) Loại thủ tục sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện.

(4) Cơ quan có thẩm quyền cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

Mẫu 10c. Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện**TÊN CƠ QUAN CẤP GCN ⁽¹⁾**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:../GCN-.....⁽²⁾

....., ngày.... tháng.... năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN**Đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh có điều kiện⁽¹⁾(cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh)***Căn cứ Luật Hóa chất số 69/2025/QH15;**Căn cứ Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;**Căn cứ Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;**Căn cứ⁽³⁾;**Xét hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất/kinh doanh/sản xuất và kinh doanh hóa chất có điều kiện của⁽⁴⁾;**Theo đề nghị của***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất/kinh doanh/sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện cho⁽⁴⁾

1. Địa chỉ trụ sở chính:

2. Điện thoại:

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số..... do.....cấp ngày.... tháng.... năm....

Người đại diện pháp luật:.....chức vụ:.....

Đủ điều kiện để sản xuất hóa chất có điều kiện, kinh doanh hóa chất có điều kiện với các nội dung sau đây:

a. Sản xuất

- Địa điểm cơ sở sản xuất:.....,

- Thông tin hóa chất đăng ký sản xuất.....

STT	Tên thương mại	Thông tin thành phần				Ghi chú
		Tên hóa chất	Mã CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng	
1						

n						
---	--	--	--	--	--	--

b. Kinh doanh hóa chất

- Địa điểm cơ sở kinh doanh, lưu trữ hóa chất:

- Thông tin hóa chất đăng ký kinh doanh

STT	Tên hóa chất	Mã CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%)	Ghi chú
1					
n					

Điều 2:⁽⁴⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất số 69/2025/QH15, Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Giấy chứng nhận này có giá trị kể từ ngày⁽⁵⁾.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cục Hóa chất (Bộ Công Thương);
- UBND tỉnh, thành phố...⁽⁷⁾;
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN (6)

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện;
- (2): Ký hiệu viết tắt của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện;
- (3): Văn bản ý kiến trả lời của UBND cấp tỉnh trong trường hợp lấy ý kiến;
- (4): Tên tổ chức, được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện;
- (5): Ghi cụ thể thời hạn giấy phép. Trường hợp cấp lại/cấp điều chỉnh, giấy phép cũ phải được thay thế, ghi cụ thể Giấy phép này thay thế Giấy phép số.... ngày...tháng...năm.... ;
- (6): Chức danh người có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện;
- (7): Sau khi cấp phép, cơ quan có thẩm quyền cấp phép gửi bản sao Giấy phép đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất để phối hợp theo dõi, quản lý.

21. Thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hoá chất - 1.003683

(1) Trình tự thực hiện:

Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất như sau:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất lập 01 bộ hồ sơ gửi Sở Công Thương qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Thời điểm gửi hồ sơ đề nghị thẩm định thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 34 Nghị định số 25/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thẩm định thông báo trả lại hồ sơ có tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do;

c) Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan thẩm định có trách nhiệm tổ chức thẩm định Kế hoạch trong vòng 15 ngày làm việc. Việc thẩm định Kế hoạch được thực hiện thông qua Hội đồng thẩm định theo quy định khoản 4 Điều 34 Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;

d) Sở Công Thương có trách nhiệm gửi thông báo kết quả thẩm định đến tổ chức, cá nhân trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thẩm định. Thông báo kết quả thẩm định phải thể hiện rõ kết luận của Hội đồng thẩm định về việc Kế hoạch đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện để thực hiện các bước tiếp theo và các yêu cầu đối với tổ chức, cá nhân.

Trường hợp Kế hoạch không đủ điều kiện để thực hiện các bước tiếp theo, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm xây dựng và trình thẩm định lại Kế hoạch.

Trường hợp Kế hoạch đủ điều kiện để thực hiện các bước tiếp theo, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu của Hội đồng thẩm định nêu tại Thông báo kết quả thẩm định;

đ) Đến thời điểm phê duyệt Kế hoạch theo quy định tại khoản 3 Điều 34, tổ chức, cá nhân gửi báo cáo về kết quả thực hiện các yêu cầu của Hội đồng thẩm định nêu tại Thông báo kết quả thẩm định, 01 bản điện tử và 07 bản in Kế hoạch đã được chỉnh sửa, bổ sung đến Hội đồng thẩm định thông qua cơ quan thẩm định;

e) Chậm nhất 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức, cá nhân, Hội đồng thẩm định tiến hành kiểm tra thực tế việc thực hiện các yêu cầu của Hội đồng thẩm định nêu tại Thông báo kết quả thẩm định; báo cáo kết quả

kiểm tra và kết luận kiến nghị phê duyệt hoặc không phê duyệt Kế hoạch;

g) Chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả kiểm tra của Hội đồng thẩm định, cơ quan phê duyệt Kế hoạch xem xét, phê duyệt Kế hoạch, trường hợp không phê duyệt Kế hoạch, phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do. Mẫu Quyết định phê duyệt Kế hoạch được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 25/2026/NĐ-CP;

h) Trên cơ sở Kế hoạch được phê duyệt, cơ quan thẩm định chứng thực vào trang phụ bìa của bản Kế hoạch và gửi Quyết định phê duyệt kèm theo Kế hoạch cho tổ chức, cá nhân, các cơ quan, đơn vị liên quan tại địa phương thực hiện dự án bao gồm: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Cơ quan quản lý chuyên ngành cấp tỉnh; cơ quan quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy cấp tỉnh; cơ quan quản lý nhà nước về môi trường cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế trong trường hợp địa điểm thực hiện dự án nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế; Ủy ban nhân dân cấp xã trong trường hợp Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:
 - + Quầy số 13 - số điện thoại 0273.3993889, Sở Công Thương tại địa chỉ số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp.
 - + Quầy số 14 - số điện thoại 02773.898958, lĩnh vực Công Thương tại địa chỉ số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công các xã, phường.
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công.
- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

(4) Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo mẫu 03a Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026.

- Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất gồm 09 bản.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

(5) Thời hạn giải quyết: 45 ngày làm việc

(6) Đối tượng thực hiện TTHC: Chủ đầu tư dự án, tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất nguy hiểm phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đối với tất cả các hóa chất nguy hiểm mà dự án có hoạt động theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

(7) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương.
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

(8) Kết quả thực hiện TTHC: Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.

(9) Phí, lệ phí: Chủ đầu tư dự án, tổ chức, cá nhân thực hiện nộp phí thẩm định theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu văn bản đề nghị thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất: Mẫu 03a Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ Công Thương quy định một số biện pháp thi hành Luật Hóa chất và Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

- Mẫu biên bản và thông báo kết quả thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất: Mẫu 03b-1 và Mẫu 03b-2 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ Công Thương quy định một số biện pháp thi hành Luật Hóa chất và Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

- Mẫu phiếu nhận xét đánh giá Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của các thành viên hội đồng thẩm định: Mẫu 03c Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ Công Thương quy định một số biện pháp thi hành Luật Hóa chất và Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất

- Mẫu báo cáo về kết quả thực hiện các yêu cầu của Hội đồng thẩm định: Mẫu 03d ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ Công Thương quy định một số biện pháp thi hành Luật Hóa chất và

Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

- Mẫu biên bản và báo cáo kết quả kiểm tra của Hội đồng thẩm định: Mẫu 03đ-1 và Mẫu 03-đ2 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ Công Thương quy định một số biện pháp thi hành Luật Hóa chất và Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

- Mẫu dấu chứng thực vào trang phụ bìa của bản Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được phê duyệt: Mẫu 03e Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ Công Thương quy định một số biện pháp thi hành Luật Hóa chất và Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

- Mẫu Quyết định phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất: Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất phải có các nội dung sau đây:

a) Thông tin về đặc tính, khối lượng, quy mô hoạt động, tồn trữ hóa chất, công nghệ sản xuất, sử dụng hóa chất, đặc điểm điều kiện địa lý, dân cư, môi trường nơi có hoạt động hóa chất;

Nhân lực, trang thiết bị phục vụ công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất;

Đánh giá sự ảnh hưởng của các điều kiện trên đối với công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất;

b) Dự báo nguy cơ, tình huống xảy ra sự cố hóa chất, xác định phạm vi ảnh hưởng, ước lượng hậu quả và nhận định phân cấp sự cố hóa chất;

c) Giải pháp phòng ngừa sự cố hóa chất tại khu vực tồn trữ hóa chất và tại các vị trí nguy cơ cao; giải pháp bảo quản, tránh thất thoát hóa chất;

d) Giải pháp ứng phó sự cố hóa chất tại các khu vực nguy cơ cao bao gồm các nội dung sau:

Phân vùng nguy hiểm, phương án triển khai lực lượng, phương tiện theo điều kiện địa hình, khí tượng;

Kỹ thuật, vật liệu ứng phó với các tình huống sự cố được nhận định;

Cách thức sử dụng trang thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp với đặc tính nguy

hiểm của từng loại hóa chất xảy ra sự cố;

Kế hoạch phối hợp với các lực lượng ngoài cơ sở;

Kế hoạch sơ tán người, tài sản;

đ) Kế hoạch diễn tập ứng phó sự cố hóa chất;

e) Phương án khắc phục hậu quả sự cố hóa chất theo quy định của pháp luật có liên quan.

Cách trình bày, bố cục của Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được quy định chi tiết tại phụ lục 2 Thông tư số 02/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ Công Thương quy định một số biện pháp thi hành Luật Hóa chất và Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

(12) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hóa chất số 69/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025;

- Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;

- Thông tư số 02/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ Công Thương quy định một số biện pháp thi hành Luật Hóa chất và Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

- Quyết định số 87/QĐ-BCT ngày 18 tháng 01 năm 2026 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung và thủ tục hành chính hủy bỏ, bãi bỏ trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hóa: tại mục (4)

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hóa: tại mục (8)

(15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử TTHC:

a) Thời hạn giải quyết: 45 ngày làm việc

b) Quy trình nội bộ và điện tử: 360 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp (trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến)	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương (tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh)	04 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
2	Giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể) + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: xem xét, có văn bản trả lời (trong 45 ngày làm việc)	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	08 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	240 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	08 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	16 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	04 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ
6	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	40 giờ
7	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	08 giờ
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	08 giờ
9	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	16 giờ
10	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Bộ phận TN và TKQ của Sở Công Thương	Văn thư và Bộ phận TN và TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ
11	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	Không tính thời gian

- Trường hợp nhận hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức chuyển đến Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương (TT PVHCC tỉnh)	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	04 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
2	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý công nghiệp thuộc Sở Công Thương	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	04 giờ
3	Giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải có văn bản thông báo cụ thể, thời hạn thông báo/yêu cầu bổ sung thực hiện theo quy định của từng thủ tục, không theo thời hạn giải quyết)</i> + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: xem xét, có văn bản trả lời (trong 07 ngày làm việc)	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp phân công chuyên viên	04 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	238 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp xem xét hồ sơ, chuyển lãnh đạo Sở	08 giờ
4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	16 giờ
5	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	04 giờ
6	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ
7	Thẩm định hồ sơ	Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	40 giờ
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	08 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	08 giờ
10	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	16 giờ
11	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Sở Công Thương (qua Bộ phận TN và TKQ của Sở)	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ
12	Chuyển kết quả đến Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	02 giờ
13	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Không tính thời gian

Mẫu 03a. Mẫu văn bản đề nghị thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ⁽¹⁾****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số:.....⁽²⁾.....⁽³⁾, ngày.... tháng.... năm.....**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ****Thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất**Kính gửi:⁽⁴⁾Tên tổ chức/cá nhân:⁽¹⁾

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại:..... Fax:.....

Dự án/Cơ sở hoạt động hóa chất:⁽⁵⁾

Địa điểm thực hiện:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số..... do..... cấp ngày.... tháng.... năm....

Đề nghị⁽⁴⁾ thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.....⁽⁶⁾.....⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số ... của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất. Nếu vi phạm⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Xin gửi kèm theo:

- Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất:⁽⁷⁾;- Các tài liệu kèm theo (nếu có)⁽⁸⁾.**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**
(Ký tên và đóng dấu)**Ghi chú:**

(1): Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất;

(2): Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân;

(3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký trụ sở chính;

(4): Cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

(5): Ghi đầy đủ tên của dự án, cơ sở hoạt động hóa chất theo hồ sơ dự án hoặc đăng ký thành lập cơ sở;

(6): Tên Kế hoạch (thể hiện rõ tên dự án/cơ sở, tên tổ chức/cá nhân và phù hợp với phạm vi, đối tượng của Kế hoạch);

(7): Ghi số lượng bản Kế hoạch gửi trong hồ sơ;

(8): Tên các giấy tờ kèm theo hồ sơ

Mẫu 03b. Mẫu thông báo kết quả thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

Mẫu 03b-1

TÊN TỔ CHỨC (1)
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(2), ngày tháng năm

BIÊN BẢN

Họp thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của Dự án(3) thuộc(4)

Căn cứ Nghị định số của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;

Căn cứ Thông tư số ... ngày... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định một số biện pháp thi hành Luật Hóa chất và Nghị định số số ... ngày... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;

Căn cứ Quyết định số ... ngày... tháng ... năm... của ... về việc thành lập Hội đồng thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của các cơ sở hoạt động về hóa chất;

(Các căn cứ pháp lý khác có liên quan)

Hội đồng thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã tiến hành họp thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của(3) thuộc.....(4)

I. Thông tin chung

1.1. Thời gian:

1.2. Địa điểm:

1.3. Thành phần tham dự

a) Hội đồng thẩm định:

TT	Họ và tên	Chức vụ, cơ quan/đơn vị công tác	Chức danh trong Hội đồng
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			

Số thành viên có mặt: thành viên.

Số thành viên vắng mặt: thành viên. Cụ thể:.....

b) Đại diện chủ đầu tư:

TT	Họ và tên	Chức vụ
1		
2		
3		
4		
5		

c) Đại diện đơn vị tư vấn (nếu có)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1		
2		
3		
4		
5		

II. Thông tin về dự án/cơ sở hoạt động hóa chất

- Dự án:

- Địa điểm thực hiện:

- Chủ đầu tư:

- Đơn vị quản lý và vận hành:

- Trụ sở chính:

-(4) được cấp giấy chứng nhận đăng ký

- Các thông tin khác (nếu có).

III. Hồ sơ trình thẩm định

(Liệt kê hồ sơ, tài liệu liên quan đến Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất và hồ sơ năng lực của đơn vị tư vấn xây dựng kế hoạch (nếu có)).

IV. Nội dung phiên họp

1. Công bố Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định

2. Trình bày nội dung Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

3. Hội đồng thẩm định thảo luận, nhận xét, đánh giá

4. Tổng hợp kết quả đánh giá

- Số thành viên hội đồng tham gia bỏ phiếu: thành viên.

- Số phiếu tán thành thông qua Kế hoạch: phiếu.

- Số phiếu tán thành thông qua Kế hoạch nhưng yêu cầu phải chỉnh sửa, bổ sung: phiếu.

- Số phiếu không tán thành thông qua Kế hoạch: phiếu.

V. Kết luận

1. Dự thảo Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của đã được Hội đồng thẩm định thống nhất đánh giá

2. Các yêu cầu đối với.....

Cuộc họp kết thúc vào hồi..... Nội dung của Biên bản được..... thành viên tham gia thẩm định nhất trí thông qua. Biên bản được in thành..... bản (.....)/.

THƯ KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan phê duyệt Kế hoạch
- (2) Tỉnh, thành phố nơi cơ quan 11 phê duyệt Kế hoạch đặt trụ sở chính
- (3) Tên dự án hoặc cơ sở hóa chất
- (4) Tên tổ chức, cá nhân chủ quản của dự án hoặc cơ sở hóa chất

Mẫu 03b-2

TÊN TỔ CHỨC (1)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

.....(2), ngày tháng năm

THÔNG BÁO**Kết quả thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất
của(3) thuộc(4)**

Kính gửi:.....(4)

..... (1) nhận được văn bản..... của(4) đề nghị thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất(3).

Căn cứ Luật Hóa chất số 69/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;

Căn cứ Thông tư số ... ngày... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định một số biện pháp thi hành Luật Hóa chất và Nghị định số ... ngày... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;

Căn cứ Quyết định số ... ngày... tháng ... năm... của ... về việc thành lập Hội đồng thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của các cơ sở hoạt động về hóa chất;

(Các căn cứ pháp lý khác có liên quan)

Ngày....., Hội đồng thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã tiến hành họp thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của(3) thuộc.....(4).

.....(1) thông báo kết quả thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của(3) thuộc.....(4) như sau:

I. Thông tin về dự án/cơ sở hoạt động hóa chất

- Dự án:
- Địa điểm thực hiện:
- Chủ đầu tư:
- Đơn vị quản lý và vận hành:
- Trụ sở chính:
-(4) được cấp giấy chứng nhận đăng ký
- Các thông tin khác (nếu có).

II. Hồ sơ trình thẩm định (Liệt kê hồ sơ, tài liệu liên quan đến Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất và hồ sơ năng lực của đơn vị tư vấn xây dựng kế hoạch (nếu có)).

III. Kết quả thẩm định

3.1. Tổng hợp ý kiến các thành viên Hội đồng thẩm định**3.2. Tổng hợp kết quả đánh giá của Hội đồng thẩm định**

- Số thành viên hội đồng tham gia bỏ phiếu: thành viên.
- Số phiếu tán thành thông qua Kế hoạch: phiếu.
- Số phiếu tán thành thông qua Kế hoạch nhưng yêu cầu phải chỉnh sửa, bổ sung: phiếu.
- Số phiếu không tán thành thông qua Kế hoạch: phiếu.

IV. Kết luận của Hội đồng thẩm định

1. Dự thảo Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của đã được Hội đồng thẩm định thống nhất đánh giá

2. Các yêu cầu đối với.....

Trên đây là thông báo của(1) về kết quả thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của(3) thuộc.....(4). Đề nghị(4) nghiên cứu thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

-
-
- Lưu

.....(5).....

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan thẩm định Kế hoạch
- (2) Tỉnh, thành phố nơi cơ quan phê duyệt Kế hoạch đặt trụ sở chính
- (3) Tên dự án hoặc cơ sở hóa chất
- (4) Tên tổ chức, cá nhân chủ quản của dự án hoặc cơ sở hóa chất
- (5) Thủ trưởng cơ quan thẩm định Kế hoạch

Mẫu 03c. Mẫu phiếu nhận xét đánh giá Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của các thành viên hội đồng thẩm định

**TÊN TỔ CHỨC (1)
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

.....(2)., ngày tháng năm

PHIẾU NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ
Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của
.....(3) thuộc(4)

1. Thông tin kế hoạch:

- Tên kế hoạch : Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của(3)
thuộc.....(4)

- Cơ sở hoạt động hóa chất:
- Địa điểm thực hiện.
- Tổ chức quản lý:

2. Thông tin người nhận xét:

Họ tên:
Chức vụ:
Cơ quan:

3. Kết quả đánh giá (thành viên Hội đồng ký vào ô đã lựa chọn):

- Đồng ý thông qua Kế hoạch
- Đồng ý thông qua Kế hoạch nhưng yêu cầu phải chỉnh sửa bổ sung
- Không đồng ý thông qua Kế hoạch

4. Ý kiến nhận xét:

4.1 Các nội dung đạt yêu cầu:

.....

4.2 Các nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung

.....

.....

Người nhận xét, đánh giá

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan phê duyệt Kế hoạch
- (2) Tỉnh, thành phố nơi cơ quan phê duyệt Kế hoạch đặt trụ sở chính
- (3) Tên dự án hoặc cơ sở hóa chất
- (4) Tên tổ chức, cá nhân chủ quản của dự án hoặc cơ sở hóa chất

Mẫu 03d: Mẫu báo cáo về kết quả thực hiện các yêu cầu của Hội đồng thẩm định

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN (1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

.....(2) ngày tháng năm

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện các yêu cầu của hội đồng thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

Kính gửi:(4).....

Tên tổ chức/cá nhân:(1).....

Địa chỉ trụ sở chính: Điện

thoại: Fax:

Dự án/Cơ sở hoạt động hóa chất:

Địa điểm thực hiện:

Thông tin về giấy chứng nhận đầu tư/ giấy đăng ký hoạt động.....

Căn cứ Thông báo kết quả họp thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của(3) thuộc.....(1) ngày tháng năm,(1) đã tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung Kế hoạch theo ý kiến của Hội đồng thẩm định. Các nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung Kế hoạch được đính kèm tài Phụ lục.

.....(1) báo cáo, đề nghị Bộ Công Thương xem xét, kiểm tra và phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của(3) thuộc.....(1)/.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên tổ chức, cá nhân chủ quản của dự án hoặc cơ sở hóa chất
- (2) Tỉnh, thành phố nơi cơ quan phê duyệt Kế hoạch đặt trụ sở chính
- (3) Tên dự án hoặc cơ sở hóa chất
- (4) Tên cơ quan thẩm định Kế hoạch.

Mẫu 03đ. Mẫu báo cáo kết quả kiểm tra của Hội đồng thẩm định

TÊN TỔ CHỨC (1)
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(2), ngày tháng năm

BÁO CÁO

Kết quả kiểm tra việc thực hiện các nội dung sau thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của Dự án(3) thuộc(4)

Thực hiện các quy định về thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất tại Nghị định số ... của Chính phủ Nghị định quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;

Thông tư số ... của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định biện pháp thi hành Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;

Quyết định số ngày.... tháng năm..... của về việc thành lập Hội đồng thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của các cơ sở hoạt động về hóa chất;

Báo cáo số của(4) về kết quả thực hiện các yêu cầu của hội đồng thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất;

Hội đồng thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của Bộ Công Thương đã tiến hành kiểm tra thực tế việc thực hiện các nội dung thuộc Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của(3) thuộc.....(4)

Thời gian bắt đầu:

Địa điểm:

I. Thành phần tham dự**1. Hội đồng thẩm định:**

Hội đồng thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của(3) thuộc.....(4) gồm các thành viên:

TT	Họ và tên	Chức vụ, cơ quan/đơn vị công tác	Chức danh trong Hội đồng
1			
2			
n			

Số thành viên có mặt: thành viên.

Số thành viên vắng mặt: thành viên.

Chủ trì:

Thư ký:

2. Đại diện chủ đầu tư:

TT	Họ và tên	Chức vụ
1		

2		
n		

3. Đại diện đơn vị tư vấn (nếu có)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1		
2		
n		

II. Thông tin về dự án/cơ sở hoạt động hóa chất

- Dự án:
- Địa điểm thực hiện:
- Chủ đầu tư:
- Đơn vị quản lý và vận hành:
- Trụ sở chính:
-(4) được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động

III. Nội dung kiểm tra

1. Nội dung thực hiện

- Thư ký Hội đồng công bố Quyết định thành lập Hội đồng. Số lượng thành viên Hội đồng tham gia đoàn kiểm tra là thành viên, đạt%, đủ điều kiện tiến hành kiểm tra. Chủ tịch Hội đồng tiếp tục điều hành thực hiện hoạt động kiểm tra.

- Kiểm tra thực tế tại dự án.
- Hội đồng chuyển sang phiên thảo luận, nhận xét, đánh giá Dự thảo Kế hoạch.

2. Ý kiến các thành viên Hội đồng thẩm định

2.1. Các nội dung đáp ứng theo dự thảo Kế hoạch

2.2. Các nội dung chưa đạt yêu cầu, cần bổ sung chỉnh sửa (nếu có)

Qua xem xét, đánh giá, các thành viên Hội đồng có những ý kiến đối với các nhóm nội dung như sau:

3. Tổng hợp kết quả đánh giá

- Số thành viên hội đồng tham gia bỏ phiếu: thành viên.
- Số phiếu tán thành thông qua Kế hoạch: phiếu.
- Số phiếu tán thành thông qua Kế hoạch nhưng yêu cầu phải chỉnh sửa, bổ sung: phiếu.
- Số phiếu không tán thành thông qua Kế hoạch: phiếu.

V. Kết Luận

Dự thảo Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của đã được Hội đồng thẩm định thống nhất đánh giá

Đề nghị hoàn thiện việc chỉnh sửa, bổ sung, làm rõ thông tin hoặc giải trình theo các nội dung nêu tại Mục 2.2 của Biên bản này (nếu có).

Sau khi hoàn thiện việc Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định Kế hoạch bằng văn bản, gửi về Bộ Công Thương (Cục Hóa chất), để được xem xét, kiểm tra và phê duyệt Kế hoạch theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan phê duyệt Kế hoạch
- (2) Tỉnh, thành phố nơi cơ quan phê duyệt Kế hoạch đặt trụ sở chính
- (3) Tên dự án hoặc cơ sở hóa chất
- (4) Tên tổ chức, cá nhân chủ quản của dự án hoặc cơ sở hóa chất

Mẫu 03đ. Mẫu biên bản và báo cáo kết quả kiểm tra của Hội đồng thẩm định**Mẫu 03đ-1**

TÊN TỔ CHỨC (1)
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(2), ngày tháng năm

BIÊN BẢN

Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu của Hội đồng thẩm định đối với Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của Dự án(3) thuộc(4)

Căn cứ Luật Hóa chất số 69/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;

Căn cứ thông tư số ... ngày... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định một số biện pháp thi hành Luật Hóa chất và Nghị định số số ... ngày... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;

Căn cứ Quyết định số ... ngày... tháng ... năm... của ... về việc thành lập Hội đồng thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của các cơ sở hoạt động về hóa chất;

(Các căn cứ pháp lý khác có liên quan)

Xét Báo cáo của(4) về kết quả thực hiện các yêu cầu của hội đồng thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất;

Hội đồng thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã tiến hành kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu của Hội đồng thẩm định đối với Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của Dự án(3) thuộc(4)

I. Thông tin chung

1.1. Thời gian kiểm tra:

1.2. Địa điểm tiến hành kiểm tra:

1.3. Thành phần tham dự

a) Hội đồng thẩm định:

TT	Họ và tên	Chức vụ, cơ quan/đơn vị công tác	Chức danh trong Hội đồng
1			
2			
3			
4			
5			

TT	Họ và tên	Chức vụ, cơ quan/đơn vị công tác	Chức danh trong Hội đồng
6			
7			

Số thành viên có mặt: thành viên.

Số thành viên vắng mặt: thành viên. Cụ thể:.....

b) Đại diện chủ đầu tư:

TT	Họ và tên	Chức vụ
1		
2		
3		
4		
5		

c) Đại diện đơn vị tư vấn (nếu có)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1		
2		
3		
4		
5		

II. Thông tin về dự án/cơ sở hoạt động hóa chất

- Dự án:

- Địa điểm thực hiện:

- Chủ đầu tư:

- Đơn vị quản lý và vận hành:

- Trụ sở chính:

-(4) được cấp giấy chứng nhận đăng ký

- Các thông tin khác (nếu có).

IV. Nội dung kiểm tra

3.1. Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu của Hội đồng thẩm định

(Nêu rõ các nội dung đạt yêu cầu; các nội dung chưa đạt yêu cầu, cần bổ sung chỉnh sửa (nếu có))

3.2. Tổng hợp kết quả đánh giá của Hội đồng thẩm định

- Số thành viên hội đồng tham gia bỏ phiếu: thành viên.

- Số phiếu đồng ý phê duyệt Kế hoạch: phiếu.

- Số phiếu đồng ý phê duyệt Kế hoạch nhưng yêu cầu phải chỉnh sửa, bổ sung: phiếu.

- Số phiếu không đồng ý phê duyệt Kế hoạch: phiếu.

V. Kết luận

1. Hội đồng thẩm định kiến nghị *phê duyệt/không phê duyệt* Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của(3) thuộc.....(4)

2. Các yêu cầu đối với.....(4) *(nếu có)*

Buổi kiểm tra kết thúc vào hồi..... Nội dung của Biên bản được..... thành viên tham gia nhất trí thông qua. Biên bản được in thành..... bản (.....) ./.

THƯ KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan phê duyệt Kế hoạch
- (2) Tỉnh, thành phố nơi cơ quan phê duyệt Kế hoạch đặt trụ sở chính
- (3) Tên dự án hoặc cơ sở hóa chất
- (4) Tên tổ chức, cá nhân chủ quản của dự án hoặc cơ sở hóa chất

Mẫu 03đ-2

TÊN TỔ CHỨC (1)
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(2), ngày tháng năm

BÁO CÁO

Kết quả kiểm tra của Hội đồng thẩm định
Về việc thực hiện các yêu cầu của Hội đồng thẩm định đối với Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố
hóa chất của Dự án(3) thuộc(4)

Căn cứ Luật Hóa chất số 69/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;

Căn cứ Thông tư số ... ngày... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định một số biện pháp thi hành Luật Hóa chất và Nghị định số số ... ngày... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;

Căn cứ Quyết định số ... ngày... tháng ... năm... của ... về việc thành lập Hội đồng thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của các cơ sở hoạt động về hóa chất;

(Các căn cứ pháp lý khác có liên quan)

Xét Báo cáo của(4) về kết quả thực hiện các yêu cầu của hội đồng thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất;

Hội đồng thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã tiến hành kiểm tra thực tế việc thực hiện các yêu cầu của Hội đồng thẩm định đối với Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của(3) thuộc.....(4)

I. Thông tin chung

1.1. Thời gian kiểm tra:

1.2. Địa điểm tiến hành kiểm tra:

1.3. Thành phần tham dự

a) Hội đồng thẩm định:

TT	Họ và tên	Chức vụ, cơ quan/đơn vị công tác	Chức danh trong Hội đồng
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			

Số thành viên có mặt: thành viên.

Số thành viên vắng mặt: thành viên. Cụ thể:.....

b) Đại diện chủ đầu tư:

TT	Họ và tên	Chức vụ
1		
2		
3		
4		
5		

c) Đại diện đơn vị tư vấn (nếu có)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1		
2		
3		
4		
5		

II. Thông tin về dự án/cơ sở hoạt động hóa chất

- Dự án:

- Địa điểm thực hiện:

- Chủ đầu tư:

- Đơn vị quản lý và vận hành:

- Trụ sở chính:

-(4) được cấp giấy chứng nhận đăng ký

- Các thông tin khác (nếu có).

III. Kết quả kiểm tra

3.1. Tổng hợp ý kiến các thành viên Hội đồng thẩm định

- Các nội dung đạt yêu cầu

- Các nội dung chưa đạt yêu cầu, cần bổ sung chỉnh sửa (nếu có)

3.2. Tổng hợp kết quả đánh giá của Hội đồng thẩm định

- Số thành viên hội đồng tham gia bỏ phiếu: thành viên.

- Số phiếu đồng ý phê duyệt Kế hoạch: phiếu.

- Số phiếu đồng ý phê duyệt Kế hoạch nhưng yêu cầu phải chỉnh sửa, bổ sung: phiếu.

- Số phiếu không đồng ý phê duyệt Kế hoạch: phiếu.

IV. Kết luận

1. Hội đồng thẩm định kiến nghị *phê duyệt/không phê duyệt* Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự

cố hóa chất của(3) thuộc.....(4)

2. Các yêu cầu đối với.....(4) *(nếu có)*

Trên đây là Báo cáo của Hội đồng thẩm định về kết quả kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu của Hội đồng thẩm định đối với Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của(3) thuộc.....(4)/.

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan phê duyệt Kế hoạch
- (2) Tỉnh, thành phố nơi cơ quan phê duyệt Kế hoạch đặt trụ sở chính
- (3) Tên dự án hoặc cơ sở hóa chất
- (4) Tên tổ chức, cá nhân chủ quản của dự án hoặc cơ sở hóa chất

Mẫu 03e: Mẫu dấu chứng thực vào trang phụ bìa của bản Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được phê duyệt

Mẫu 03e

CHỨNG THỰC

.....(1)..... chứng thực

Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của

Dự án..... thuộc.....

Địa chỉ tại:.....

Đã được phê duyệt theo Quyết định số...../QĐ-... ngày.... tháng..... năm 202...
của.....(2).....

Hà Nội, ngày... tháng... năm 202...

Ghi chú:

⁽¹⁾ Tên cơ quan thẩm định Kế hoạch

⁽²⁾ Thủ trưởng cơ quan phê duyệt Kế hoạch.

Mẫu số 02. Mẫu Quyết định phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất**CƠ QUAN PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

.....⁽¹⁾, ngày tháng năm**QUYẾT ĐỊNH****Về việc phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của
.....⁽²⁾ thuộc.....⁽³⁾****THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH***Căn cứ Luật Hóa chất ngày 14 tháng 6 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số/...../NĐ-CP ngày.... tháng... năm.... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của... ;**Căn cứ Nghị định số/...../NĐ-CP ngày.... tháng... năm.... của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;**Căn cứ⁽⁴⁾;**Xét kết luận của Hội đồng thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của⁽²⁾ thuộc⁽³⁾;**Xét nội dung Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của⁽²⁾ thuộc⁽³⁾ được chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định và văn bản giải trình số ngày tháng năm..... của.....⁽³⁾;**Theo đề nghị của⁽⁵⁾;***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Phê duyệt nội dung Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của⁽²⁾ thuộc⁽³⁾ tại địa điểm:⁽⁶⁾;**Điều 2**⁽³⁾ có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung trong Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất và thực hiện những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất số 69/2025/QH15, Nghị định số/...../NĐ-CP ngày.... tháng... năm.... của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

2.

n.

Điều 3. Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất và những yêu cầu bắt buộc quy định tại Điều 2 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện công tác an toàn hóa chất và

ứng phó sự cố hóa chất của⁽³⁾ tại cơ sở hoạt động hóa chất/tại nơi thực hiện dự án.

Điều 4. Trường hợp có sự thay đổi trong quá trình đầu tư và hoạt động liên quan đến những nội dung đề ra trong Kế hoạch đã được phê duyệt,⁽³⁾ phải báo cáo để⁽⁷⁾ xem xét, quyết định.

Điều 5⁽⁸⁾ kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung của Kế hoạch đã được phê duyệt và các yêu cầu quy định tại Điều 2 của Quyết định này.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;

-

- Lưu:....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tỉnh, thành phố nơi cơ quan phê duyệt Kế hoạch đặt trụ sở chính.

(2) Tên dự án hoặc cơ sở hóa chất.

(3) Tên tổ chức, cá nhân chủ quản của dự án hoặc cơ sở hóa chất.

(4) Văn bản có liên quan.

(5) Thủ trưởng đơn vị được giao thẩm định Kế hoạch.

(6) Địa điểm xây dựng dự án hoặc cơ sở hóa chất.

(7) Đơn vị được giao tiếp nhận hồ sơ, thẩm định kế hoạch.

(8) Cơ quan quản lý ngành cấp tỉnh tại địa phương xây dựng dự án hoặc cơ sở hóa chất.